

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

CTCP DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG



*TỐC ĐỘ - NGHIÊN CỨU & PHÁT TRIỂN*



# Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị

## Kính thưa Quý vị Cổ Đông!

2019 là năm thứ hai liên tiếp Việt Nam hoàn thành 12/12 chỉ tiêu chính về phát triển kinh tế - xã hội để ra, được tổ chức kinh tế thế giới đánh giá tích cực: nền kinh tế Việt Nam *là một trong số các nền kinh tế tốt nhất trên thế giới để đầu tư, năng lực cạnh tranh đã cải thiện hơn.*

Tuy nhiên, năm 2019 đã không thành công với Ngành Dệt May cũng như các doanh nghiệp trong Ngành với các kết quả chưa đạt như kỳ vọng - kim ngạch xuất khẩu Ngành chỉ đạt 97,5% so với kế hoạch, tốc độ tăng trưởng thấp hơn so với năm 2018.

Những nguyên nhân đã ảnh hưởng đến kết quả thực hiện của toàn Ngành Dệt May 2019 là từ sự biến động lớn của thị trường, cụ thể là tổng nhu cầu dệt may thế giới 2019 giảm mạnh so với năm 2018; đơn hàng nhỏ tăng, thời hạn giao hàng rút ngắn, cạnh tranh mạnh về giá bán, biến động giá nguyên liệu xơ sợi khó lường; thị trường xuất khẩu sợi chính (Trung Quốc) bị thu hẹp; cạnh tranh gay gắt với hàng nhập lậu, hàng giả, sự có mặt của các thương hiệu nước ngoài ....; những hạn chế vốn có từ nền kinh tế trong nước (chi phí đầu vào cao, năng lực cạnh tranh thấp, kiểm soát thị trường ...) và của các doanh nghiệp (khả năng dự báo, khai thác năng lực hiện có...). Từ đó, ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh chung của Ngành, trong đó có Thành Công.

Đứng trước những khó khăn trên, Ban lãnh đạo cùng tập thể CBCNV Công ty cũng đã rất nỗ lực tìm các giải pháp đảm bảo tối đa đơn hàng cho sản xuất; ưu tiên đẩy mạnh Nghiên cứu phát triển nhằm đưa ra mẫu mã với tính năng đặc biệt, thu

hút đơn hàng mới; nâng cao hiệu quả hoạt động bằng kiểm soát chặt chẽ rủi ro ... với mục tiêu duy trì sản xuất kinh doanh có lợi nhuận, tạo sự yên tâm cho khách hàng, nhà đầu tư, người lao động .... Tuy kết quả năm qua chưa đạt kỳ vọng, nhưng đây là một kết quả đáng trân trọng bằng tất cả sự nỗ lực và công sức lao động của tập thể CBCNV Công ty. Thay mặt HĐQT, tôi chân thành cảm ơn Ban lãnh đạo cùng toàn thể CBCNV Công ty về sự đóng góp này. Qua đây, tôi xin gửi lời tri ân đến các Quý cổ đông, khách hàng và các đối tác ... đã tin tưởng và đồng hành cùng Thành Công trong một năm qua.

Năm 2020 được dự báo khó khăn hơn 2019 với tăng trưởng chậm của kinh tế toàn cầu; tiếp tục những khó khăn tồn tại cũ; sự bùng phát dịch bệnh COVID-19 trên phạm vi toàn cầu đã gây tác động lên toàn bộ nền kinh tế thế giới; những thách thức mới khi tham gia vào Hiệp định CPTPP, EVFTA và vận hành doanh nghiệp trong thời đại công nghiệp 4.0... Nhưng, Ngành Dệt May vẫn còn những cơ hội, đó là kim ngạch nhập khẩu dệt may toàn cầu 2020 dự báo tăng so với 2019; các thị trường mới tiềm năng từ CPTPP, EVFTA được mở rộng; thu hút đầu tư nước ngoài tăng sẽ thúc đẩy Dệt May phát triển (dệt, nhuộm) .... , đây là những yếu tố sẽ hỗ trợ cho các Doanh nghiệp thực hiện tốt hơn nhiệm vụ năm 2020.

Với năng lực hoạt động thực tiễn, đối mặt với những khó khăn thách thức trong năm 2020, Ban lãnh đạo và CBCNV sẽ phải nỗ lực nhiều hơn, sáng tạo đổi mới cách làm, tạo ra những sản phẩm, dịch vụ mới cho khách hàng và thị trường bằng chiến lược “Đẩy nhanh tốc độ sản xuất” tạo sự bứt phá về tốc độ ngay từ khâu thiết kế mẫu và tập trung

“Nghiên cứu phát triển” nhằm cung cấp cho thị trường nhiều sản phẩm mới có tính năng đặc biệt để thu hút khách hàng; nắm bắt và khai thác nhanh những cơ hội mới; nhanh chóng khắc phục những hạn chế, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty ...

Năm 2020, với thông điệp “**Đẩy nhanh tốc độ**” – “**Nghiên cứu phát triển**” (“**Speed**” – “**Research & Business Development**”) cho hành động; phát huy thế mạnh của đội ngũ lao động luôn với tinh thần trách nhiệm cao, nỗ lực vượt qua thách thức, sẵn sàng đổi mới, đoàn kết quyết tâm thực hiện tốt nhiệm vụ được giao... Hội đồng quản trị tin tưởng rằng tập thể CBCNV Công ty sẽ thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đã đề ra, làm tiền đề tạo nên bước ngoặt mới cho mục tiêu phát triển Công ty trong những năm kế tiếp.

Kính chúc Quý vị

**SỨC KHỎE - HẠNH PHÚC - THÀNH CÔNG!**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Phan Thị Huệ**



# MỤC LỤC

1

THÔNG TIN CHUNG

2

TÌNH HÌNH HOẠT  
ĐỘNG TRONG NĂM

3

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA  
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

4

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT  
VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA  
CÔNG TY

5

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA  
ỦY BAN KIỂM TOÁN

6

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN  
QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG  
VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

7

QUẢN TRỊ CÔNG TY

8

BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
NĂM 2019



## THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Các nhân tố rủi ro

## THÔNG TIN KHÁI QUÁT

### CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301446221 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 23 tháng 06 năm 2006, thay đổi lần thứ 20 ngày 17 tháng 07 năm 2019.

Vốn điều lệ 580.169.180.000 đồng

Địa chỉ 36 Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Số điện thoại (028) 38 153962

Số fax (028) 38 152757

Website [www.thanhcong.com.vn](http://www.thanhcong.com.vn)

Mã cổ phiếu **TCM**

Sàn giao dịch HOSE



# QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1967  
-1975

## Những ngày đầu thành lập

Là một xí nghiệp dệt tư nhân quy mô nhỏ mang tên “Tái Thành Kỹ Nghệ Dệt” với hai ngành sản xuất chính là dệt và nhuộm.

Số lượng lao động: 500 người.

Sản phẩm chủ lực: Oxford, Poly Soir, Sanderep ... được tiêu thụ chủ yếu tại thị trường miền Nam và một phần tại Campuchia.



## Ổn định và tăng trưởng

1976  
-1985

## Nỗ lực để tồn tại

Được Nhà nước tiếp quản và đổi tên thành Nhà máy Dệt Thành Công trực thuộc Liên hiệp các xí nghiệp dệt – Bộ Công nghiệp nhẹ.

Đề xuất và thực hiện thành công mô hình xuất khẩu tam giác. Đến năm 1985, Nhà máy đã xuất khẩu được 8,3 triệu mét vải, doanh số đạt 83,6 triệu đồng (tương đương 21 triệu USD).

Là một trong những đơn vị đầu tiên thực hiện thử nghiệm mô hình sản xuất kinh doanh gắn với thị trường, Nhà máy đã có những đóng góp quan trọng vào quá trình đổi mới cơ chế quản lý doanh nghiệp, kinh tế đất nước.

1986  
-2005

## Đầu tư để phát triển

1986: Tạo ra bước đột phá trong cơ chế sản xuất kinh doanh và đầu tư thông qua việc tự trang bị các máy móc, dây chuyền sản xuất hiện đại theo phương thức tự vay tự trả.

1990: Vinh dự được Nhà nước trao tặng danh hiệu cao quý “Anh hùng lực lượng vũ trang”.

1991: Đổi tên thành Công ty Dệt Thành Công.

1992: Tiếp nhận xí nghiệp sợi Khánh Hội; đầu tư, thay thế toàn bộ thiết bị cũ lạc hậu bằng dây chuyền sản xuất mới hiện đại trị giá gần 4 triệu USD, công suất 2.000 tấn/năm.

2006  
-2012

## Đổi mới để hội nhập và tăng trưởng

2006 – 2009: Tiến hành cổ phần hoá, đổi tên thành Công ty Cổ phần Dệt May Thành Công, sau đó là Công ty Cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công và niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là TCM. Phát hành cổ phiếu cho cổ đông chiến lược nước ngoài là Công ty E-land Asia Holdings Pte. Ltd (Singapore) thuộc tập đoàn E-land Hàn Quốc. Tập đoàn E-land sau đó đã tham gia vào hoạt động quản lý Công ty.

2010: Triển khai ứng dụng các công cụ quản lý tiên tiến, hiện đại như hệ thống Lean trong sản xuất, hệ thống ERP, BSC trong hoạt động quản lý doanh nghiệp; tập trung đầu tư cho phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho tương lai thông qua chương trình đào tạo thực tập sinh.

2011: Đầu tư thêm thiết bị cho nhà máy sợi 4, nhà máy đan kim để tăng năng lực sản xuất; mở rộng thị trường xuất khẩu sang Hàn Quốc và gia tăng tỉ lệ đơn hàng FOB; nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho dự án TC1.

2012: Triển khai tiếp ERP giai đoạn 2 cho khối sản xuất; kiểm soát chất lượng sản phẩm, chi phí sản xuất và cải tiến hiệu suất thông qua TFT (Task Force Team).

2013  
-2014

2013: Xây dựng nhà máy đan kim mới tại cụm Khu công nghiệp Nhì Xuân.

2014: Nhận Giấy chứng nhận đầu tư và thành lập Công ty TNHH TC Tower; lần thứ hai vinh dự nhận giải thưởng Trách nhiệm xã hội (CSR) do Chính phủ Việt Nam và Hàn Quốc trao tặng; Top 5 “Doanh nghiệp Dệt May tiêu biểu” do Hiệp hội Dệt May Việt Nam trao tặng; Giải thưởng “Doanh nghiệp có thành tích hoạt động xuất sắc” do Bộ Công Thương trao tặng; Top 50 doanh nghiệp có báo cáo thường niên tốt nhất

2015

Xây dựng nhà máy Thành Công - Vinh Long và thành lập Công ty TNHH MTV Thành Công - Vinh Long; thành lập Công ty TNHH MTV TC E.Land; Top 10 doanh nghiệp tín nhiệm nhất Việt Nam cùng hệ thống ngành kinh tế; Top 30 Báo cáo thường niên tốt nhất thị trường chứng khoán Việt Nam; Giải thưởng Top 50 doanh nghiệp niêm yết tốt nhất Việt Nam do Forbes Việt Nam trao tặng; Giải thưởng Doanh nghiệp tiêu biểu thành phố Hồ Chí Minh cùng nhiều giải thưởng khác.

2016

Vận hành Xưởng Đan kim số 4, chủ yếu sản xuất đơn hàng single cài Spandex và Double cài Spandex, chất lượng vải đàn hồi tốt hơn vải thông thường; Tháng 8 kỷ niệm 40 năm thành lập Công ty; Tháng 10 đầu tư bổ sung 55 máy dệt mới, tăng sản lượng Ngành Dệt thêm 6,6 triệu mét vải dệt/năm.



2017

Tăng vốn điều lệ Công ty lên 516.538.290.000 đồng vào tháng 8/2017; Công ty đã thành lập Bộ phận Kinh doanh vải đan nhằm tìm cơ hội đưa các sản phẩm mới nghiên cứu vào kinh doanh; bên cạnh đó Công ty thành lập thêm một bộ phận kinh doanh tập trung khai thác khách hàng từ thị trường Hoa Kỳ và bước đầu đã có những tín hiệu tích cực.



2018

Tăng vốn điều lệ Công ty lên 542.300.550.000 đồng vào tháng 06/2018; tháng 05/2018, Công ty đã thực hiện sáp nhập Công ty TNHH MTV Thành Công - Vinh Long và nhận chuyển nhượng dự án Xưởng may Trảng Bàn tại Khu Công nghiệp Trảng Bàn, tỉnh Tây Ninh của Công ty TNHH E.Land Việt Nam vào tháng 10/2018; Công ty cũng đã đầu tư thêm máy dệt để tăng năng lực vải dệt thêm 2 triệu mét/năm; Công ty đã chuyển đổi một nhà máy sợi chuyên tập trung sản xuất các mặt hàng sợi mới do Phòng Nghiên cứu Phát triển thử nghiệm.

2019

Tháng 5/2019, Công ty đã khánh thành Xưởng Dệt số 2 với công suất 2.400.000 mét vải/năm, nâng tổng công suất vải dệt lên 15.000.000 mét/năm. Tháng 07/2019 Tăng vốn điều lệ Công ty lên 580.169.180.000 đồng. Công ty đã ký kết Biên bản ghi nhớ với Tập đoàn Juki Singapore, là một tập đoàn rất nổi tiếng về máy móc, thiết bị trong Ngành may để triển khai dự án Nhà máy thông minh tại Công ty.



# CÁC THÀNH TÍCH, GIẢI THƯỞNG NỔI BẬT TRONG NĂM



02/2019

**Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao do Người tiêu dùng bình chọn**  
Hội Doanh nghiệp hàng Việt Nam chất lượng cao trao tặng



10/2019

**Doanh nghiệp tiêu biểu vì người lao động**  
**Ngành Dệt May Việt Nam**  
Công đoàn Dệt May Việt Nam

06/2019

**TOP 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam**  
Báo Đầu Tư & Công ty chứng khoán Thiên Việt trao tặng



11/2019

**Doanh nghiệp bền vững**  
Phòng Thương Mại và Công nghiệp Việt Nam



09/2019

**Sản phẩm, dịch vụ tiêu biểu TP.HCM**  
Hội Doanh nghiệp Tp.Hồ Chí Minh trao tặng



11/2019

**Bằng khen của Bộ Trưởng, Chủ nhiệm Ban Dân Tộc**  
Chủ Tịch Ủy Ban dân tộc



09/2019

**Doanh nghiệp phát triển bền vững 43 năm**  
Hội Doanh nghiệp Tp.Hồ Chí Minh trao tặng



12/2019

**Top 500 Công ty lợi nhuận tốt nhất Việt Nam**  
**Top 500 Công ty lớn nhất Việt Nam**  
Tổ chức VNR - Vietnam Report & Báo Vietnam Net

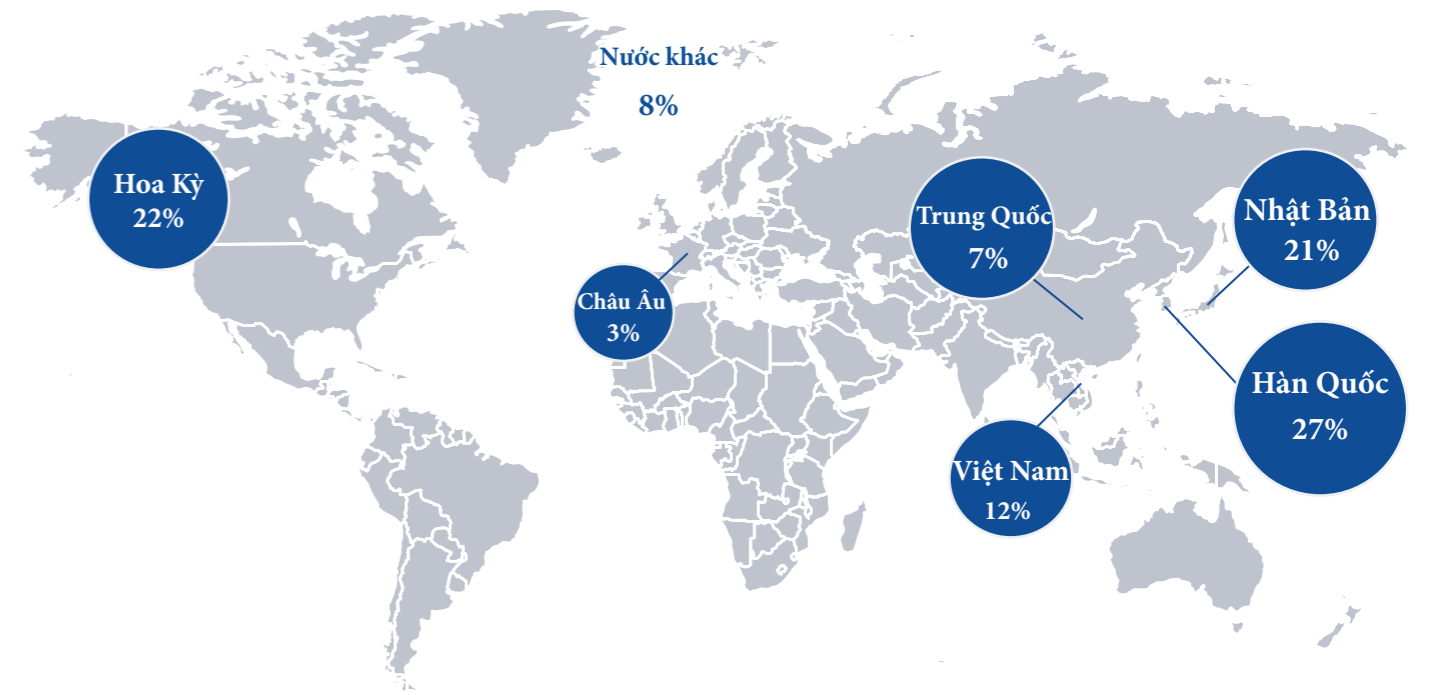


**Ngành nghề kinh doanh**

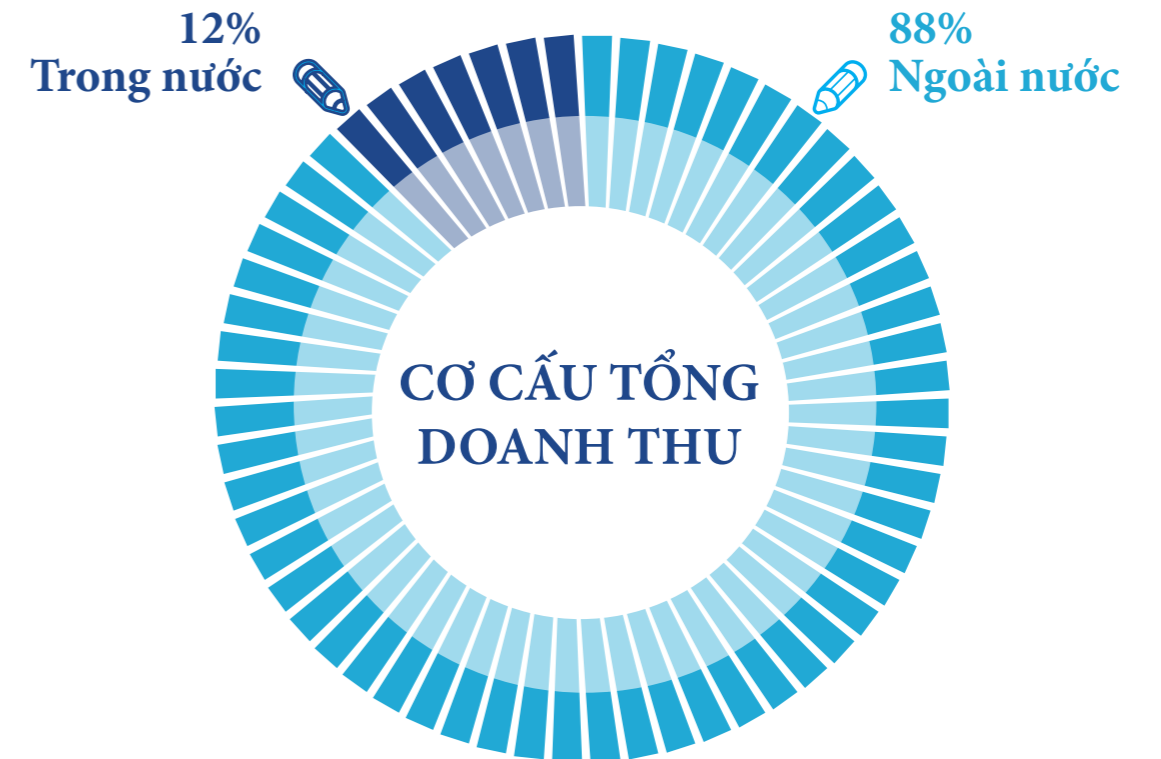
- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại bông, xơ, sợi, vải, hàng may mặc, giày dép và máy móc, thiết bị, phụ tùng, nguyên phụ liệu, vật tư, hoá chất (trừ các hoá chất độc hại), thuốc nhuộm, bao bì;
- Kinh doanh bất động sản;
- Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại: thịt và các sản phẩm thịt; thủy sản; rau, quả; sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; đồ uống; thực phẩm khác (trừ lúa, gạo, đường); môi giới thương mại; uỷ thác mua bán hàng hoá; đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá; cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi;
- Đầu tư, xây dựng, kinh doanh, lắp đặt, sửa chữa, lập tổng dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng khu công nghiệp, khu du lịch; giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng – công nghiệp; tư vấn xây dựng (không bao gồm: khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng công trình, kỹ sư hoạt động xây dựng, kiến trúc sư hoạt động xây dựng);
- Khách sạn, biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự; nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống.



**Địa bàn kinh doanh**



Công ty chủ yếu xuất khẩu sang thị trường Mỹ, Nhật Bản, Châu Âu, Hàn Quốc và Trung Quốc.

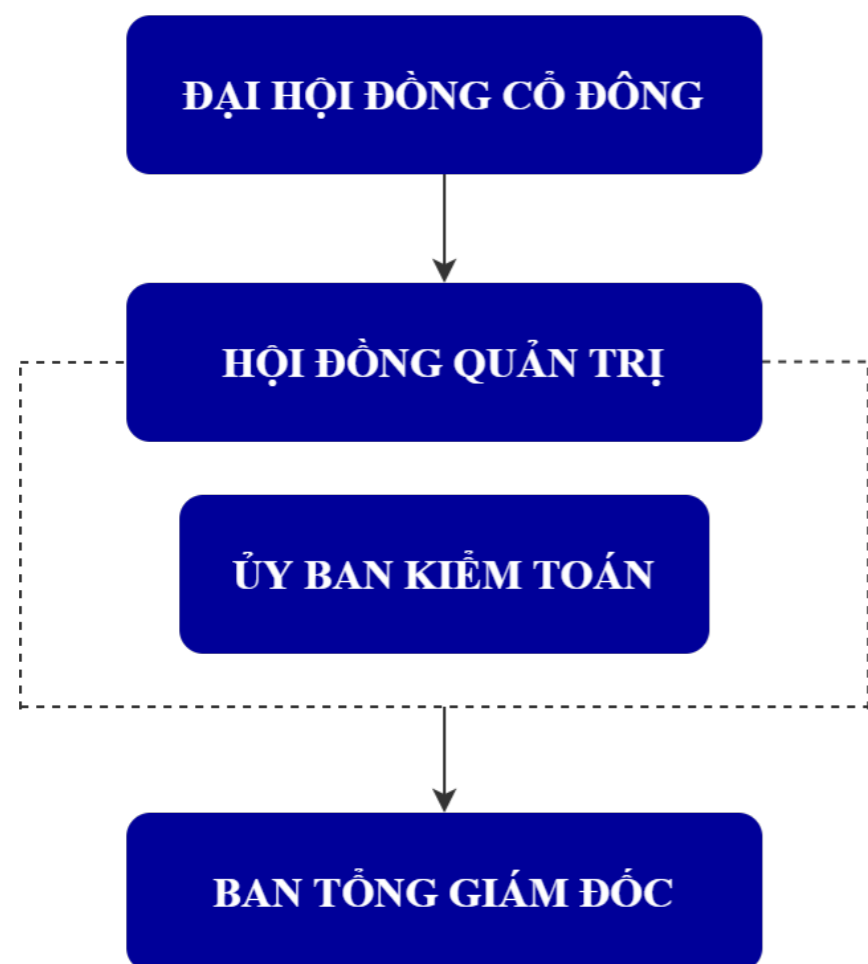






# MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

## Mô hình quản trị



Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật liên quan:

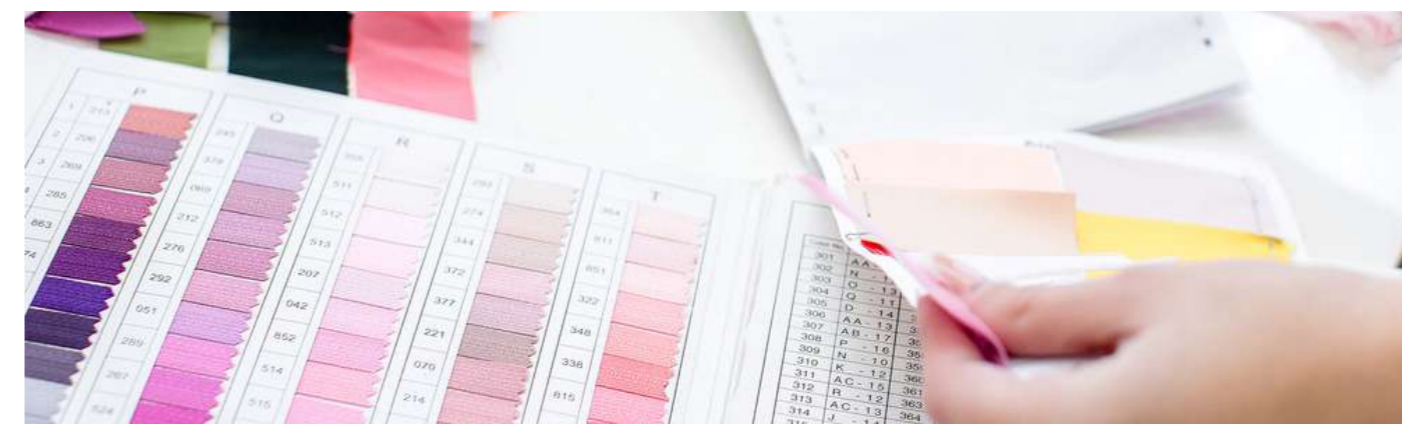
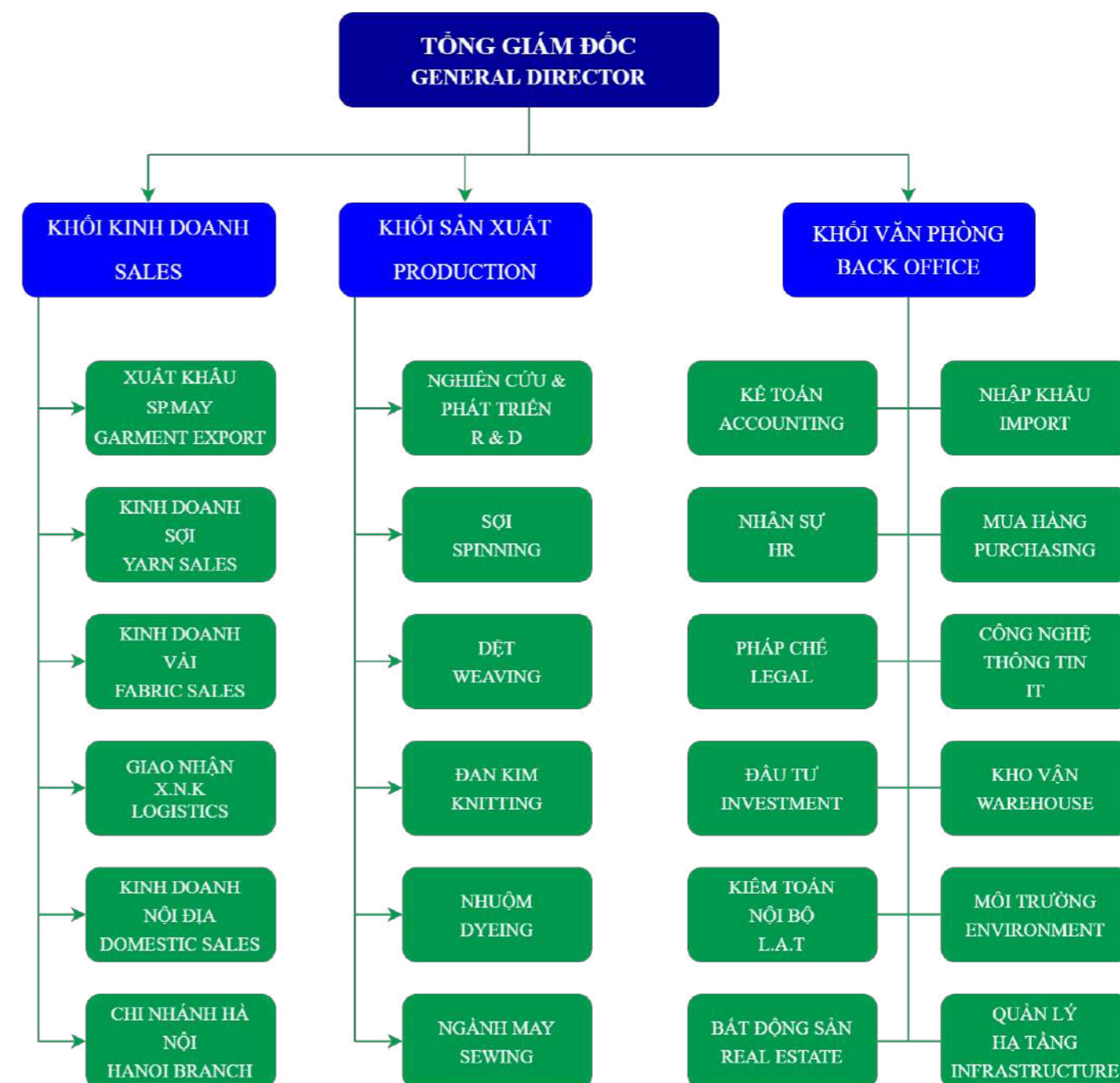
**Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ):** Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

**Hội đồng quản trị (HDQT):** Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

**Ban Tổng giám đốc (BTGD):** Là cơ quan điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước HDQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

**Ủy ban Kiểm toán:** là Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc HDQT đã đổi tên theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/04/2019 của Đại hội cổ đông thường niên năm 2019. Nhiệm vụ của Ủy ban Kiểm toán là hỗ trợ HDQT trong việc thực hiện các trách nhiệm giám sát của mình đối với quy trình báo cáo tài chính, hệ thống kiểm soát nội bộ, quy trình kiểm toán và quy trình của Công ty trong việc giám sát tuân thủ các quy định của pháp luật và quy tắc đạo đức.

## Bộ máy quản lý





# CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

## Công ty con

### Công ty cổ phần Trung tâm Y Khoa Thành Công

Địa chỉ	36 Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại	(84.28) 38159435
Fax	(84.28) 38159465
Website	www.thanhcongclinic.com
Email	Info@thanhcongclinic.com
Vốn điều lệ	21.700.000.000 đồng
Vốn TCM góp điều lệ	15.395.000.000 đồng
Tỷ lệ sở hữu của TCM	70,94%
Ngành nghề kinh doanh chính	Cung cấp dịch vụ y tế (khám chữa bệnh), mua bán dược phẩm và trang thiết bị vật tư y tế

### Công ty cổ phần Thành Quang (\*)

Địa chỉ	Ấp Đức Hạnh, Xã Đức Lập Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An
Vốn điều lệ	38.195.950.000 đồng
Vốn TCM góp điều lệ	37.645.950.000 đồng
Tỷ lệ sở hữu của TCM	98,56%
Ngành nghề kinh doanh chính	Kinh doanh hạ tầng cơ sở, sản xuất và mua bán vải sợi

(\*) Công ty Cổ phần Thành Quang (“Thành Quang”) thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1100635894 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp lần đầu ngày 25 tháng 5 năm 2007 và điều chỉnh lần thứ 4 ngày 08 tháng 11 năm 2017. Quyết định của Hội đồng Quản trị Công ty số 9A/2018/QĐ-HĐQT ngày 12 tháng 9 năm 2018 đã thông qua việc giải thể Công ty Cổ phần Thành Quang. Tại ngày 19 tháng 03 năm 2019, Công ty Cổ phần Thành Quang đã hoàn tất thủ tục giải thể và chấm dứt tồn tại theo Thông báo của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An.

### Công ty TNHH TC Tower

Địa chỉ	36 Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
Vốn điều lệ	159.150.000.000 đồng
Vốn TCM góp điều lệ	127.320.000.000 đồng
Tỷ lệ sở hữu của TCM	85,33%
Ngành nghề kinh doanh chính	Hoạt động kinh doanh bất động sản

## Công ty liên kết

### Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Thành Phúc

Địa chỉ	36 Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
Vốn điều lệ	7.000.000.000 đồng
Vốn TCM góp điều lệ	1.665.000.000 đồng
Tỷ lệ sở hữu của TCM	23,79%
Ngành nghề kinh doanh chính	Xây dựng và quản lý dự án.

### Công ty cổ phần Du lịch Golf Vũng Tàu

Địa chỉ	Số 1 Nguyễn Du, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Vốn điều lệ	29.000.000.000 đồng
Vốn TCM góp điều lệ	8.700.000.000 đồng
Tỷ lệ sở hữu của TCM	30%
Ngành nghề kinh doanh chính	Cung cấp dịch vụ du lịch và giải trí

### Công ty cổ phần Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex

Địa chỉ	194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh
Vốn điều lệ	139.237.730.000 đồng
Vốn TCM góp điều lệ	28.470.470.000 đồng
Tỷ lệ sở hữu của TCM	20,45%
Ngành nghề kinh doanh chính	Sản xuất và kinh doanh chế biến đồ gỗ



## Mục tiêu chủ yếu của Công ty

Sau hơn 44 năm hình thành và phát triển, Dệt May Thành Công đã vươn mình trở thành một trong những doanh nghiệp dệt may hàng đầu Việt Nam. Để phát triển và mở rộng hơn trong tương lai, Công ty đã xác định được định hướng phát triển như sau:

- Tập trung phát triển công tác nghiên cứu và phát triển (Research & Development) thị trường, nhằm nâng cao giá trị chuỗi cung ứng của doanh nghiệp. Ngoài ra, nghiên cứu thị trường giúp Công ty cập nhật những xu hướng thị trường mới nhất, nhanh chóng có phương án sản xuất kinh doanh phù hợp. Hiện nay TCM đang nghiên cứu và phát triển nhiều loại vải mới, mang nhiều tính năng nổi trội như vải giữ ấm, vải kháng khuẩn, vải chống cháy, vải được làm từ những nguyên liệu tái chế thân thiện với môi trường...
- Sau khi hiệp định CPTPP chính thức có hiệu lực, Công ty đã chủ động tìm kiếm khách hàng mới tại thị trường Canada, là thành viên trong khối CPTPP và bước đầu cũng đã có những đơn hàng xuất sang thị trường này. Công ty cũng tham gia hội chợ tại Pháp nhằm tiếp cận thị trường EU sau khi hiệp định EV-FTA chính thức có hiệu lực.
- Sau khi mua lại nhà máy Trảng Bàng, Công ty đẩy mạnh cải thiện năng suất lao động, phát triển sản phẩm theo hướng tăng chất lượng. Thêm vào đó, Công ty đẩy mạnh tốc độ sản xuất sản phẩm, góp phần làm tăng biên lợi nhuận và đáp ứng đúng hạn các đơn hàng. Nhà máy Vĩnh Long tiếp tục cải thiện năng suất, đóng góp cho biên lợi nhuận của Công ty ngày càng cải thiện hơn.



## Chiến lược trung hạn

- Công ty tập trung vào công tác nghiên cứu và phát triển (R&D) nhằm đưa ra thị trường những loại sản phẩm tốt nhất, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng. Tận dụng lợi thế là doanh nghiệp có chuỗi sản xuất khép kín từ sợi trở đi, TCM có thêm nhiều cơ hội khi hiệp định CPTPP, EVFTA,... được kí kết. Cải thiện chu trình sản xuất sản phẩm, tăng năng suất lao động nhằm đẩy nhanh tốc độ sản xuất. Điều này giúp Công ty bắt kịp và cung cấp sản phẩm theo xu hướng thời trang thị trường thế giới nói chung và các nước nhập khẩu nói riêng
- Năm 2020, Công ty dự kiến sẽ đầu tư thêm nhà máy may số 2 tại Vĩnh Long để tiếp tục tăng năng lực sản xuất cho sản phẩm may. Dự kiến sẽ khởi công xây dựng vào Quý 4/2020 với tổng mức đầu tư cho nhà máy này khoảng 120 tỷ đồng, thời gian thi công dự kiến là 6 tháng - 8 tháng, nhà máy may số 2 có công suất là 12 triệu sản phẩm/1 năm và sau khi hoàn thành sẽ góp phần tăng công suất của toàn bộ các nhà máy may Công ty lên 36 triệu sản phẩm/năm.



## Chiến lược dài hạn

Bằng việc phát huy lợi thế của hệ thống sản xuất khép kín, Công ty sẽ chuyển sang sản xuất các sản phẩm thời trang với kỳ vọng sẽ gia tăng giá trị cao hơn sản phẩm truyền thống. Cải tiến năng lực nghiên cứu và phát triển hiện nay để đáp ứng yêu cầu thiết kế và phát triển các mặt hàng mới đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của người tiêu dùng.

Hiện Công ty đang triển khai dự án Nhà máy may thông minh với các thông tin như sau:

- Dự án được triển khai theo hình thức liên kết với Công ty Juki Singapore- nhà sản xuất có kinh nghiệm bậc nhất trên thế giới trong lĩnh vực thiết bị may- để nhanh chóng tiếp xúc với công nghệ mới và giảm chi phí đầu tư ban đầu.
- Giai đoạn đầu, áp dụng mô hình chuyển may thông minh tích hợp hệ thống hỗ trợ quản lý Jantes của Juki. Hiện đã áp dụng thí điểm thành công tại một chuyền may của Ngành May Tp.HCM. Định hướng sẽ phát triển mô hình cho tất cả các chuyền may của TC (HCM – Vĩnh Long - Trảng Bàng).
- Giai đoạn tiếp theo, tiến hành thí nghiệm tìm ra mô hình chuyển may hiện đại, phù hợp cho nhu cầu của tương lai và phải đáp ứng được 3 tiêu chí:
  - » Sử dụng ít lao động, ứng dụng tối đa công nghệ trong sản xuất;
  - » Có thể linh hoạt thay đổi nhiều loại mặt hàng khác nhau trong thời gian cực ngắn;
  - » Có thể sản xuất được các đơn hàng nhỏ lẻ.

- Công ty sẽ tiếp tục đầu tư mở rộng sản xuất cho ngành vải và nhuộm nhằm đáp ứng nhu cầu vải ngày càng cao của khách hàng trong nước sau khi các hiệp định CP-TPP và EV-FTA thông qua cũng như giảm sản lượng nhập vải từ Trung Quốc để tránh những rủi ro về nguyên liệu đầu vào. Công ty sẽ đầu tư nhà máy nhuộm với công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường và giảm thiểu lượng nước thải ra môi trường vì đó cũng là xu hướng phát triển bền vững trong tương lai của Công ty.

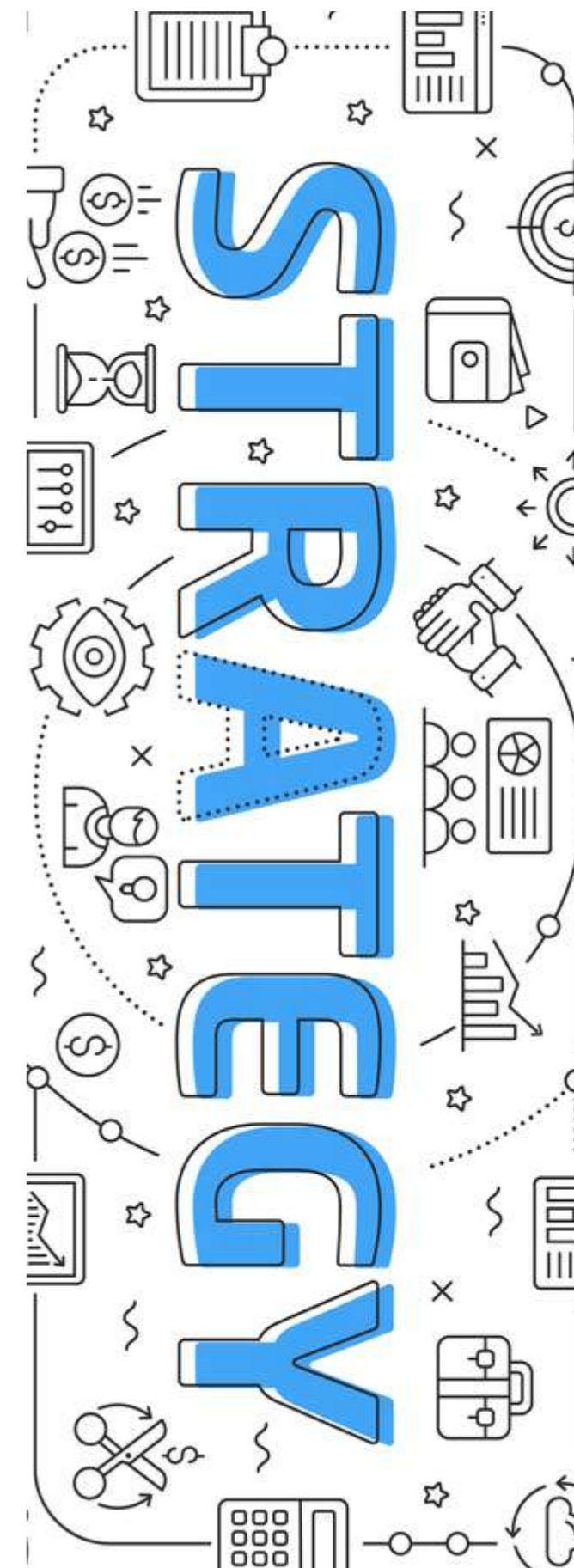
### Phát triển các dự án bất động sản

- Ngay khi được cấp phép xây dựng, Công ty sẽ tiến hành phát triển dự án. Hiện tại Công ty cũng đang chờ phê duyệt hồ sơ pháp lý cho dự án.



## Các mục tiêu phát triển bền vững và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

- Tập trung và đầu tư thích đáng cho hoạt động Nghiên cứu & Phát triển (R&D) nhằm đón đầu xu hướng thị trường và gia tăng lợi thế cạnh tranh so với các đối thủ hoạt động trong ngành.
- Tuân thủ đầy đủ và nghiêm túc các quy định pháp luật liên quan đến việc bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của Công ty.
- Chăm sóc đời sống tinh thần, thực hiện tốt và ngày càng gia tăng chế độ phúc lợi thông qua việc đa dạng hóa các hình thức mang lại phúc lợi cho người lao động Công ty; tăng cường công tác đào tạo, huấn luyện nhằm phát triển nguồn nhân lực đặc biệt thể hệ kế thừa cho chiến lược phát triển Công ty;
- Tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của các tổ chức đoàn thể, chính trị, xã hội tại Công ty như: Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên;
- Các hoạt động tình nguyện vì cộng đồng (CSR) được thực hiện dựa trên ba nguyên tắc: thường xuyên, lâu dài và trực tiếp;
- Hỗ trợ, đồng hành cùng các hoàn cảnh khó khăn của cư dân địa phương nơi Công ty có cơ sở trú đóng bằng các đóng góp, tài trợ cho các hoạt động do chính quyền địa phương, cơ quan hữu quan phát động; cấp học bổng cho con em các gia đình khó khăn ở địa phương.





Trong năm qua, bên cạnh việc TCM đã cố gắng nỗ lực trong hoạt động sản xuất kinh doanh, thì hoạt động quản trị rủi ro cũng được quan tâm, nghiên cứu và áp dụng trên toàn Công ty. Nhiệm vụ chính của quản trị rủi ro là phát hiện những yếu tố tiềm ẩn, những yếu tố bất ngờ ảnh hưởng đến chiến lược mục tiêu mà Công ty đề ra, nhằm đưa ra giải pháp ứng phó kịp thời giúp Công ty giải quyết khó khăn. Hiện tại, các rủi ro trọng yếu sau đang được kiểm soát, phù hợp với khẩu vị rủi ro của Công ty:

## Rủi ro kinh tế

### Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Theo báo cáo Triển vọng Kinh tế Thế giới, IMF nhận định rằng nền kinh tế toàn cầu giảm sút trong năm 2019 ở mức 2,4%. Nền kinh tế Trung Quốc năm 2019 tăng 6,1%, tiếp tục giảm so với mức 6,6% của năm trước đó, đánh dấu năm giảm thứ 3 liên tiếp. Trong khi đó, nền kinh tế Mỹ đã tăng trưởng vững chắc ở mức 2,3% trong năm nay, mặc dù mức tăng này thấp hơn 0,6% so với năm 2018. Nhìn chung trong năm 2019 các nền kinh tế lớn đồng loạt giảm tốc, nguyên nhân không chỉ từ cuộc chiến thương mại, mà còn từ việc Anh ra khỏi Liên minh châu Âu (Brexit) và các bất ổn chính trị. Đến gần cuối năm nay, Mỹ và Trung Quốc đã đạt được thỏa thuận thương mại “Giai đoạn 1”, song thỏa thuận “Giai đoạn 2” vẫn chưa có kế hoạch đàm phán. Tuy nhiên thỏa thuận “Giai đoạn 1” vẫn giúp gỡ bỏ phần nào những mâu thuẫn, hạ nhiệt căng thẳng thương mại Mỹ - Trung, vốn là vấn đề đáng lo ngại trong thời gian qua.

Theo Tổng cục thống kê GDP năm 2019 đạt kết quả ấn tượng với tốc độ tăng 7,02% (Quý I tăng 6,82%, quý II tăng 6,73%; quý III tăng 7,48%; quý IV tăng 6,97%), vượt mục tiêu của Quốc hội đề ra từ 6,6%-6,8%. Năm 2019, nền kinh tế thế giới đầy biến động và thách thức, tuy nhiên tình hình kinh tế Việt Nam có chuyển biến tích cực, và đạt những thành tựu đáng kể. Bên cạnh đó, sự leo thang căng thẳng giữa hai nền kinh tế lớn nhất thế giới (Mỹ - Trung Quốc)

đã vượt qua biên giới hai nước, tác động mạnh mẽ tới nền kinh tế toàn cầu và Việt Nam cũng không nằm ngoài vòng xoáy đó. Xét mặt tích cực hàng hóa gia công dần dịch chuyển về các nước có chi phí nhân công lao động rẻ, giúp Việt Nam có nhiều đơn hàng xuất khẩu hơn đặc biệt là Ngành Dệt May. Tuy nhiên diễn biến 6 tháng cuối năm 2019, tình trạng doanh nghiệp dệt may Việt Nam bị thiếu đơn hàng và nhận được đơn hàng ngắn hạn theo tháng, quý thay vì đơn hàng dài hạn đang là mối lo ngại cho Ngành Dệt May. Nguyên nhân của tình trạng này là do đơn hàng dịch chuyển sang một số quốc gia mới nổi ở Châu Phi; các quốc gia ưu đãi thuế suất như Bangladesh, Campuchia. Ngoài ra, tình hình kinh tế thế giới giảm tốc sẽ ảnh hưởng đến sức mua chung, chi phí sản xuất còn cao và chưa áp dụng nhiều khoa học-công nghệ cho Ngành Dệt May nên năng suất còn thấp, giảm tính cạnh tranh với các quốc gia khác. Thêm vào đó, các công ty dệt may có sản xuất sợi như TCM bị tác động tiêu cực và chưa có dấu hiệu hồi phục từ thị trường. Tuy nhiên, bằng lợi thế chu trình khép kín, với chiến lược sử dụng sợi nội bộ đã được triển khai từ nhiều năm và gia tăng trong năm 2019, đã giúp TCM giảm bớt tác động tiêu cực từ thị trường sợi.

Bước sang năm 2020, tình hình kinh tế thế giới và trong nước gặp rất nhiều thách thức, đặc biệt dịch bệnh Covid -19 đang diễn biến phức tạp, lây lan



nhanh sang nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ. Thời điểm bùng nổ của dịch Covid-19 đang diễn ra vào đúng giai đoạn chu kỳ kinh tế toàn cầu dễ bị tổn thương. Hiện nay, dịch Covid-19 đang bùng nổ tại các quốc gia lớn như Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Anh, Mỹ, Pháp, Đức, Ấn Độ ... Top 10 nền kinh tế lớn nhất cùng nhau tạo ra 66% GDP, 69% sản lượng công nghiệp chế biến – chế tạo 46% xuất khẩu, và 56% xuất khẩu chế biến, chế tạo toàn cầu – hiện đang chiếm tới tỷ lệ lây nhiễm và tử vong rất cao, điều này tạo ra cú sốc rất lớn về cả tổng cầu và cung của nền kinh tế thế giới. Bên cạnh đó, chính sách nới lỏng tiền tệ của các quốc gia lớn gần một thập kỷ qua khiến cho chính phủ rất ít dư địa để can thiệp chính sách tiền tệ. Nếu các quốc gia vẫn tiếp tục nới lỏng chính sách tiền tệ trong điều kiện tổng cầu suy giảm dẫn đến khả năng nền kinh tế sẽ tăng trưởng chậm nhưng giá thành lại ngày một tăng cao.

Theo Báo cáo Đánh giá sơ bộ ảnh hưởng của dịch bệnh Corona đối với kinh tế xã hội Việt Nam của Bộ Kế hoạch và Đầu tư thì phạm vi ảnh hưởng của dịch bệnh sẽ tác động trực tiếp hoặc gián tiếp tới toàn bộ các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế và lan tỏa lâu dài. Khả năng hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 được Quốc hội giao là rất khó khăn, đặc biệt là mục tiêu tăng trưởng kinh tế, thương mại, xuất

nhập khẩu các quý và cả năm 2020. Ngoài ra dịch bệnh còn ảnh hưởng đến khả năng thu ngân sách, thị trường chứng khoán, đầu tư và các lĩnh vực xã hội. Cũng theo Báo cáo này, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã dự báo 2 kịch bản tác động của dịch bệnh đối với các ngành, lĩnh vực, trong đó có Ngành Dệt May. Theo đó, nếu dịch Corona kết thúc vào cuối quý I/2020 thì kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may của Quý I sẽ giảm 22%; kịch bản thứ hai là dịch Corona kết thúc cuối quý II/2020 thì kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may của Quý II giảm 23%.

Là một phần của nền kinh tế, TCM phụ thuộc vào các yếu tố kinh tế thế giới và kinh tế Việt Nam, nắm bắt được tình hình này, TCM đã xây dựng quy trình quản lý rủi ro phù hợp để kịp thời nhận biết các rủi ro và cơ hội từ thị trường, để có các biện pháp xử lý phù hợp và hoàn thành mục tiêu.

Trong tình hình đó, định hướng trong giai đoạn 2020 – 2025, TCM tiếp tục đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển (R&D) và gia tăng tốc độ sản xuất để chiếm lĩnh các thị trường tiêu chuẩn cao như Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc... Tiếp cận các thị trường mới tiềm năng như Canada, Australia, Nga... đây là những quốc gia phát triển và có dân số đông nên nhu cầu về may mặc rất lớn.

## Rủi ro kinh tế (tt)

### Rủi ro tỷ giá

Công ty chịu ảnh hưởng lớn của sự biến động tỷ giá do nhu cầu phải nhập khẩu nguyên liệu đầu vào và xuất khẩu thành phẩm ra nước ngoài. Do đó tác động của tỷ giá ảnh hưởng rất lớn đến lợi nhuận của Công ty. Nguồn nguyên vật liệu chủ yếu được nhập từ các nước Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan... Trong khi đó thị trường xuất khẩu lớn nhất của Công ty là Mỹ, EU, Nhật và Hàn Quốc... Rủi ro xảy ra khi có biến động tỷ giá giữa VND và tiền tệ của các nước này.

Trong năm 2019 cặp tỷ giá USD/VND gần như duy trì ổn định, và gần tương đương với thời điểm cuối năm 2018, dao động trong biên độ tương đối hẹp và quanh tỷ giá mua vào của Ngân hàng Nhà nước ở mức 23.200 đồng. So với những đồng tiền khác, biến động của Việt Nam đồng so với USD khá ổn định: Trung Quốc (-2,7%), Hàn Quốc(-6,4%)...

Tỷ giá biến động là rủi ro của Công ty khi phải nhập khẩu nguồn nguyên liệu lớn và xuất khẩu thành phẩm, vì điều này làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty. Chính vì thế, Công ty chủ động sử dụng các công cụ phái sinh để phòng ngừa rủi ro biến động tỷ giá như hợp đồng kỳ hạn và lập kế hoạch kinh doanh cụ thể nhằm giảm thiểu rủi ro.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 1% so với Đô la Mỹ. Tỷ lệ thay đổi 1% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 1% thay đổi của tỷ giá.

Nếu tỷ giá Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 1% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng các khoản tương ứng như sau:

Đô la Mỹ (USD)	Năm 2019	Năm 2018
Tỷ giá USD/VND tăng/giảm 1%	3.982.487.366	7.215.741.212



### Rủi ro lãi suất

Theo Tổng cục thống kê năm 2019, với nỗ lực của Ngân hàng Nhà nước mặt bằng lãi suất huy động và cho vay cơ bản ổn định. Lãi suất huy động bằng đồng Việt Nam phổ biến ở mức 0,2%-0,8%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng; 4,3%-5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 5,3%-7%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng; kỳ hạn từ 12 tháng trở lên ở mức 6,6%-7,5%/năm. Lãi suất cho vay VND trung bình phổ biến ở khoảng 6-9%/năm đối với cho vay ngắn hạn và 9-11%/năm đối với trung và dài hạn. Lãi suất cho vay USD ngắn hạn từ 3%-3,5%, lãi suất cho vay USD trung và dài hạn từ 4,5-6%... Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) đã hạ lãi suất USD 3 lần trong năm qua và thông báo giữ nguyên lãi suất cho năm 2020, kéo theo đó một số ngân hàng Việt Nam giảm nhẹ lãi suất VND, điều này kỳ vọng lãi suất cho vay giảm trong năm tới.

Với đặc thù ngành nghề kinh doanh, Công ty cần vốn lưu động lớn để tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Rủi ro về lãi suất mà Công ty có thể gặp phải đến từ các khoản vay, các khoản tiền gửi ngắn hạn... Công ty có tỷ lệ nợ vay là 31% trên tổng nguồn vốn, khi lãi suất tăng sẽ làm chi phí lãi vay tăng theo làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, sản xuất của Công ty. Với sự biến động trong nền kinh tế như hiện nay, thì công việc dự đoán trước chi phí lãi vay rất quan trọng. Đòi hỏi Công ty phải theo dõi sát sao thị trường để có các phương án giải quyết phù hợp.

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 sẽ giảm/tăng 17.775.350.840 đồng (năm 2018: 24.986.315.740 đồng).

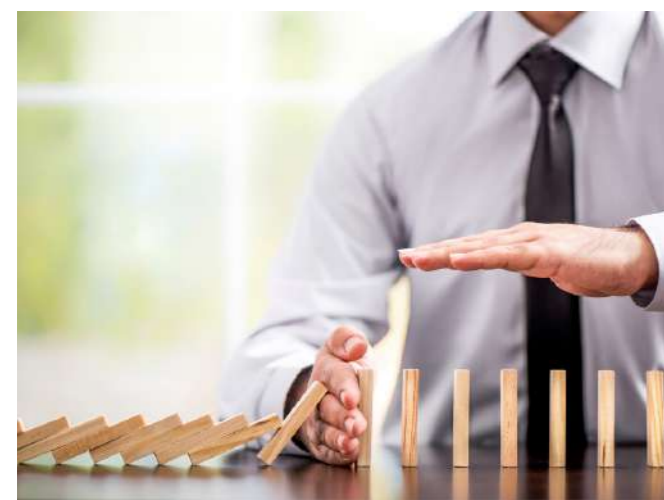


## Rủi ro đặc thù ngành

### Rủi ro nguyên vật liệu

Ngành Dệt May Việt Nam đang tồn tại mâu thuẫn đáng lo ngại là xuất khẩu 70% sản lượng sợi sản xuất, trong khi đó các doanh nghiệp dệt may lại phải nhập khẩu 70% sản lượng vải để sản xuất. Nguyên nhân chính là do khâu dệt nhuộm trong nước chưa phát triển, chưa đáp ứng đủ nhu cầu về vải cho các doanh nghiệp. Nhuộm và hoàn tất vải là công đoạn gây ô nhiễm môi trường do sử dụng nhiều loại thuốc nhuộm, hóa chất, hệ thống xử lý nước thải đạt chuẩn đòi hỏi vốn đầu tư lớn, thời gian thu hồi lâu. Bên cạnh đó, Việt Nam không có lợi thế về quy mô sản xuất vải so với Trung Quốc. Quy mô sản xuất vải của Việt Nam khoảng 2 tỷ mét/năm, quy mô sản xuất vải của Trung Quốc khoảng 90 tỷ mét/năm, lợi thế về quy mô khiến vải Trung Quốc luôn có giá rẻ hơn khoảng 30% so với Việt Nam. Trung Quốc là nước cung cấp vải lớn nhất của Việt Nam, chiếm khoảng 50% thị phần qua các năm.

Hiện tại Thành Công không phải nhập nguyên vật liệu nhiều từ Trung Quốc vì hầu hết nguyên liệu Thành Công sử dụng đều có nguồn cung ứng tại Việt Nam hoặc ngoài Trung Quốc nên không ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất của Công ty. Năm 2019: khoảng 86% Sợi được sử dụng tại Thành Công có nguồn gốc tại Việt Nam, 10% nhập khẩu từ Trung Quốc, 2% từ Hàn Quốc và 2% từ các nước khác. Mặc dù vậy, nguồn nguyên liệu từ Việt



Nam chưa đa dạng, giá thành chưa cạnh tranh & chưa đáp ứng được nhu cầu của các đơn hàng mới, đến từ các nước FTA (CPTPP, EVFTA,...). Hầu hết nguyên liệu được nhập khẩu là nguyên liệu đặc biệt, đòi hỏi trình độ kỹ thuật cao, máy móc hiện đại và đầu tư cho R&D.

Dệt May Thành Công là một trong số ít doanh nghiệp sở hữu chuỗi sản xuất hoàn thiện từ Sợi – Dệt – Nhuộm – May. Với lợi thế hơn so với các doanh nghiệp cùng ngành, Công ty đang hoàn thiện và mở rộng chuỗi sản xuất với quy mô và chất lượng tốt hơn nhằm mục đích đảm bảo tình trạng nguyên liệu luôn đáp ứng nhu cầu sản xuất của Công ty.

Công ty hiện đang gặp một số rủi ro khi sản lượng sợi xuất khẩu sang Trung Quốc khoảng 1 triệu đô la Mỹ mỗi tháng nên khi có biến động từ thị trường Trung Quốc thì Công ty sẽ bị ảnh hưởng trong ngắn hạn.

Tuy nhiên, tận dụng lợi thế của Công ty về chuỗi sản xuất hoàn thiện từ Sợi – Dệt – Nhuộm – May và khó khăn của việc giảm sản lượng xuất khẩu Sợi sang thị trường Trung Quốc, ngành Sợi của Công ty đang dần hoàn thiện và nâng cao chất lượng, đa dạng hóa sản phẩm nhằm chủ động nguồn nguyên liệu.

### Rủi ro về nguồn cung lao động

Ngành Dệt May là một trong những ngành thâm dụng lao động cao ở Việt Nam, do đó vấn đề nhân công rất được Công ty chú trọng quan tâm. Hiện nay, Việt Nam đã trải qua thời kì “dân số vàng” nên nguồn cung lao động cho Ngành Dệt May đang dần thiếu hụt trong tương lai. Thêm vào đó sự cạnh tranh lao động giá rẻ tại các quốc gia như Bangladesh, Campuchia... và các nhóm ngành công nghiệp chế tạo cũng đang thu hút lao động bằng các ưu đãi, môi trường làm việc tốt hơn.

Mặc dù thu nhập Ngành Dệt May liên tục tăng hàng năm nhưng trên thị trường lao động thì Ngành Dệt May vẫn là ngành kém hấp dẫn do thu nhập thấp, thời gian làm việc dài, môi trường làm việc độc hại. Do đó, việc tuyển dụng lao động Ngành Dệt May nói chung và tại các thành phố lớn như TP. HCM, có mức sống đắt đỏ thì ngày càng khó khăn trong khi Ngành Dệt May là một trong các ngành có tỷ lệ biến động nhân sự cao nhất.

Để đảm bảo luôn đủ nguồn nhân lực, Công ty đã có những chính sách ưu đãi cho người lao động: điều chỉnh tăng mức lương các bậc, trong đó ưu tiên tăng lương cho lao động có tay nghề cao, tổ chức xét tăng lương định kỳ; áp dụng các chế độ thưởng về năng suất, chất lượng, chuyên cần, thưởng thành tích cuối năm; áp dụng các chế độ phụ cấp; điều

chỉnh tăng tiền ăn giữa ca.

Trên cơ sở tăng năng suất lao động, Công ty đã giảm dần giờ làm việc cho công nhân, giúp họ có điều kiện chăm lo cho gia đình mà vẫn đảm bảo mức thu nhập tốt.

Thêm vào đó, để giảm thiểu rủi ro nguồn lực lao động, Công ty phối hợp tốt với các cấp Công Đoàn thực hiện chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, xây dựng mối quan hệ lao động cởi mở, hài hòa và ổn định giữa người lao động và Công ty. Đồng thời xây dựng các chính sách đãi ngộ, phúc lợi, lương thưởng cạnh tranh để giữ chân người lao động.



## Rủi ro chuỗi cung ứng

Đặc trưng chuỗi cung ứng Ngành Dệt May Việt Nam đang bị thiếu hụt ở khâu nguyên phụ liệu may, hoàn tất vải, mặt khác nguồn cung này chủ yếu được các doanh nghiệp nhập khẩu từ Trung Quốc. Hiện nay, trước tình hình dịch bệnh Covid-19 chưa có dấu hiệu suy giảm, lệnh cấm biên được đặt ra khiến cho ảnh hưởng rất lớn đến nguồn nhập khẩu nguyên liệu, ảnh hưởng đến việc sản xuất kinh doanh. Những gián đoạn trong chuỗi cung ứng sẽ ảnh hưởng đến giá nguyên vật liệu, chậm tiến độ giao hàng, không đảm bảo đủ đơn hàng giao thậm chí tạm ngưng giao hàng ... Để giảm thiểu rủi ro này, TCM tiếp tục sử dụng lợi thế chu trình khép kín, tiếp tục theo đuổi chiến lược tập trung nghiên cứu và phát triển các mặt hàng vải, sợi nội bộ, giảm tỷ lệ vải mua ngoài. Đồng thời, tìm kiếm và lựa chọn các nhà cung cấp mới để giảm sự gián đoạn trong chuỗi cung ứng khi có sự cố phát sinh.



## Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro trên thì những rủi ro không thể báo trước được như thiên tai, hỏa hoạn, cháy nổ, đình công... gây ra những thiệt hại về con người, tài sản và tình hình hoạt động chung của Công ty. Mặc dù những rủi ro này ít xảy ra nhưng Công ty vẫn phải có những phương án phòng ngừa như chủ động mua bảo hiểm cho công nhân, nhân viên, tài sản... Phối hợp với các bên liên quan để nâng cao nhận thức và kỹ năng xử lý các tình huống bất ngờ cho công nhân, nhân viên.



## Rủi ro pháp luật

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất các sản phẩm Dệt May và là công ty niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh nên Công ty chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật như sau:

- Tổ chức hoạt động, điều hành, quản lý Công ty theo qui định pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật chứng khoán
- Hoạt động sản xuất, kinh doanh, đầu tư phát triển cần tuân thủ qui định pháp luật về môi trường, pháp luật đầu tư, pháp luật lao động.
- Bên cạnh đó, với phần lớn doanh thu đến từ thị trường xuất khẩu, yêu cầu tuân thủ qui định của nước xuất khẩu, tuân thủ qui định tại các hiệp định thương mại quốc tế, công ước, điều ước quốc tế cũng là một nội dung quan trọng trong hoạt động Công ty.

Để đảm bảo tuân thủ và hạn chế rủi ro pháp lý, Công ty đã triển khai các quy trình kiểm tra, giám sát, đánh giá hoạt động có nguy cơ phát sinh rủi ro pháp lý trong nội bộ như Phần mềm kiểm soát hợp đồng (CMS) nhằm rà soát các điều khoản hợp đồng mang tính rủi ro cao hoặc có khả năng gây bất lợi cho Công ty để kịp thời đàm phán trước khi ký kết; Từng phòng chức năng thường xuyên được cập nhật các văn bản vi phạm pháp luật mới, tập huấn các qui định pháp luật chuyên ngành liên quan chức năng của mình. Công ty còn thành lập Phòng Pháp chế nhằm nâng cao hiệu quả phòng ngừa các rủi ro pháp lý trong hoạt động kinh doanh.



## Khung pháp lí riêng với Ngành Dệt May

Vấn đề về môi trường là vấn đề nóng đang được mọi người quan tâm, sự phát triển của Ngành Dệt May cũng kéo theo các hệ lụy về ô nhiễm môi trường. Những hiệp định thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam ký kết cũng đều có rào cản về môi trường, phát triển bền vững, phát triển xanh. Sự chuyển hoá xanh trong lĩnh vực dệt may với sự tham gia của hàng trăm thương hiệu may mặc trên thế giới đã đặt Ngành Dệt May Việt Nam trước những thách thức mới. Để có thể giữ được đà tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu, doanh nghiệp không chỉ phải đáp ứng yêu cầu nguồn gốc, xuất xứ nguyên liệu sản xuất phải là nội địa mà còn phải chứng minh được trách nhiệm xã hội của mình với sức khoẻ cộng đồng. Điều này đòi hỏi các doanh nghiệp dệt may phải nỗ lực cải thiện không chỉ về chất lượng sản phẩm, mà cả quá trình sản xuất ra sản phẩm.





## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

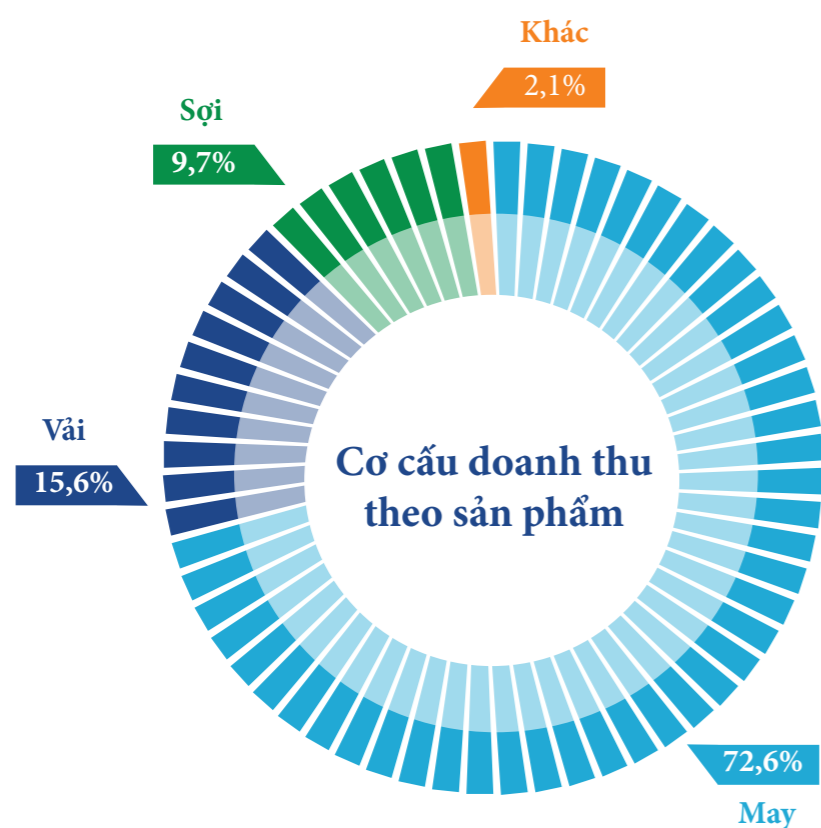


# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

## Cơ cấu doanh thu theo sản phẩm

ĐVT: Triệu đồng

	Doanh thu	Tỉ trọng doanh thu (%)
May	2.646.711	72,6%
Vải	568.543	15,6%
Sợi	352.440	9,7%
Khác	76.506	2,1%
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.644.200</b>	<b>100%</b>



## Tình hình tài chính trong năm

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2018	2019	%tăng/giảm
1	Doanh thu thuần	3.662.010	3.644.200	-0,49%
2	Giá vốn hàng bán	2.983.240	3.065.482	2,76%
3	Doanh thu hoạt động tài chính	31.910	34.622	8,50%
4	Phần lãi trong công ty liên kết	1.102	4.036	266,24%
5	Chi phí tài chính, bán hàng, quản lý doanh nghiệp	463.310	348.684	-24,74%
6	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	248.472	268.692	8,14%
7	Lợi nhuận khác	74.957	5.341	-92,87%
8	Lợi nhuận trước thuế	323.429	274.033	-15,27%
9	Lợi nhuận sau thuế	260.436	216.847	-16,74%
10	Lợi nhuận trên giá cổ phiếu (đồng)	3.803	3.166	-16,75%

## Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2019	Thực hiện/Kế hoạch
1	Doanh thu thuần	3.644.200	3.952.700	92,2%
2	Lợi nhuận sau thuế	216.847	241.865,3	89,7%

Doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế năm 2019 đạt lần lượt 92,2% và 89,7% so với kế hoạch năm 2019 đã đề ra tại ĐHCĐ thường niên năm 2019. Nguyên nhân chủ yếu do tình hình kinh tế thế giới chững lại, tốc độ tăng trưởng đơn hàng giảm và ngắn hạn hơn so với năm 2018.



**Thành viên Ban Điều hành**

**Ông Lee Eun Hong**  
Tổng Giám đốc



- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1961
- Quốc tịch: Hàn Quốc
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện – Cử nhân quản lý doanh nghiệp
- Quá trình công tác:
  - Từ 03/2018 – nay: Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT Công ty CP Dệt may- Đầu tư- Thương mại Thành Công
  - Từ 12/2017 - 03/2018: Phó Tổng giám đốc kiêm Thành viên HĐQT Công ty CP Dệt may – Đầu tư – Thương mại Thành Công
  - Từ 4/2015 - 2017: Thành viên HĐQT Công ty CP Dệt may – Đầu tư – Thương mại Thành Công
  - Từ 2009 - 3/2015: Tổng Giám đốc kiêm thành viên HĐQT Công ty CP Dệt may – Đầu tư – Thương mại Thành Công
  - Từ 2006 - 2009: Giám đốc chiến lược - Tập đoàn E-Land Korea, Hàn Quốc
  - Từ 1996 - 2005: Công ty E-Land Srilanka, Srilanka
  - Từ 1993 - 1995: Công ty E-Land Việt Nam, Việt Nam
  - Từ 1990 - 1993: Tập đoàn E- Land (E-Land World), Hàn Quốc
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 25.680 cổ phần
- Số lượng cổ phần đại diện sở hữu cho E-land Asia Holdings Pte., Ltd: 25.092.627 cổ phần, chiếm 43,25% vốn điều lệ
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc Công ty E-Land Asia Holdings Pte., Ltd

**Ông Song Jae Ung**  
Phó Tổng Giám đốc



- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1969
- Quốc tịch: Hàn Quốc
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Ngành Dệt may
- Quá trình công tác:
  - Tháng 11/2019-Nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Dệt may-Đầu tư-Thương mại Thành Công
  - 03/2018-10/2019: Giám đốc Kinh doanh vải sợi, R&BD Công ty CP Dệt may-Đầu tư-Thương mại Thành Công
  - 03/2017-03/2018: Trưởng phòng R&BD Công ty CP Dệt may-Đầu tư-Thương mại Thành Công
  - 01/2015-02/2017: Công tác tại SY Vina
  - 07/1994-12/2014: Công tác tại E.land Group
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
- Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: không có

**Ông Trần Như Tùng**  
**Phó Tổng Giám đốc**



- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1973
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác
  - 11/2019-Nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Dệt may-Đầu tư-Thương mại Thành Công
  - 06/2018-10/2019: Giám đốc Bất động sản-Đầu tư Công ty CP Dệt may-Đầu tư-Thương mại Thành Công
  - 09/2014-05/2018: Giám đốc Đầu tư và Quan hệ cổ đông Công ty CP Dệt may-Đầu tư-Thương mại Thành Công
  - 2012-08/2014: Trưởng phòng Đầu tư và Quan hệ cổ đông Công ty CP Dệt may-Đầu tư-Thương mại Thành Công
  - 2010-2012: Trưởng phòng Chiến lược Công ty CP Dệt may-Đầu tư-Thương mại Thành Công
  - 2008-2009: Trưởng phòng CNTT Công ty CP Dệt may-Đầu tư-Thương mại Thành Công
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 31 cổ phần
- Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty cp HTKT XNK Savimex

**Bà Nguyễn Minh Hào**  
**Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Tài chính kế toán**



- Giới tính: Nữ
- Năm sinh: 1973
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn:
  - Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh chuyên ngành Tài chính - Đại học Columbia Southern - Hoa Kỳ (2009)
  - Cử nhân Anh văn - Đại học Quy Nhơn (2003)
  - Cử nhân Tín dụng và Kế toán - Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh (1994)
- Quá trình công tác:
  - Từ 09/2014 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng, Giám đốc Tài chính kế toán Công ty CP Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công
  - Từ 2010 đến 08/2014: Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng Công ty CP Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công
  - Từ 2009 đến 2010: Trưởng phòng Đầu tư phát triển Công ty CP Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công
  - Từ 1995 đến 2009: Công ty TNHH trồng rừng Quy Nhơn
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
- Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: không có

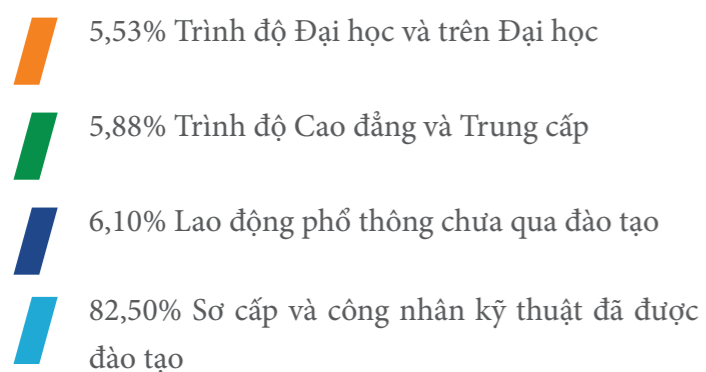
## Những thay đổi trong Ban Tổng giám đốc

Từ ngày 05/11/2019, bổ nhiệm Ông Song Jae Ung giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc, phụ trách hoạt động sản xuất, kinh doanh và bổ nhiệm Ông Trần Như Tùng giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc, phụ trách hoạt động đối nội.

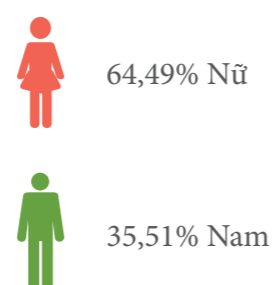
## Cơ cấu lao động

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
<b>I</b>	<b>Theo trình độ lao động</b>		
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	407	5,53%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	433	5,88%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật đã được đào tạo nghề	6.075	82,50%
4	Lao động phổ thông không qua đào tạo nghề	449	6,10%
<b>II</b>	<b>Theo hợp đồng lao động</b>		
1	Toàn thời gian	7.364	100,00%
2	Bán thời gian	0	0,00%
<b>III</b>	<b>Theo giới tính</b>		
1	Nam	2.615	35,51%
2	Nữ	4.749	64,49%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>7.364</b>	<b>100%</b>

### Tỷ lệ theo trình độ lao động



### Tỷ lệ theo giới tính



## Một số chính sách đối với người lao động

Ban lãnh đạo Công ty tin tưởng rằng, việc xây dựng một chế độ làm việc hợp lý là bước đầu tiên và cơ bản trong chuỗi chính sách nhằm tạo ra môi trường làm việc lành mạnh, tạo tâm lý thoải mái cho người lao động, từ đó giúp nâng cao hiệu quả làm việc cũng như sự gắn bó lâu dài với Công ty.

**Chế độ việc làm:** Công ty đề ra những tiêu chí rõ ràng về thời gian và điều kiện làm việc đảm bảo đầy đủ quyền lợi cho CBCNV. Công ty luôn thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động theo Bộ luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội như: ký hợp đồng lao động, thời giờ làm việc và nghỉ ngơi, nghỉ lễ, phép, việc riêng; trả lương làm thêm giờ, phụ cấp ca đêm; các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; kỷ luật lao động; chính sách đối với lao động nữ; an toàn – bảo hộ lao động.

**Về điều kiện làm việc:** Người lao động được trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, được cấp phát những dụng cụ làm việc, máy móc, thiết bị cần thiết đảm bảo chất lượng theo quy định; đảm bảo điều kiện an toàn và vệ sinh lao động tại nơi làm việc theo quy định hiện hành của Nhà nước.

**Các chế độ phúc lợi khác:**

- Thưởng các dịp Lễ, lương tháng 13, thưởng thành tích cuối năm
- Tiền ăn giữa ca
- Bồi dưỡng hiện vật tại chỗ



- Khám sức khỏe định kỳ, bệnh nghề nghiệp hàng năm, khám phụ khoa
- Đồng phục và bảo hộ lao động
- Các khoản trợ cấp khác: Trợ cấp khó khăn, trợ cấp tang chế, trợ cấp gửi con nhà trẻ; chế độ nghỉ mát hàng năm; chế độ công tác phí; xe đưa rước công nhân đi làm việc, trợ cấp tiền xăng,...
- Ngoài ra, Công ty còn tạo điều kiện cho người lao động tham gia các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao và các hoạt động tinh thần khác do Công đoàn, Đoàn Thanh niên tổ chức nhân các ngày lễ, các dịp kỷ niệm trong năm như: Quốc tế phụ nữ, Quốc tế thiếu nhi, Ngày thành lập Công ty 16/8, năm mới,...



## Chính sách đào tạo, tuyển dụng và thu hút nhân tài

Trong một thị trường mà tính cạnh tranh ngày một cao, yêu cầu của khách hàng đối với sản phẩm của Công ty cũng theo đó ngày một tăng lên, việc tuyển dụng được những người lao động có năng lực, tay nghề và kinh nghiệm là cực kỳ quan trọng. Xác định rõ điều này, Công ty đã đề ra những tiêu chuẩn rõ ràng đối với từng vị trí, chức vụ theo yêu cầu công việc. Yêu cầu cơ bản nhất đối với người lao động trong Công ty là có trình độ chuyên môn, sự chủ động, sáng tạo và nhiệt tình trong công việc. Tùy vào mức độ quan trọng của từng vị trí tuyển dụng mà yêu cầu đối với ứng viên sẽ khác nhau. Đối với cán bộ quản lý điều hành, các yêu cầu tuyển dụng sẽ khắt khe hơn, bao gồm trình độ chuyên môn

nghệ thuật từ đại học trở lên, kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích, dự báo, thuyết trình, đánh giá công việc, trình độ ngoại ngữ, tin học. Ngoài ra, Công ty có chính sách chủ động tìm kiếm và thu hút nhân tài, đồng thời ban hành phương án lương thưởng đặc biệt cho những nhân viên giỏi, xuất sắc, có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan nhằm tăng cường sự gắn bó của họ đối với Công ty.

Bên cạnh việc tập trung thu hút nguồn nhân lực có tay nghề, Công ty có biện pháp chủ động nâng cao mặt bằng CBCNV bằng công tác đào tạo nội bộ, đào tạo tại chỗ và dành sự quan tâm, khuyến khích các cán bộ trẻ nâng cao trình độ chuyên môn.





# TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

## Các dự án trong năm

DVT: đồng

Tên Đơn vị	Chi phí đầu tư
Ngành Sợi	8.465.116.890
Ngành Dệt	43.438.712.945
Ngành Đan	1.225.843.660
Ngành Nhuộm	13.323.503.600
Ngành May (Bao gồm nhà máy Vĩnh Long, nhà máy Trảng Bàng)	392.875.350
Văn phòng Công ty	2.115.199.646
Nghiên cứu và Phát triển (R&D)	4.711.738.803
<b>Tổng cộng</b>	<b>73.672.991.150</b>

## Các khoản đầu tư dài hạn khác

Tính đến 31/12/2019, Công ty vẫn duy trì danh mục đầu tư dài hạn từ các năm trước và không phát sinh giao dịch đầu tư mới:

DVT: đồng

Tên Đơn vị	Chi phí đầu tư
CTCP Dệt Việt Thắng	125.000.000
CTCP Dệt May Thắng Lợi	1.576.000.000
CTCP Dệt May Huế	793.000.000
CTCP SY Vina	883.450.000
Ngân hàng CP Ngoại Thương Việt Nam	2.449.600.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.827.050.000</b>



## Tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên kết

### Công ty con: Công ty cổ phần Trung tâm Y khoa Thành Công

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2018	2019	2019 so với 2018
Tổng tài sản	Đồng	34.408.124.740	33.941.956.067	98,65%
Tổng doanh thu	Đồng	44.924.976.555	48.824.566.656	108,68%
Lợi nhuận sau thuế	Đồng	3.239.692.940	3.940.075.586	121,62%
Biên LNST	%	7	8	111,91%

### Công ty liên kết: Công ty cổ phần Hợp tác Kinh tế và XNK Savimex

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2018	2019	2019 so với 2018
Tổng tài sản	Đồng	509.186.762.736	515.143.958.053	101,17%
Tổng doanh thu	Đồng	706.285.698.891	870.516.336.821	123,25%
Lợi nhuận sau thuế	Đồng	18.131.610.209	25.370.029.798	139,92%
Biên LNST	%	3	3	113,52%



**Tình hình tài chính**

*ĐVT: Triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	2018	2019	%tăng/giảm
1	Tổng tài sản	3.247.326	2.922.805	-9,99%
2	Doanh thu thuần	3.662.010	3.644.200	-0,49%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	248.472	268.692	8,14%
4	Lợi nhuận khác	74.957	5.341	-92,87%
5	Lợi nhuận trước thuế	323.429	274.033	-15,27%
6	Lợi nhuận sau thuế	260.436	216.847	-16,74%

Với ưu thế về uy tín và chất lượng sản phẩm, thương hiệu của Công ty ngày càng được củng cố và nâng cao trong bối cảnh nền kinh tế đang có những bước phục hồi rõ nét. Các dây chuyền sản xuất của Công ty đang dần được đầu tư mới với công nghệ tiên tiến và đảm bảo chất lượng sản phẩm, ngoài ra Công ty đang dần tạo được nhiều sản phẩm mang giá trị cao. Khách hàng truyền thống của Công ty là đối tác đã gắn bó nhiều năm, luôn luôn đảm bảo đơn hàng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty còn chú trọng đẩy mạnh công tác bán hàng, marketing, phát triển mạng lưới khách hàng thường xuyên.

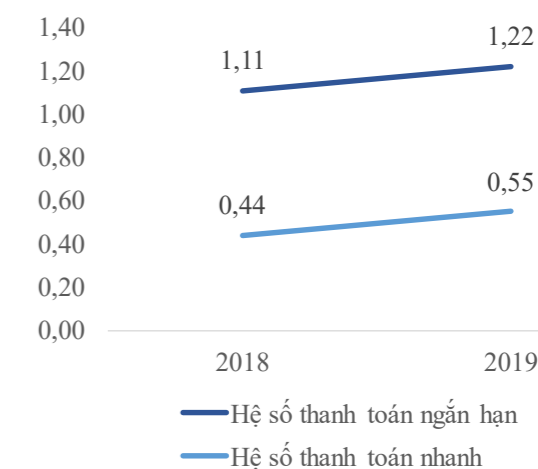


**Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

Chỉ tiêu	ĐVT	2018	2019
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,11	1,22
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,44	0,55
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	60,69%	51,24%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	154,41%	105,07%
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	2,94	3,02
Doanh thu thuần/Tổng tài sản (bình quân)	Vòng	1,19	1,18
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	7,11%	5,95%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	19,28%	16,05%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	8,44%	7,03%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	6,79%	7,37%

**Chỉ tiêu về khả năng thanh toán**

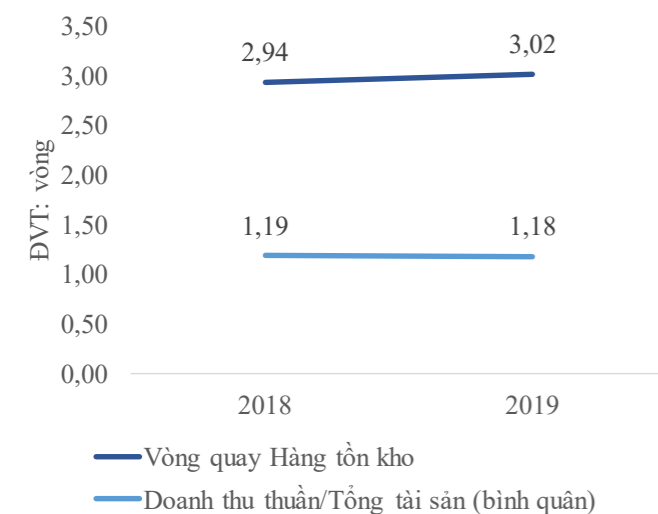
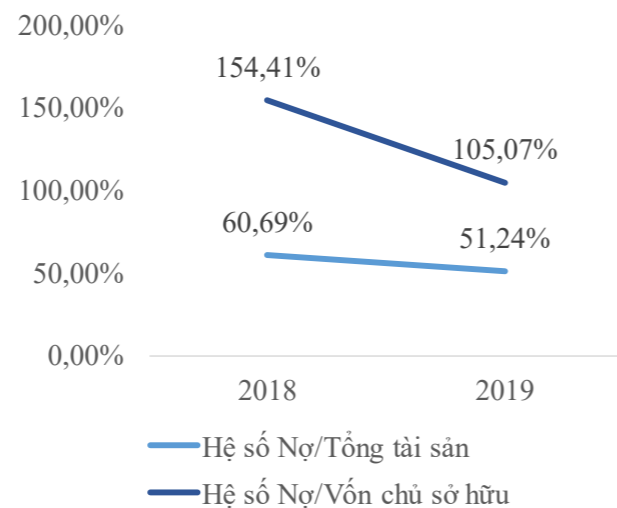
Hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh tăng nhẹ trong năm 2019, lần lượt đạt 1,22 lần (2018 đạt 1,11 lần) và đạt 0,55 lần (2018 đạt 0,44 lần). Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc Công ty đã giảm khoản mục nợ ngắn hạn (giảm 369,7 tỷ đồng), trong đó Công ty đã trả tiền cho các nhà cung cấp và trả các khoản vay ngắn hạn cho ngân hàng theo đúng hợp đồng đi vay. Qua đó cho thấy trong năm Công ty đã cải thiện về khả năng trả các khoản nợ ngắn hạn của mình.





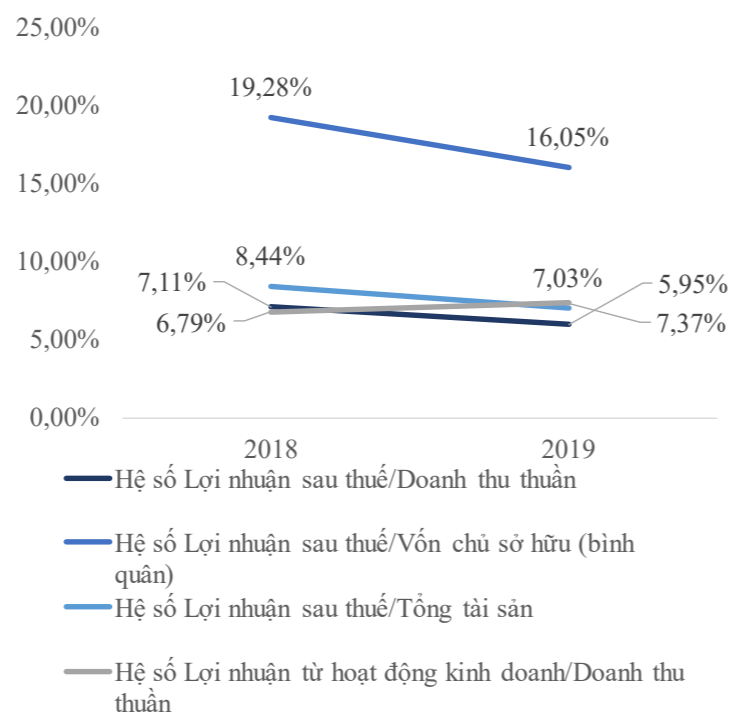
## Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Hệ số nợ/tổng tài sản và nợ/vốn chủ sở hữu giảm tương đối mạnh so với năm 2018, lần lượt là 451,24% và 105,07%. Trong năm, Công ty đã chủ động giảm các khoản nợ vay và nợ thuê tài chính (ngắn hạn và dài hạn) 371,9 tỷ đồng so với năm 2018. Nguyên nhân, chủ yếu đến từ việc dự báo được tình hình khó khăn trong thời gian tới, do vậy việc kiểm soát hàng tồn kho và giải phóng hàng nhanh để giảm nợ giúp Công ty tích lũy phát triển ổn định trong dài hạn.



## Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Trong năm các chỉ số ROS, ROE, ROA lần lượt đạt 5,95%, 16,05%, 7,03% giảm tương đối so với năm 2018. Tuy nhiên hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần tăng so với năm 2018 đạt 7,37%. Điều này cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn đang duy trì ổn định và lợi nhuận sau thuế giảm so với năm trước chủ yếu là do các khoản thu nhập khác giảm.



## Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Nhìn chung, trong năm 2019 vòng quay hàng tồn kho và hệ số doanh thu thuần/tổng tài sản tương đối ổn định, lần lượt đạt 3,02 vòng và 1,18 vòng. Hệ số về năng lực hoạt động không thay đổi nhiều so với năm 2018, điều này cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đang trong tình trạng tương đối ổn định.

## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

### CỔ PHẦN

Số lượng cổ phần

58.016.918  
CP

Số cổ phiếu ưu đãi: không có

Mệnh giá cổ phiếu

10.000  
VNĐ

Số cổ phiếu phổ thông

58.016.918  
CP

100.450  
CP

Số cổ phiếu quỹ

57.916.468  
CP

Số cổ phiếu đang lưu hành

57.916.468  
CP

Số cổ phần chuyển nhượng tự do

Số cổ phần bị hạn chế  
chuyển nhượng: 0 cổ phần

# CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

Cơ cấu cổ đông (cập nhật theo danh sách cổ đông chốt ngày 27/02/2020)

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Cổ phiếu quỹ	1	100.450	0,17%
2	Cổ đông trong nước	7.696	29.731.647	51,25%
	• Tổ chức	77	6.100.593	10,52%
	• Cá nhân	7.619	23.631.054	40,73%
3	Cổ đông nước ngoài	116	28.184.821	48,58%
	• Tổ chức	23	27.942.140	48,16%
	• Cá nhân	93	242.681	0,42%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>7.812</b>	<b>58.016.918</b>	<b>100%</b>

## Danh sách cổ đông lớn

Tên tổ chức/ cá nhân	Số đăng ký sở hữu	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/VĐL
E.land Asia Holdings Pte., Ltd	CA2946	50 RAFFLES PLACE, #11-03B SINGAPORE LAND TOWER SINGAPORE 048623	25.092.627	43,25%



## Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm 2019, Công ty đã tiến hành phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu của Công ty với tỷ lệ thực hiện 7%/mệnh giá – Cổ đông sở hữu 100 cổ phần tại thời điểm chốt danh sách cổ đông được nhận thêm 7 cổ phần mới. Số cổ phần được thanh toán sẽ làm tròn đến hàng đơn vị, số cổ phiếu lẻ phần thập phân được hủy. Vốn điều lệ của Công ty tăng tương ứng từ 54.230.055 cổ phần lên 58.016.918 cổ phần.

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Tính đến 31/12/2019, số lượng cổ phiếu quỹ của Công ty là 100.450 cổ phần. Trong năm 2019, Công ty không thực hiện mua/bán cổ phiếu quỹ.

Các chứng khoán khác: không có.





## **BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Tình hình tài sản

Tình hình nợ phải trả

Về tình trạng trả nợ

Ảnh hưởng của chênh lệch lãi vay



# ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

## Môi trường kinh doanh 2019

Ngân hàng Thế giới (WB) công bố Báo cáo Môi trường Kinh doanh 2020 (Doing Business 2020), trong đó Việt Nam được xếp hạng thứ 70 trong tổng số 190 nền kinh tế được đánh giá, giảm 1 bậc so với năm 2018. Với sự nỗ lực cải thiện môi trường kinh doanh của Chính phủ qua những năm gần đây, cho thấy số điểm về môi trường kinh doanh của Việt Nam đều tăng dần. Cụ thể, theo Doing Business 2018 Việt Nam đạt 66,77 điểm, năm 2019 68,8 điểm và năm 2020 là 69,8 điểm. Năm nay xếp hạng Việt Nam giảm 1 bậc nguyên nhân chủ yếu là các quốc gia khác có sự cải thiện các chỉ số tốt hơn, tuy nhiên Việt Nam vẫn được đánh giá là có nhiều cải tiến trong các tiêu chí bình chọn.

Trong năm 2019, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 02/NQ-CP về việc tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 về định hướng đến năm 2021. Theo Tổng cục thống kê cho thấy GDP năm 2019 đạt kết quả ấn tượng với tốc độ tăng 7,02%, trong khi đó mục tiêu Quốc hội đề ra chỉ từ 6,6% đến 6,8%. Trong tình hình chung cả năm 2019, cả nước có 138,1 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký là 1.730,2 nghìn tỷ đồng và tổng số lao động đăng ký là 1.254,4 nghìn lao động, tăng 5,2% về số doanh nghiệp, tăng 17,1% về vốn đăng ký và tăng 13,3% về số lao động so với năm trước.

Tuy nhiên trước tình hình dịch bệnh Covid-19 đã tác động không nhỏ đến nền kinh tế toàn cầu, các doanh nghiệp Việt Nam cũng sẽ gặp không ít khó khăn trong việc sản xuất kinh doanh. Vì vậy trong năm 2020, doanh nghiệp cần có những định hướng phát triển phù hợp với bối cảnh kinh tế khó khăn.

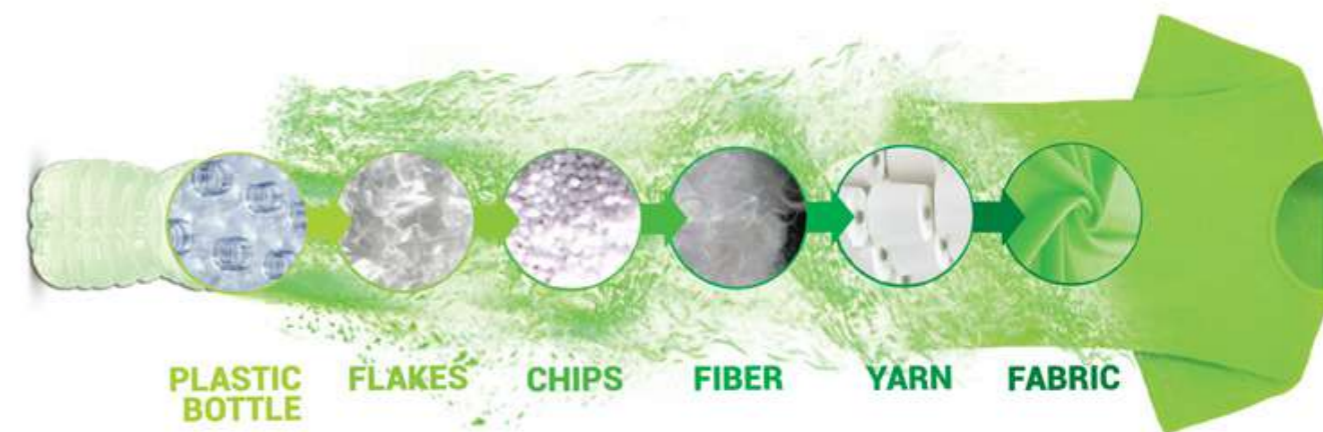
Ngành Dệt May Việt Nam được đánh giá là có mức tăng trưởng khá trong thời kì nền kinh tế thế giới biến động. Theo báo cáo của Chính phủ, kim ngạch xuất khẩu Ngành Dệt May ước tính đạt mức tăng trưởng 7,55% so với năm 2018 tương ứng với 39 tỷ USD ( thấp hơn 1 tỷ USD so với kế hoạch). Năm 2019, Ngành Dệt May Việt Nam không còn được hưởng lợi nhiều từ cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung Quốc mà đang dần gặp các khó khăn. Cụ thể theo báo cáo của Bộ Công Thương lượng đơn hàng cho năm 2020 của nhiều doanh nghiệp mới chỉ bằng 80% so với năm ngoái, bên cạnh đó nhiều doanh nghiệp nhận được đơn hàng ngắn hạn theo tháng, quý thay vì các đơn hàng dài hạn như trước kia. Ngoài ra Ngành Dệt May còn đối mặt với cạnh tranh đơn hàng từ các quốc gia Trung Quốc, Ấn Độ, Bangladesh... Thị trường sợi cũng gặp khó khăn, khi các doanh nghiệp Việt Nam phải cạnh tranh đơn hàng sợi với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài như Ấn Độ, Thái Lan, Indonesia, Pakistan...

Từ bức tranh kinh tế trong và ngoài nước cùng với thực tiễn hoạt động của Công ty, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2019 như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2018	2019		Thực hiện 2019 so với	
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2018
Doanh thu thuần	Tỷ Đồng	3.662	3.953	3.644	92%	100%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ Đồng	323	303	274	91%	85%
Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/ DTT	%	9%	8%	8%	98%	85%
Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/ VCSH	%	25%	21%	19%	90%	76%
Cổ tức/ VĐL	%	12%	12%	12%	100%	100%
VCSH	Tỷ Đồng	1.276	1.414	1.425	101%	112%

## Về doanh thu

Nhìn chung trong năm 2019, doanh thu thuần giảm nhẹ so với năm 2018 và chưa hoàn thành so với kế hoạch đề ra (đạt 92%). Lợi nhuận trước thuế giảm so với năm 2018 (đạt 85%) và đạt 98% kế hoạch đã đề ra. Nguyên nhân chủ yếu việc giảm lợi nhuận trước thuế là do năm 2019 Công ty không có các khoản thu nhập khác từ công ty con và công ty liên kết như năm 2018.





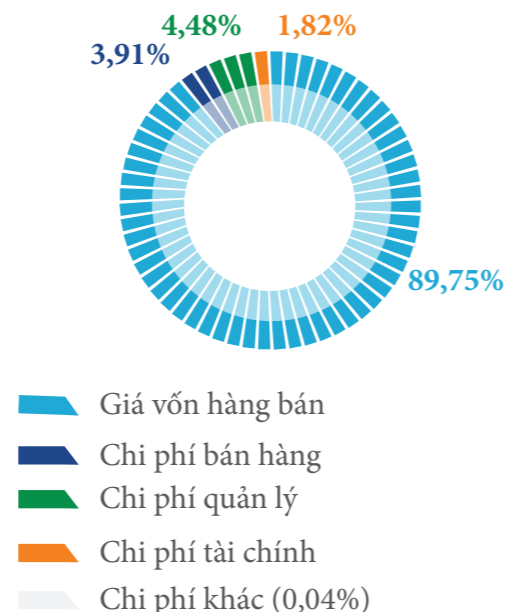
# ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

## Môi trường kinh doanh 2019 (tt)

### Về chi phí

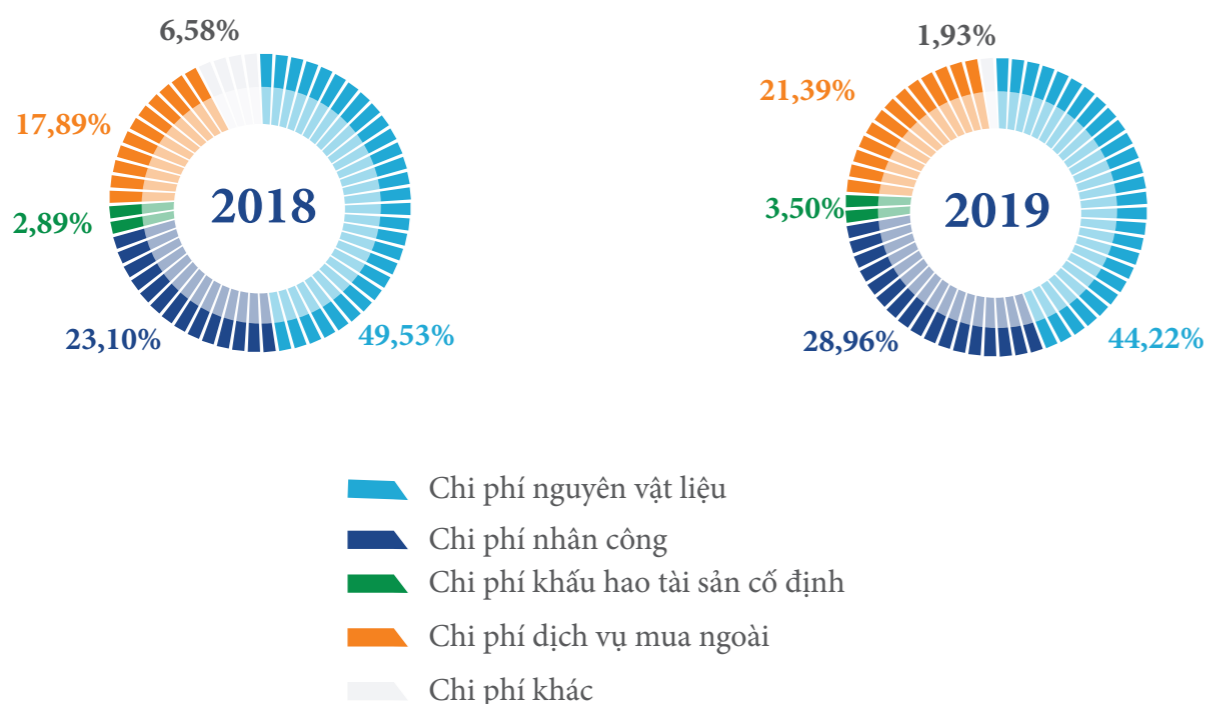
#### Cơ cấu chi phí hoạt động

Trong năm 2019, giá vốn hàng bán tăng 82 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng cao nhất với 89,75% cơ cấu, tăng so với năm 2018 đạt 86,54% cơ cấu. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí tài chính giảm, chiếm lần lượt là 3,91%; 4,48% và 1,82% cơ cấu, chi phí khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu chi phí hoạt động.



#### Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Tổng chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố năm 2019 giảm 9,42% so với năm 2018 tương ứng giảm 342,2 tỷ đồng. Trong đó chi phí nguyên vật liệu giảm 19,13% tương ứng giảm 344,4 tỷ đồng so với năm 2018 và chiếm 44,22% trong tổng cơ cấu. Bên cạnh đó, chi phí nhân công trong năm tăng 13,56% tương ứng tăng 113,8 tỷ đồng và chiếm 28,96% tổng cơ cấu. Chi phí khấu hao tài sản cố định và chi phí dịch vụ mua ngoài vẫn tương đối ổn định, tuy nhiên chi phí khác giảm 175,5 tỷ đồng và giảm còn 1,93% cơ cấu. Mặc dù trong năm Công ty được hưởng lợi từ chi phí nguyên liệu đầu vào giảm tuy nhiên chi phí nhân công tăng lên, đây là tình trạng chung của các doanh nghiệp cùng ngành. Điều này cho thấy trong tương lai chi phí nhân công còn có thể tăng thêm, Công ty có những định hướng mới, đào tạo những công nhân lành nghề và cải tiến máy móc để nâng cao năng suất lao động.



## Tình hình tài chính

### Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản

STT	Chỉ tiêu	2018	2019	% Tăng/ Giảm
1	Tài sản ngắn hạn	1.893.146	1.624.461	-14,19%
2	Tài sản dài hạn	1.354.180	1.298.344	-4,12%
3	Tổng tài sản	3.247.326	2.922.805	-9,99%

ĐVT: Triệu đồng

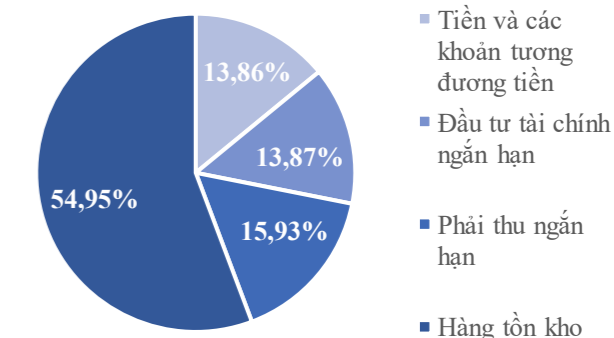
Năm 2019, tài sản ngắn hạn giảm 14,19% so với năm 2018 tương ứng giảm 268,7 tỷ đồng, trong đó khoản mục hàng tồn kho giảm 21,56% tương ứng giảm 245,3 tỷ đồng. Tài sản dài hạn giảm nhẹ 4,12% so với năm 2018, trong đó giảm khoản mục tài sản cố định hữu hình và tài sản dở dang dài hạn. Trong năm, tổng tài sản giảm 9,99% so với cùng kỳ năm ngoái.

Xét về cơ cấu mỗi nhóm tài sản, tỷ trọng tài sản ngắn hạn, dài hạn cụ thể như sau:

#### Về cơ cấu tài sản ngắn hạn

Trong năm có sự sụt giảm giá trị hàng tồn kho, nên hàng tồn kho giảm tỷ lệ trong cơ cấu tài sản ngắn hạn, đạt 54,95%, tuy nhiên đây vẫn là khoản mục chiếm tỷ trọng cao nhất. Các khoản phải thu ngắn hạn giảm nhẹ nhưng vẫn xếp thứ hai trong cơ cấu, đạt 15,93%; khoản mục đầu tư tài chính và khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền tăng trong năm, đạt 13,87% và 13,86% so với cơ cấu; tài sản ngắn hạn khác giảm nhưng chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu.

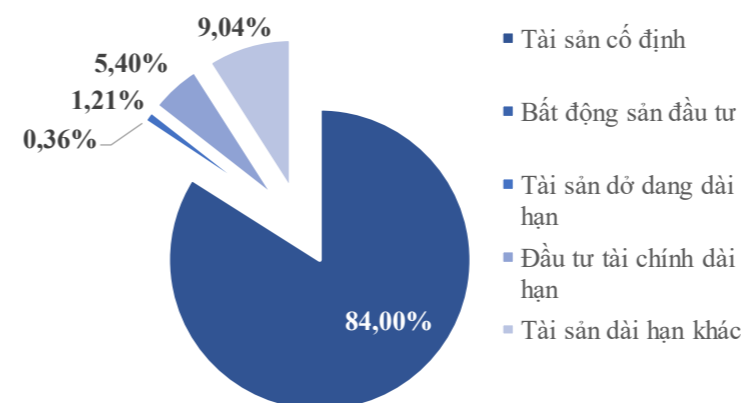
Cơ cấu tài sản ngắn hạn năm 2019



#### Về cơ cấu tài sản dài hạn

Trong năm tài sản cố định chiếm tỷ lệ lớn nhất trong cơ cấu tài sản dài hạn, chiếm 84%, bất động sản đầu tư không có sự thay đổi nhiều, tài sản dở dang dài hạn giảm chiếm 1,21% cơ cấu, đầu tư tài chính dài hạn và tài sản dài hạn khác tăng, chiếm lần lượt 5,4% và 9,04% cơ cấu tài sản dài hạn.

Cơ cấu tài sản dài hạn năm 2019





# ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

## Tình hình nợ phải trả

*ĐVT: Triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	2018	2019	% Tăng/ Giảm
1	Nợ ngắn hạn	1.701.088	1.331.356	-22%
2	Nợ dài hạn	269.840	166.182	-38%
3	Tổng nợ phải trả	1.970.928	1.497.538	-24%

Trong năm Công ty giảm các khoản nợ vay và thuê tài chính (ngắn hạn-dài hạn) đã đến hạn trả nên nợ ngắn hạn, nợ dài hạn và tổng nợ lần lượt giảm 22%, 38% và 24%. Nợ ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tổng nợ (chiếm 88,9%), Công ty tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu là từ nợ ngắn hạn.

## Tình trạng trả nợ

*ĐVT: Tỷ đồng*

Chỉ tiêu	Tuổi nợ dưới 1 năm			Tuổi nợ trên 1 năm		
	2018	2019	+/-	2018	2019	+/-
Các khoản nợ thuê tài chính	43,98	49,08	5.1	78,97	62,54	-16.43
Các khoản vay	1.056,35	788,24	-268.11	143,16	60,79	-82.37
Phải trả người bán và phải trả khác	315,97	203,75	-112.22	-	-	-
Chi phí phải trả	4,35	6.98	2.63	-	-	-
Tổng cộng	1.420,65	1.048,05	-372.6	222,13	123,33	-98.8

Trên thực tế, Công ty luôn coi trọng công tác quản trị rủi ro nói chung và đặc biệt là rủi ro thanh khoản nói riêng. Ban Tổng giám đốc luôn giám sát hoạt động quản lý rủi ro thông qua việc thường xuyên theo dõi yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động dòng tiền của Công ty.



# ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

## Ảnh hưởng của chênh lệch lãi vay

*ĐVT: Triệu đồng*

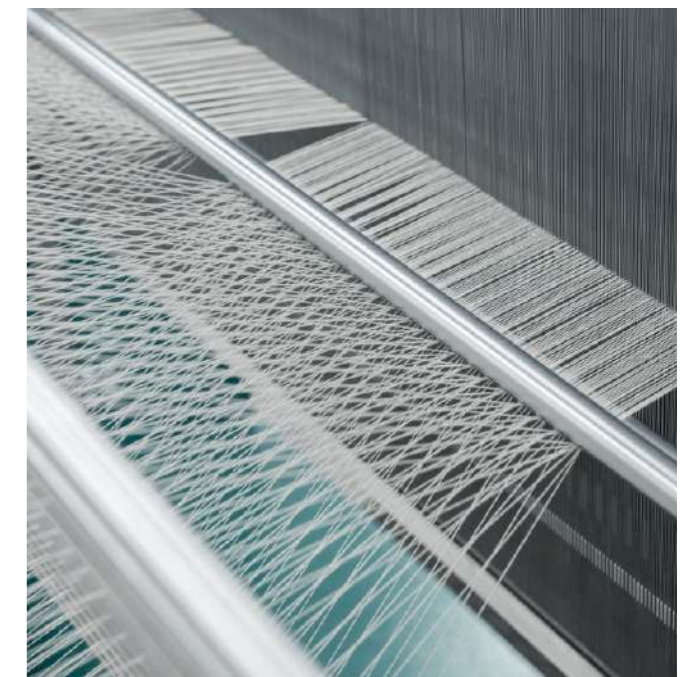
STT	Chỉ tiêu	2018	2019
1	Vay ngắn hạn	1.150.136	877.054
2	Vay dài hạn	222.136	123.333
3	Chi phí lãi vay	51.903	49.405
4	Chi phí lãi vay/doanh thu thuần	1,42%	1,36%

## Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá

*ĐVT: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2019	31/12/2018	31/12/2019	31/12/2018
Đô la Mỹ (USD)	821.328	1.141.149	423.080	419.575
Euro (EUR)	-	363	5	5
Yên Nhật (JPY)	-	-	20	20
Tổng cộng	821.328	1.141.512	423.103	419.599

Vì thực hiện giao dịch với một số thị trường trên thế giới, Công ty chịu ảnh hưởng từ thay đổi tỷ giá của đồng USD, Yên Nhật và Euro. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 1% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ USD so với VND tăng/giảm 1% thì lợi nhuận trước thuế trong kỳ của Công ty sẽ giảm/tăng 3.982.487.366 đồng tương ứng (lợi nhuận trước thuế kỳ hoạt động 12 tháng kết thúc ngày 31/12/2019 là 7.215.741.212 đồng).





# CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Trong năm 2019, Công ty đã đạt được những tiến bộ về (1) Cơ cấu tổ chức; (2) Chính sách hoạt động; (3) Công tác quản lý Công ty, cụ thể như sau:

## Về cơ cấu tổ chức

Công ty tập trung vào việc nâng cao hiệu quả của các cấp quản lý, điều hành

- Đối với khối kinh doanh sản phẩm may xuất khẩu: tổ chức 4 đơn vị xuất khẩu sản phẩm may (trong đó thành lập mới 1 đơn vị) và xác lập nguyên tắc kinh doanh cho các đơn vị nhằm tập trung phát triển thị trường mới, khách hàng mới, đó là:
  - Khối kinh doanh A: Team A1, Team A2, Team A3. Thị trường chính: Mỹ, EU.
  - Khối kinh doanh B: Team B1, Team B2, Team B3. Thị trường chính: Nhật Bản.
  - Khối kinh doanh C: Team C1, Team C2. Thị trường chính: Mỹ, EU.
  - Khối kinh doanh D: Team D1, Team D2, Team D3, Team D4. Thị trường chính: Hàn Quốc, Trung Quốc.
- Tiếp tục đầu tư và phát triển Phòng R& BD (Research & Business Development) để đẩy mạnh hơn nữa công tác nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới ( sản phẩm có tính năng đặc biệt, sản phẩm từ nguyên liệu hữu cơ, nguyên liệu tái chế,... )
- Nâng cao hiệu quả hoạt động Phòng Kiểm Toán Nội Bộ và Phòng Phân tích tham mưu (Business Intelligent) để tăng cường năng lực tổng hợp, phân tích, tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc.

## Về chính sách

- Tiếp tục theo đuổi chiến lược của Công ty với mục tiêu “Nhanh hơn – Tốt hơn – Rẻ hơn” (Faster, Better, Cheaper).
- Trong năm 2019, Công ty tiếp tục thực hiện nhiều chính sách phát triển nguồn nhân lực: nâng cấp hệ thống quản lý thành tích nhân viên: nhân viên được phản hồi kết quả công việc định kỳ hàng tháng, hàng quý, qua đó nâng cao chất lượng công việc; duy trì các chính sách nâng lương, thưởng thành tích, thăng cấp...qua đánh giá thành tích nhằm tạo động lực làm việc cho nhân viên; định kỳ thực hiện các chương trình huấn luyện để phát triển kỹ năng quản lý, kỹ năng mềm, kỹ năng chuyên môn cho nhân viên;
- Nâng cao các chế độ phúc lợi cho người lao động.
- Thực hiện chính sách luân chuyển cán bộ để đào tạo, phát triển năng lực cán bộ nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực quản lý cho các dự án đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh, mở rộng các nhà máy mới.

## Về công tác điều hành, quản lý

- Bổ sung 2 Phó Tổng Giám đốc Công ty để nâng cao hiệu quả hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh.
- Triển khai áp dụng và nâng cao hiệu quả hệ thống quản lý thành tích mới theo KPIs. Từng cấp quản lý, từng nhân viên chủ động thực hiện nhiệm vụ của mình. Công ty tạo điều kiện làm việc tốt nhất cho nhân viên.
- Xây dựng hệ thống đánh giá năng lực nhân viên.
- Cải tiến quy trình, chính sách thăng cấp nhân viên.
- Mở rộng phạm vi áp dụng hệ thống ERP vào các lĩnh vực: mua hàng, tính giá các đơn hàng xuất khẩu, theo dõi và kiểm soát các chỉ tiêu KPI của các đơn vị trong Công ty.
- Xây dựng hệ thống chính sách, quy trình kiểm toán nội bộ để tăng cường kiểm soát rủi ro, kiểm soát hệ thống.



## KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Năm 2019, Ngành Dệt May tiếp tục phát triển đa dạng hóa các thị trường xuất khẩu, bên cạnh những thị trường xuất khẩu chính được giữ vững như: Mỹ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc vẫn đạt mức tăng trưởng tốt, một số thị trường có sự bứt phá như: Trung Quốc, Nga, Campuchia... Tuy nhiên, vấn đề bất ổn của nền kinh tế thế giới hiện nay khiến đơn hàng dệt may trong cuối năm 2019 có dấu hiệu giảm tốc.

Đứng trước tình hình đó, các doanh nghiệp trong nước nên hình thành các chuỗi liên kết sản xuất sợi, dệt, nhuộm, may nhằm tạo ra sản phẩm có giá trị gia tăng cao. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp tập trung đầu tư vào lĩnh vực cốt lõi, có lựa chọn, tránh dàn trải, không nên bỏ qua thị trường nội địa, phát triển các sản phẩm phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng trong nước, xây dựng thương hiệu mới và các kênh tiêu thụ. Đặc biệt, ngành vẫn phải tập trung vào năng suất, cải thiện chi phí lao động trên một đơn vị sản phẩm, rút ngắn thời gian giao hàng dịch vụ tại các nơi cũng như củng cố mạng lưới logistics đối với các nước.

Để hoàn thành mục tiêu, kế hoạch đã đặt ra, VITAS khuyến nghị các doanh nghiệp, dệt may tăng cường hợp tác, liên doanh, liên kết giữa doanh nghiệp dệt may trong nước với nhau, giữa doanh nghiệp trong nước và đầu tư nước ngoài, giữa doanh nghiệp sản xuất nguyên liệu, phụ liệu và may, hình thành chuỗi liên kết tại mỗi vùng, miền.

Thị trường may mặc toàn cầu dự báo sẽ đạt 1.004,6 tỷ USD vào năm 2021, tăng 19,2% kể từ năm 2016. Tốc độ tăng trưởng hàng năm kép (CAGR) của thị trường trong giai đoạn 2015-2020 dự kiến là 3,6%. Châu Á - Thái Bình Dương chiếm 60,7% giá trị thị trường dệt may toàn cầu và Châu Âu chiếm thêm 15,0% thị trường.

### Dự báo thị trường may mặc thế giới giai đoạn 2016-2021

Năm	Tỷ USD	% Tăng trưởng
2016	842,7	5,5
2017	872,3	3,5
2018	903,9	3,6
2019	937,4	3,7
2020	970,9	3,6
2021	1.004,6	3,5
<b>Tốc độ tăng trưởng kép hàng năm</b>		<b>3,6</b>

Dựa trên thực tế sản xuất kinh doanh năm 2019 và dự báo cho năm 2020, Ban lãnh đạo Công ty đã đề ra chỉ tiêu kế hoạch cho năm 2020 như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2020
1	Doanh thu thuần	Tỷ Đồng	3.779,62
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ Đồng	236,23
3	Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/ DTT	%	6,25%
4	Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/ VCSH	%	16,12%
5	Cổ tức/ VĐL	%	10%

## GIẢI TRÌNH Ý KIẾN CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Không có







# BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN ĐÁNH GIÁ TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

## Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

- Công ty CP Dệt May ĐT TM Thành Công chấp hành đúng và đầy đủ các cam kết bảo vệ môi trường được phê duyệt và các quy định pháp luật về công tác bảo vệ môi trường.
- Kiểm soát lượng nước khai thác nước giếng không quá 4.500 m<sup>3</sup>/ ngày đêm theo đúng giấy phép khai thác.
- Kiểm soát các thông số nước xả thải ra môi trường theo cột B QCVN 13/2015/BTNMT và lắp đặt hệ thống quan trắc tự động trực tuyến (online) truyền dữ liệu các thông số xả thải theo quy định cho nước thải dệt nhuộm về Tờ trình quan trắc của Sở Tài Nguyên và Môi Trường TP.HCM đáp ứng yêu cầu mới của quy định pháp luật về môi trường.
- Thực hiện kiểm toán năng lượng định kỳ theo quy định. Kiểm soát sử dụng và nâng cao giải pháp tiết kiệm điện năng, tiến hành thay bóng đèn huỳnh quang bằng bóng đèn led để tiết kiệm chi phí điện năng .
- Kiểm soát phát thải, giảm thiểu chất thải và kiểm soát chất lượng khí thải đạt tiêu chuẩn môi trường theo quy định, dự kiến trước 31.12.2020 Thành Công phải hoàn thành việc lắp đặt hệ thống quan trắc tự động khí thải theo yêu cầu của Nghị định 40/2019/NĐ-CP ngày 13.05.2019 và Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31.12.2019.

## Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động.

- Công ty luôn xem người lao động và vốn quý nhất nên việc chăm lo, phát triển nguồn nhân lực vừa là trách nhiệm vừa là mục tiêu phát triển của Công ty.
- Trong năm 2019, Công ty luôn đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động. Thu nhập bình quân năm 2019 tăng 7,7% so với năm 2018.
- Công ty luôn thực hiện tốt trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp theo tiêu chuẩn SA 8000, tiêu chuẩn của khách hàng và quy định pháp luật của Việt Nam..
- Trong năm 2019, giờ làm việc của người lao động đã giảm đáng kể nhưng vẫn đạt được năng suất lao động và tăng thu nhập. Đó là do Công ty đã tổ chức, hợp lý hóa sản xuất, đầu tư công nghệ, thiết bị hiện đại đồng thời thực hiện đào tạo nâng cao tay nghề cho người lao động, đào tạo tác phong làm việc khoa học, nghiêm túc.
- Công ty đã áp dụng các hệ thống quản lý thành tích, quản lý năng lực để đánh giá và phát triển nhân viên. Qua đó, thực hiện các chương trình đào tạo, huấn luyện để phát huy tối đa năng lực nhân viên. Thực hiện các chính sách thăng cấp, lương thưởng để tạo động lực cho nhân viên.
- Công ty tạo ra môi trường làm việc thân thiện, thoải mái thông qua việc đầu tư trang bị các phòng tập thể thao, Gym, Yoga, sân chơi thể thao ngoài trời; quán Café , nhà ăn , phòng y tế,... hiện đại, tiện ích .
- Trong năm 2019, Công ty đã bổ sung 3 điểm mới có lợi hơn cho người lao động vào Thỏa Ước Lao Động tập thể.
- Năm 2019, Công ty được Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) xét chọn và vinh danh Doanh nghiệp vì người lao động năm 2019.

## Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Tiếp tục duy trì và phát huy các hoạt động trách nhiệm xã hội (CSR) từ những năm trước, năm 2019 bên cạnh các hoạt động bảo trợ định kỳ cho ba mái ấm trên địa bàn quận Tân Phú, Công ty đã tăng cường hoạt động hỗ trợ các địa phương nơi có hoạt động của các nhà máy sản xuất:

- Tại nhà máy Vĩnh Long- tỉnh Vĩnh Long, Công ty đã cùng chính quyền địa phương hỗ trợ thăm hỏi các hoàn cảnh khó khăn trong các dịp Lễ, Tết; hỗ trợ hoạt động của Trung tâm công tác xã hội tỉnh- nơi nuôi dạy trẻ em khuyết tật – trẻ mồ côi – người già không nơi nương tựa – bệnh nhân tâm thần bằng nhu yếu phẩm hoặc sản phẩm may của Công ty. Đồng thời hàng năm, Công ty cũng tài trợ hàng ngàn sản phẩm may cho Mặt trận Tổ quốc tỉnh thực hiện các chương trình chăm lo hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.
- Tại nhà máy sợi, nhà máy may- tỉnh Tây Ninh: Công ty phối hợp chính quyền địa phương thường xuyên thăm hỏi, tặng quà cho người nghèo, tặng thẻ BHYT các hộ dân sống lân cận nhà máy.
- Tại nhà máy đan- huyện Hóc Môn, nhà máy sợi- quận 4: Công ty phối hợp chính quyền địa phương thực hiện các chương trình chăm lo Tết cho các hộ gia đình khó khăn.
- Tại trụ sở Công ty: Công ty đã phối hợp với Mặt trận Tổ quốc, Ủy ban nhân dân phường Tây Thạnh thực hiện bảo trợ thường xuyên cho 5 hộ gia đình thuộc diện khó khăn của phường, bên cạnh đó hoạt động tặng thẻ bảo hiểm y tế, tặng nhu yếu phẩm tiếp tục được duy trì hàng năm.

Công ty đã tài trợ học bổng , phương tiện đi học trị giá một trăm triệu đồng mỗi năm cho học sinh nghèo, có hoàn cảnh khó khăn tại quận Tân Phú; tài trợ học bổng cho trẻ em dân tộc thiểu số hàng năm theo vận động của Ủy ban dân tộc.

Đồng thời, với định hướng các hoạt động CSR trong năm 2019 tập trung chăm lo người lao động nên hoạt động của cửa hàng phi lợi nhuận Happy Mart được tăng cường bao gồm cả các nhà máy ở xa trụ sở Công ty; việc kết hợp với các doanh nghiệp, tổ chức bên ngoài nhằm đa dạng hóa các hình thức hỗ trợ cho người lao động cũng được chú trọng; trong năm 2019 đã có 557 người lao động được vay vốn từ quỹ CEP (với số tiền 15,22 tỷ đồng), chương trình bán hàng trả chậm không lãi suất từ iCare; bên cạnh đó là chương trình hỗ trợ suất ăn sáng giá rẻ cho người lao động từ Công đoàn, đồng thời việc cấp học bổng cho con CBCNV có hoàn cảnh khó khăn được tiến hành hàng năm. Việc đồng hành cùng người lao động khi gặp khó khăn đột xuất, mắc bệnh hiểm nghèo ngày càng được quan tâm từ lãnh đạo cho đến các cán bộ nhân viên thông qua nguồn kinh phí từ quỹ phúc lợi, Công đoàn hoặc đóng góp của CBCNV trong Chương trình Mười Ngàn Mẫu Nhiệm. Bên cạnh đó các hoạt động văn hóa – văn nghệ, chương trình thi đua, hội thao cũng được triển khai, đây là một món ăn tinh thần vô cùng hữu ích nhằm tăng cường tinh thần đoàn kết, giúp cán bộ nhân viên có điều kiện giao lưu, thư giãn sau thời gian làm việc.

Nhìn chung, Công ty đã thực hiện rất tốt các hoạt động CSR trong năm 2019. Điều này là một trong những giá trị cốt lõi và cũng là một trong những yếu tố để giữ chân lao động, để nhận sự hỗ trợ của chính quyền địa phương nhằm giúp cho Công ty ngày càng phát triển và mang lại lợi ích ngày càng cao cho cổ đông, nhà đầu tư.





## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của Hội đồng quản trị về tình hình kinh tế, Ngành Dệt May  
trong năm 2019

Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc  
Công ty

Định hướng và giải pháp thực hiện của HĐQT trong năm 2020



# ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ TÌNH HÌNH KINH TẾ, NGÀNH DỆT MAY TRONG NĂM 2019

## Tình hình kinh tế thế giới

Năm 2019, thế giới chứng kiến những biến động phức tạp, nhiều yếu tố bất lợi cho nền kinh tế:

- Xung đột thương mại giữa một số nền kinh tế lớn, đặc biệt là chiến tranh thương mại giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc ngày càng gia tăng;
- Brexit không đạt thỏa thuận, kéo dài;
- Sự phát triển nhanh chóng của khoa học công nghệ và những tác động sâu rộng của cách mạng 4.0 vào nhiều lĩnh vực, trong khi trình độ lao động còn hạn chế chưa theo kịp....
- Dự báo về tăng trưởng kinh tế thế giới liên tục giảm từ các tổ chức quốc tế như IMF, WB v.v.
- IMF vào tháng 10 năm 2019 dự báo nền kinh tế thế giới 2019 chỉ tăng trưởng 3%, đây là lần thứ tư liên tiếp IMF hạ dự báo của năm.
- Tăng trưởng GDP của các nền kinh tế lớn như Mỹ điều chỉnh giảm ở mức 2,4%, Trung Quốc 6,1% và EU 1,2% so với các mức lần lượt 2,6%, 6,2% và 1,3% được dự báo trước đó trong tháng 7 năm 2019.
- Tăng trưởng khu vực kinh tế Đông Á - Thái Bình Dương được dự báo sẽ giảm từ 6,3% năm 2018 xuống còn 5,8% cho năm 2019.

## Tình hình kinh tế Việt Nam, Ngành Dệt May

### Kinh tế Việt Nam

2019 là năm thứ 2 liên tiếp Việt Nam đã hoàn thành được 12/12 chỉ tiêu chính đề ra, đặc biệt các chỉ tiêu về kinh tế đã vượt kế hoạch như tăng trưởng GDP đạt 7,02 % (kế hoạch 6,6% - 6,8%); tổng kim ngạch xuất khẩu tăng 8,1% (kế hoạch 7% - 8%); đạt xuất siêu (kế hoạch nhập siêu < 3%); năng suất lao động tăng 5,9% (kế hoạch mục tiêu 5 năm 5,5%); chỉ số giá tiêu dùng CPI đạt < 3% (kế hoạch < 4%)...

Việt Nam được xếp hạng 8 trong số các nền kinh tế tốt nhất trên thế giới để quyết định đầu tư, tăng 15 bậc so với năm 2018; Diễn đàn Kinh tế Thế giới đánh giá năng lực cạnh tranh của Việt Nam đã được cải thiện, xếp hạng 67/141 quốc gia và vùng lãnh thổ, tăng 10 bậc so với 2018.

Tuy nhiên, khó khăn từ nội tại nền kinh tế Việt Nam còn tiếp tục, làm giảm sức cạnh tranh của doanh nghiệp như chi phí đầu vào tăng hàng năm (điện, xăng dầu, tiền lương và các khoản phí BHXH, BHYT); giá nguyên liệu xơ sợi biến động; hàng nhập lậu, hàng giả, hàng kém chất lượng chưa được kiểm soát tốt...

### Ngành Dệt May

Ngành Dệt May 2019 còn đối mặt với nhiều khó khăn do tác động biến động của thị trường, chiến tranh thương mại giữa các nước lớn .... , vì vậy:

Kết quả thực hiện của Ngành Dệt May Việt Nam đạt 39 tỷ đô la doanh thu xuất khẩu, đạt 97,5 % so với kế hoạch đề ra (40 tỷ đô la). Ngành Dệt May không hoàn thành kế hoạch 2019.

Tăng trưởng xuất khẩu đạt 7,22 % so với 2018, nhưng tốc độ tăng trưởng giảm so cùng kỳ (năm 2018 là 16%).

Nguyên nhân ảnh hưởng giảm tốc độ tăng trưởng hàng dệt may bao gồm:

- Tổng nhu cầu nhập khẩu dệt may thế giới năm 2019 giảm, chỉ tăng 3,4% so với 2018, trong khi tăng trưởng nhu cầu năm 2018 là 7,33% , dẫn đến tốc độ tăng trưởng xuất khẩu của 5 nước xuất khẩu hàng đầu thế giới đều giảm, trong đó Trung Quốc tăng trưởng giảm 2,3%, Pakistan giảm 4,6%, Bangladesh và Ấn Độ tăng nhẹ 2%, riêng Việt Nam duy trì mức tăng trưởng khá



7,22 % nhưng tốc độ tăng trưởng cũng giảm so với năm trước (năm 2018 có tốc độ tăng trưởng 2 con số).

- Ảnh hưởng do thị trường thay đổi như đơn hàng số lượng nhỏ, thời gian đặt hàng ngắn (trước đây dài hạn 3 - 6 tháng), giá bán thấp nên biên lợi nhuận giảm; sản phẩm vải bị cạnh tranh mạnh với vải nhập khẩu từ Trung Quốc (do hàng dự trữ được tung ra thị trường); ngành sợi bị ảnh hưởng do nhu cầu nhập khẩu của Trung Quốc giảm khoảng 10%, trong khi Trung Quốc tiêu thụ sản lượng sợi sản xuất từ Việt Nam hơn 60%, nhu cầu giảm dẫn đến giá bán giảm và tồn kho sợi tăng cao, ngành sợi bị thua lỗ nặng trong năm 2019 (khoảng 150 triệu đô la Mỹ - nguồn Vitas).

Thặng dư thương mại Ngành Dệt May năm 2019 là 16,62 tỷ USD, tăng 2,25 tỷ USD so với năm 2018 (tăng trưởng 15,57%).

Trong năm, việc khai thác thị trường nội địa cũng

gặp nhiều khó khăn, mặc dù Việt Nam là một thị trường tiềm năng (hơn 95 triệu dân, thu nhập người dân tăng...) và nhiều doanh nghiệp đã đầu tư đáng kể cho thị trường trong nước thông qua đẩy mạnh đầu tư thiết kế sản phẩm, xây dựng thương hiệu, phát triển và nâng cấp hệ thống phân phối rộng khắp cả nước (kể cả vùng sâu vùng xa). Những khó khăn đó là sự cạnh tranh gay gắt với hàng nhập lậu, hàng giả, hàng kém chất lượng, nhưng mang nhãn mác và thương hiệu hàng Việt Nam; cạnh tranh mạnh của nhiều thương hiệu lớn nước ngoài tại Việt Nam với những lợi thế hơn hẳn hàng sản xuất trong nước.



# Dự báo tình hình kinh tế và Ngành Dệt May năm 2020

## Dự báo kinh tế thế giới và trong nước

### Kinh tế thế giới

- Kinh tế thế giới dự báo tiếp tục phức tạp, khó lường trong năm 2020, đó là những khó khăn như tăng trưởng kinh tế giảm; bảo hộ thương mại gia tăng; xung đột thương mại giữa các nền kinh tế lớn vẫn tiếp diễn; biến động về tỷ giá hối đoái, lãi suất, thị trường tài chính tiền tệ quốc tế ...
- Những rủi ro mới nặng nề hơn về thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, sự phức tạp trong kiểm soát an ninh thông tin và an ninh mạng..., đặc biệt ngay những tháng đầu năm 2020 đã bùng phát đại dịch Covid-19 và đang lan rộng ra nhiều nước trên thế giới, sẽ tác động xấu đến nền kinh tế và xã hội toàn cầu.
- Theo IMF dự báo, nền kinh tế toàn cầu 2020 sẽ tăng 3,4%, tốt hơn so với dự báo 3% trong năm 2019. Tuy nhiên, một số nền kinh tế lớn vẫn được dự báo có tốc độ tăng trưởng 2020 thấp hơn 2019 như Mỹ có mức tăng 2,1% (năm 2020) so với 2,4% (năm 2019); Trung Quốc ở mức 6,0% (2020) so với 6,1% (2019); tăng trưởng ở khu vực Đông Á - Thái Bình Dương sẽ giảm còn 5,7% (2020) so với 5,8% (2019); ngoại lệ GDP trong Eurozone dự báo tăng đạt 1,4% (2020) so với 1,2% (2019).

## Dự báo Ngành Dệt May 2020

Quy mô của thị trường bán lẻ hàng may mặc toàn cầu năm 2020 ước tính sẽ đạt 64,64 tỷ USD, tăng 5,12% so với năm 2019 (Theo Euromonitor 2018 – nguồn Vitas).

Theo dự báo IMF, GDP của thế giới sẽ tăng 3,4% trong năm 2020, cao hơn mức dự tăng 3% của năm 2019; kim ngạch nhập khẩu dệt may toàn cầu 2020 sẽ đạt 817,87 tỷ USD, tăng 4,75% so với 2019, cao hơn mức tăng trưởng 3,4% của năm 2019.

### Kinh tế Việt Nam

- Năm 2020, Việt nam tiếp tục đối mặt những thách thức lớn, đó là sự bất ổn định của nền kinh tế toàn cầu như nêu trên; sự thấp kém về năng suất, chất lượng và hiệu quả của nền kinh tế, khả năng cạnh tranh không cao (chưa tham gia mạng lưới sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu); ứng dụng công nghệ cao còn hạn chế; thiên tai và dịch bệnh; chất lượng dịch vụ kém và chi phí hậu cần cao ... so với khu vực và thế giới.
- Việt Nam tiếp tục đặt ra các mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô; kiểm soát lạm phát ; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh ... phấn đấu đạt được các chỉ tiêu kinh tế xã hội năm 2020 cao hơn năm 2019 như Nghị quyết được Quốc hội Việt Nam phê chuẩn.

## Cơ hội và thách thức mới của Ngành Dệt May

### Cơ hội

- Các Hiệp định thương mại tự do CPTPP (đã có hiệu lực) và EVFTA (dự kiến có hiệu lực vào quý 3 năm 2020) sẽ tạo điều kiện mở rộng thị trường xuất khẩu tiềm năng (với dân số CPTPP và EU: khoảng 1 tỷ người); tạo cơ hội thu hút đầu tư vào các ngành Việt Nam còn yếu như dệt, nhuộm và hỗ trợ doanh nghiệp phát triển
- Xung đột thương mại giữa các nước lớn sẽ tạo cơ hội thu hút đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, thúc đẩy hoạt động của Ngành Dệt May trong nước.
- Cách mạng công nghiệp 4.0 tạo điều kiện cho Ngành Dệt May của Việt Nam phải nỗ lực khắc phục yếu kém về năng suất và chất lượng, thay thế các khâu sản xuất đơn giản, độc hại, nguy hiểm; phát triển công nghệ mới đòi hỏi trình độ

kỹ thuật cao, tạo ra nhu cầu về ngành nghề mới; phát triển ngành thiết kế và thương hiệu hướng tới nâng cao giá trị sản phẩm may mặc.

### Thách thức

- Các Doanh nghiệp Dệt may Việt Nam phải rất nỗ lực phát triển nguồn nguyên liệu trong nước hoặc từ các quốc gia thành viên CPTPP, EVFTA ... để tận hưởng thuế suất ưu đãi của Hiệp định - Vấn đề này hiện đang rất khó khăn, do Việt Nam nhập khẩu đến 80% số lượng vải cho may xuất khẩu, trong đó Trung Quốc chiếm tỷ lệ 55%, Hàn Quốc 16%, Đài Loan 12% và Nhật Bản 6%.
- Cạnh tranh từ các nhà xuất khẩu dệt may lớn vào thị trường khối CPTPP và EVFTA như Trung Quốc, Ấn Độ, Bangladesh, Campuchia, Pakistan... sẽ khốc liệt hơn, khi Việt Nam tham gia vào các Hiệp định dẫn đến khả năng các nước sẽ sử dụng chính sách hỗ trợ dệt may cho xuất khẩu.
- Đòi hỏi doanh nghiệp đáp ứng tiêu chuẩn khắt khe của thị trường xuất khẩu khi tham gia vào các Hiệp định mới, trong khi các Doanh nghiệp Dệt may lại phải cạnh tranh với các thương hiệu lớn từ khối EVFTA và CPTPP đưa vào Việt Nam.
- Khả năng dệt may phải đối mặt với phát sinh hàng hóa quá cảnh bất hợp pháp, gian lận xuất xứ ... chuyển sang Việt Nam do tác động của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, trong khi Mỹ luôn cảnh báo việc truy tìm nguồn gốc và trừng phạt hành vi gian lận thương mại đối với hàng hóa xuất khẩu sang Mỹ.
- Yêu cầu cao về chất lượng nguồn nhân lực, trong khi lao động Việt Nam trình độ còn thấp, chưa được chuẩn bị đầy đủ cho nền công nghiệp 4.0.





# ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

## Hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất năm 2019 của Công ty như sau:

Chỉ tiêu	2018	2019		Thực hiện 2019 so với	
		Kế hoạch	Thực hiện	KH 2019	TH 2018
Doanh thu	3.662.010	3.952.700	3.644.200	92,2%	99,5%
Lợi nhuận sau thuế	260.436	241.865	216.847	89,7%	83,3%

Năm 2019, Công ty thực hiện không đạt các chỉ tiêu đề ra, doanh thu đạt 92,2% và lợi nhuận sau thuế đạt 89,7% so với kế hoạch 2019; không có tăng trưởng so với thực hiện năm 2018 (doanh thu đạt 99,5% và lợi nhuận sau thuế đạt 83,3%).

## Những nguyên nhân ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh năm 2019

Thị trường nhập khẩu sợi chính của Việt Nam là Trung Quốc giảm đáng kể, Việt Nam phụ thuộc quá lớn vào thị trường này (khoảng 60% sản lượng sợi Việt Nam bán vào Trung Quốc), nhu cầu thị trường giảm đã ảnh hưởng lớn đến sản xuất kinh doanh Ngành sợi, trong đó có Thành Công, dẫn đến giá bán giảm, tồn kho tăng cao - Doanh thu sản xuất kinh doanh sợi của Công ty chỉ đạt 77% so với kế hoạch 2019.

Thị trường dệt may thế giới biến động, cụ thể tổng nhu cầu nhập khẩu dệt may thế giới 2019 giảm hơn 50% so với 2018 (nhu cầu 3,4% của 2019/ 7,22% của 2018); sản lượng đơn hàng giảm, nhiều đơn hàng nhỏ, thời gian giao hàng ngắn; cạnh tranh gay gắt về giá giữa doanh nghiệp trong nước với các doanh nghiệp chuyển dịch sang Việt Nam do tác động chiến tranh thương mại Mỹ - Trung và với các nước xuất khẩu có lợi thế hơn trong khu vực..., dẫn đến doanh thu không đạt theo kế hoạch đặt ra, tỷ suất lợi nhuận giảm so với những năm trước...

Dự báo thị trường, đơn hàng và chuẩn bị các phương án sản xuất kinh doanh trong tình hình thiếu đơn hàng còn hạn chế, chưa khai thác tối đa năng lực sản xuất của Công ty như có lúc năng lực sản xuất đơn và nhuộm còn nhiều, trong khi đó Công ty phải mua vải ngoài cho may xuất khẩu, điều này phần nào ảnh hưởng kết quả chung Công ty.

Năm 2019 không còn khoản lợi nhuận đột biến từ giao dịch chuyển nhượng, đầu tư khác như trong thời kỳ tái cấu trúc ngành kinh doanh cắt giảm lỗ trước đây.



## Hoạt động đầu tư dự án

Tổng trị giá đầu tư trong năm 2019 cho hoạt động sản xuất kinh doanh 73,6 tỷ đồng, trong đó tập trung đầu tư:

- Máy móc thiết bị cho sản xuất: 58,7 tỷ đồng chiếm tỷ lệ gần 79,7%
- Nhà xưởng, cơ sở hạ tầng: 6,7 tỷ đồng chiếm tỷ lệ 9,2%
- Phần mềm quản lý: 0,58 tỷ VND với tỷ lệ 0,8% (gồm phần mềm cho quản lý tại Ngành SX, thiết kế thời trang, tính giá...)
- Phương tiện vận tải: 0,75 tỷ VND chiếm tỷ trọng 1,0% (gồm xe nâng, xe chuyên chở trong hoạt động sản xuất kinh doanh)
- Thiết bị, dụng cụ quản lý: 1,5 tỷ VND chiếm tỷ lệ 2,1% (gồm dụng cụ thí nghiệm, máy đo chỉ số kỹ thuật trong quá trình sản xuất...)
- Tài sản cố định khác: 5,29 tỷ đồng chiếm tỷ lệ 7,2% (gồm xử lý nước thải; trạm biến thế & hệ thống tủ điện, cáp điện cho sản xuất; hệ thống báo cháy & chống cháy cho các vị trí sản xuất kinh doanh quan trọng Công ty...)
- Đối với việc đầu tư Công ty thực hiện theo tiêu chí ưu tiên sản xuất nhằm thực hiện tốt nhất đơn hàng, thu hồi lợi nhuận nhanh và có hiệu quả; tập trung cho đầu tư phòng ngừa rủi ro (cháy nổ) và bảo vệ môi trường (xử lý nước thải); tuyệt đối không đầu tư vào lĩnh vực kinh doanh hiệu quả thấp.

Các hạng mục đầu tư trong năm 2019 đáp ứng tốt yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty, thỏa mãn yêu cầu khách hàng.

## Hoạt động môi trường

Công ty chấp hành đúng và đầy đủ các cam kết bảo vệ môi trường được phê duyệt và các quy định pháp luật về công tác bảo vệ môi trường như

- Thực hiện đầy đủ các báo cáo về quan trắc môi trường; tình hình khai thác nước và xả nước thải; quản lý chất thải theo quy định...
- Chấp hành tốt việc đóng thuế tài nguyên nước; đóng thuế bảo vệ môi trường nước thải; đóng các khoản phí quyền khai thác nước ngầm cho giấy phép theo quy định
- Đã bổ sung thiết bị duy trì và bảo dưỡng hệ thống quan trắc tự động online cho hệ thống

xử lý nước thải, kiểm soát chặt chẽ môi trường sản xuất, đáp ứng đầy đủ theo quy định pháp luật yêu cầu về môi trường.

- Tổ chức huấn luyện nhận thức về môi trường cho nhân viên Công ty.
- Tiếp tục xây dựng hoàn thiện và duy trì hệ thống quản lý Môi trường theo ISO14001-2015, do tổ chức BSI chứng nhận và đầu tư thêm hệ thống quan trắc khí thải, nước khai thác theo quy định pháp luật về môi trường mới ban hành 2020.

## Các hoạt động liên quan đến cộng đồng, xã hội

### Hoạt động cộng đồng, xã hội

Năm qua, ngoài nỗ lực sản xuất kinh doanh tạo ra lợi nhuận cao nhất để duy trì hoạt động và phát triển Công ty, thì trách nhiệm xã hội, cộng đồng cũng được Ban lãnh đạo và tập thể CBCNV luôn quan tâm thực hiện, đó là chăm lo sức khỏe và đời sống của CBCNV, người lao động hoàn cảnh khó khăn; khám và phát thuốc miễn phí cho người nghèo; trao tặng học bổng cho các em có khó khăn hiếu học và học sinh dân tộc thiểu số; bảo trợ các mái ấm Thiên Ân, Sơn Kỳ, Huỳnh Đệ Như Nghĩa ở thành phố Hồ Chí Minh; tặng quà và thẻ BHYT cho người nghèo; tài trợ và đồng hành thực hiện các chương trình chăm sóc những đối tượng có hoàn cảnh khó khăn của Mặt trận Tổ quốc các cấp, các tổ chức phi chính phủ tại Việt Nam ... thông qua các chương trình từ thiện của đội ngũ tình nguyện viên CBCNV công ty.



Kết quả 2019, Công ty đã đóng góp 1.009.225.202 đồng cho các hoạt động CSR nêu trên. Các hoạt động này đã đem lại những lợi ích về vật chất cũng như tinh thần để chia bớt những khó khăn cho những hoàn cảnh khó khăn trong cộng đồng và xã hội.

### Các hoạt động trọng yếu khác:

#### Nghiên cứu và Phát triển (R&D)

Nghiên cứu & Phát triển (R&BD) luôn được quan tâm, khẳng định là khâu quan trọng cho hoạt động và phát triển Công ty. Bởi vì bằng R&BD Công ty mới tạo được nhiều sản phẩm mới, thu hút người tiêu dùng và từ đó tạo ra nhiều đơn hàng mới cho sản xuất kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty.

Trong năm, Công ty đẩy mạnh hoạt động R&BD bằng đầu tư thêm máy móc, phần mềm mới, đào tạo nhân lực cho phát triển sản phẩm mới; triển khai mở rộng lĩnh vực nghiên cứu mẫu mới trên vải dệt, sợi; đưa vào sử dụng phần mềm thiết kế mẫu 3D để rút ngắn thời gian chào khách hàng...

Kết quả: một số mặt hàng đan kim với tính năng bảo vệ môi trường, giữ ấm, chống UV, chống cháy, kháng khuẩn ... đã được khách đặt đơn hàng; doanh thu từ mẫu mới đạt 07 triệu đô la, tăng 40% so với 2018 (5 triệu đô la); có thêm những mẫu được thử mở rộng trên vải dệt và sợi...; nhận được phản hồi tích cực từ khách hàng về sản phẩm mới cũng như đánh giá tốt về tầm nhìn Công ty thông qua đầu tư cho R&BD để có sản phẩm mới cho phát triển trong tương lai.

### Công tác quản lý chất lượng sản phẩm

Đội ngũ quản lý chất lượng (QA) được đào tạo chuyên nghiệp, huấn luyện thường xuyên và đánh giá kiểm tra trình độ định kỳ. Kết quả kiểm tra trình độ năm 2019: đạt 67% loại A (từ 8 - 10 điểm), 33% loại B (đạt điểm 6,5 - 7,9), không có loại C (loại trung bình) - trình độ QA đạt cao hơn so kiểm tra năm 2018.

Hầu hết khách hàng hài lòng và tin tưởng trao quyền Công ty tự kiểm và xác nhận chất lượng hàng hóa xuất đi cho công ty (không cần QC khách hàng hoặc đơn vị thứ 3 giám định xuất đi). Chất lượng hàng hóa kiểm tra năm 2019 đạt tốt, tỷ lệ đơn hàng đạt chất lượng xuất được khách xác nhận là 99,95%.

### Công tác nguồn nhân lực

Yếu tố con người, nguồn nhân lực luôn là ưu tiên hàng đầu và gắn liền với chiến lược phát triển bền vững của doanh nghiệp.

Trong năm 2019, Công ty duy trì thực hiện các chính sách phát triển nguồn nhân lực: nâng cấp hệ thống quản lý thành tích nhân viên thông qua đánh giá thực hiện KPI và phản hồi kết quả công việc định kỳ cho nhân viên để nâng cao chất lượng công việc; duy trì các chính sách nâng lương, thưởng thành tích, thăng cấp... tạo động lực làm việc cho nhân viên; định kỳ thực hiện các chương trình huấn luyện phát triển kỹ năng quản lý, kỹ năng mềm, kỹ năng chuyên môn cho nhân viên.

Ngoài chương trình tuyển dụng tài năng trẻ phát triển đội ngũ kế thừa tại mỗi đơn vị phòng ban - TSI (Thanh Cong Strategy Internship), Công ty còn thực hiện chương trình TCNG (Thanh Cong Next Generation) với mục đích kết nối đội ngũ trẻ tại Thành Công & Tập đoàn Eland/ Hàn Quốc để triển khai các dự án nhằm phát triển thị trường mới/ lĩnh vực kinh doanh mới tại Việt Nam.

Công ty luôn đảm bảo việc làm & chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, thể hiện thu nhập bình quân của người lao động năm 2019 tăng 7,7% so với năm 2018, trong khi thời gian làm việc giảm, đặc biệt là đối với công nhân ngành may số lượng đông; luôn cải tiến xây dựng môi trường làm việc tiện nghi, hiện đại & thân thiện cho người lao động (văn phòng làm việc tiện nghi, nhà xưởng thông thoáng, cải thiện điều kiện làm việc, trang bị các khu tiện ích thư giãn, tập luyện thể thao ...). Những việc làm này góp phần tạo sự an tâm làm việc & gắn bó người lao động với Công ty.





# ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

## Những mặt làm được

- ☰ Trong năm 2019, Ban Tổng giám đốc (BTGD) điều hành các hoạt động Công ty đã theo sát mục tiêu đặt ra, lấy hiệu quả kinh tế và lợi ích Công ty làm mục tiêu thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh nhằm đạt kết quả cao nhất cho Công ty.
- ☰ Mặc dù nhiều khó khăn từ tác động của tình hình biến động thị trường thế giới đối với doanh nghiệp như đã nêu..., BTGD đã rất nỗ lực, đưa ra những giải pháp ưu tiên cho tiếp thị và phát triển đơn hàng đảm bảo tối đa hàng hóa cho các Ngành sản xuất, đặc biệt là Ngành May – Ngành có số lao động nhiều nhất Công ty; tính toán các phương án sản xuất kinh doanh duy trì doanh thu và hạn chế thấp nhất những rủi ro mới phát sinh.... Và việc thực hiện sản xuất kinh doanh trong năm không đạt doanh thu, lợi nhuận như kỳ vọng, nhưng kết quả thu được vẫn là một thành quả của sự phấn đấu nỗ lực hết mình của toàn thể CBCNV trong bối cảnh thị trường đầy biến động và cạnh tranh gay gắt của năm qua.
- ☰ BTGD đã có suy nghĩ đổi mới, đặc biệt luôn xác định vấn đề trọng tâm cần tập trung thực hiện, cụ thể công tác R&BD được xem là lĩnh vực quan trọng, có ý nghĩa cho phát triển Công ty trong tình hình thị trường mới hiện nay. Từ năm 2015, R&D đã được quan tâm thực hiện và qua từng năm đều thu được kết quả tích cực như số lượng mặt hàng mới được phát triển tăng; doanh thu đơn hàng từ mẫu mới ngày càng cao hơn, lĩnh vực phát triển mẫu được mở rộng (mẫu mới phát triển trên sản phẩm may, vải đan kim, bên cạnh đó còn phát triển mẫu mới sang sản phẩm vải dệt, xơ & sợi mới ...); công nghệ phần mềm cho R&BD nâng cao hiệu quả phát triển mẫu được đầu tư sử dụng .... Từ đó, R&BD đã giúp phát triển đơn hàng mới nhiều hơn, nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả Công ty.
- ☰ BTGD có sáng tạo và tầm nhìn trong quản lý bằng sự quan tâm nghiên cứu ứng dụng các phần mềm quản lý sản xuất kinh doanh; cập nhật bổ sung phần mềm mới trong quản lý; chú trọng đầu tư ứng dụng phần mềm thiết kế mới cho phát triển nhanh mẫu mã ... Đến nay, các phần mềm vẫn được duy trì, hoàn thiện và khai thác tốt (như hệ thống quản lý thành tích nhân viên KPI, phần mềm quản lý Công ty ERP, phân tích lợi nhuận bằng công cụ Profit map, các phần mềm hỗ trợ trong sản xuất kinh doanh, tính giá...) và nhanh chóng đưa vào khai thác phần mềm thiết kế 3D phục vụ sản xuất kinh doanh.
- ☰ Công tác quản lý của BTGD được cải tiến hoàn thiện hơn thông qua triển khai chương trình đánh giá, kiểm soát các rủi ro và đưa ra các giải pháp ngăn ngừa rủi ro trong các hoạt động Công ty, đặc biệt tập trung vào những lĩnh vực có nguy cơ rủi ro cao (cháy nổ, an toàn môi trường, thị trường, khách hàng...). BTGD luôn quan tâm đến nguồn nhân lực thông qua việc chăm lo, đào tạo phát triển đội ngũ lao động bằng các chính sách phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn lực trẻ cho phát triển Công ty trong tương lai; đảm bảo việc làm và chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, tạo sự an tâm và gắn bó CBCNV với Công ty. Song song đó, Công ty còn quan tâm và có trách nhiệm với cộng đồng, xã hội thông qua các chương trình từ thiện ý nghĩa, chia sẻ những khó khăn trong cộng đồng, xã hội.
- ☰ BTGD nghiêm túc chấp hành các nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong Điều lệ Công ty; trách nhiệm và nghĩa vụ theo qui định pháp luật.

## Những mặt chưa làm được và nguyên nhân

Năm 2019, khó khăn biến động từ thị trường toàn cầu đã ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh Công ty, các chỉ tiêu thực hiện chưa đạt kế hoạch đặt ra. Qua thực tế, chúng ta thấy còn có những hạn chế trong dự báo, tính toán cân đối tổng thể quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm khai thác tối đa năng lực máy móc thiết bị hiện có, góp phần nâng cao hiệu quả Công ty hơn nữa. Công ty cần giảm thiểu những bất hợp lý trong sản xuất kinh doanh như:

Năng lực sản xuất máy đan và nhuộm huy động còn thấp (mới sử dụng 73% và 81% năng lực máy), nhưng Công ty phải mua vải thành phẩm bên ngoài để thực hiện may các đơn hàng xuất khẩu.

- Nguyên nhân: một số mặt hàng vải cho đơn hàng Công ty chưa sản xuất, phải nhập ngoài; tiến độ vải không đáp ứng thời gian đơn hàng may xuất khẩu; việc phối hợp phát triển mẫu cho đơn hàng may cần quyết tâm và dự báo sớm về nhu cầu từ sales, thiết kế đến sản xuất ...để thay thế bớt vải thành phẩm nhập khẩu.
- Giải pháp: Công ty cần cải tiến việc dự báo nhu cầu đơn hàng xuất khẩu với mục tiêu sử dụng nhiều nhất vải sản xuất tại Công ty; đẩy mạnh nghiên cứu phát triển và sản xuất các mặt hàng mà Công ty mua ngoài (là cơ hội giảm sự phụ thuộc vào thị trường bên ngoài)

Năng lực may của Công ty lớn, nhưng vẫn phải gia công may bên ngoài

- Nguyên nhân: Năng suất còn thấp (Vĩnh Long, Trảng Bàng), không thể giải quyết hết được các đơn hàng xuất khẩu đã nhận.
- Giải pháp: Ngành May tiếp tục cải tiến năng suất may bằng những giải pháp đồng bộ cùng các đơn vị Công ty từ chuẩn bị nguồn hàng và các điều kiện về nguyên phụ liệu, huấn luyện, cải tiến sản xuất.v.v..





# ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2020

## Định hướng



### Định hướng ngắn hạn

Tập trung vào nghiên cứu sản phẩm mới, cải tiến tốc độ sản xuất, nâng cao năng lực sản xuất, mở rộng thị trường, tìm kiếm khách hàng mới ... để đẩy mạnh ngành kinh doanh chính DỆT MAY.

Trong năm 2020, Công ty sẽ khởi công xây dựng thêm 1 nhà máy may tại KCN Hòa Phú, tỉnh Vĩnh Long với năng lực dự kiến 12 triệu sản phẩm/năm. Song song đó, Công ty tiếp tục hoàn thiện thủ tục pháp lý để xây dựng dự án TC Tower.



### Định hướng ngắn hạn

Doanh thu: đặt mục tiêu doanh thu 300 triệu USD vào năm 2023 bằng phát triển mạnh khách hàng truyền thống, mở rộng thị trường tiềm năng khi các hiệp định mới có hiệu lực như CP TPP từ năm 2019 và EVFTA dự kiến có hiệu lực từ Quý 3 năm 2020.

Năng lực sản xuất: đầu tư tiếp các giai đoạn còn lại của dự án Vĩnh Long, gồm nhà máy nhuộm và đan kim trong giai đoạn 2021 – 2022.

Quản trị: tiếp tục các chiến lược công ty là ưu tiên nghiên cứu phát triển (R&BD), đẩy nhanh tốc độ sản xuất (Speed), phát triển và mở rộng nguồn lực đáp ứng qui mô tăng trưởng.

Bất động sản: phát triển dự án BĐS đang làm thủ tục pháp lý (TC Tower và TC3).

## Kế hoạch



### Về đối nội

Chỉ đạo và giám sát Công ty thực hiện tốt các chỉ tiêu do Đại hội cổ đông đề ra cho năm hoạt 2020 như sau (Chỉ tiêu kinh doanh hợp nhất):

- Doanh thu: 3.779,6 tỷ VND
- Lợi nhuận sau thuế: 188,9 tỷ VND

Hội đồng quản trị cùng BTGD tiếp tục tìm giải pháp cải tiến đổi mới các lĩnh vực sản xuất kinh doanh còn hạn chế như đã nêu, nâng cao hiệu quả Công ty.

Tập trung tìm kiếm cơ hội, thông tin đẩy mạnh phát triển thị trường mới tiềm năng (EU, Canada, Úc ...) qua các Hiệp định CP TPP, EVFTA v.v...

Tăng cường quản lý, theo dõi chặt chẽ hoạt động Công ty thông qua chế độ cung cấp thông tin từ Ban điều hành và có biện pháp hỗ trợ kịp thời.

Tiếp tục hoàn thiện các hoạt động của Ủy Ban kiểm toán, giúp hoạt động Công ty ngày càng hiệu quả và đúng pháp luật.

Thường xuyên cập nhật, soát xét Quy chế quản trị nội bộ và nâng cao hiệu quả quản trị Công ty theo qui định pháp luật cũng như các thông lệ quản trị tốt của khu vực và trên thế giới.



### Về đối ngoại

Chú trọng tìm kiếm đối tác tiềm năng để hợp tác đầu tư mới nhằm phát triển mạnh doanh thu Công ty; mở rộng năng lực sản xuất đáp ứng nhanh thị trường; tìm nguồn vốn cho dự án đầu tư đã có kế hoạch; mở rộng thị trường và khách hàng mới...

Duy trì mối quan hệ hợp tác với cơ quan Ngành Dệt May, các công ty & đối tác trong và ngoài nước ... để kết nối giúp đội ngũ cán bộ quản lý các cấp nắm bắt kịp thời thông tin thị trường trong và ngoài nước, học hỏi kinh nghiệm từ các doanh nghiệp bạn trong cùng Ngành nghề, phát triển kiến thức chuyên môn cũng như kiến thức hội nhập, đóng góp hiệu quả hơn vào sự phát triển Công ty.

Tiếp tục xây dựng mối quan hệ tốt với các cấp lãnh đạo Trung ương, Thành phố, Tỉnh và các cấp Sở Ban Ngành ... nhằm nắm bắt tình hình kinh tế - xã hội, tìm kiếm cơ hội và sự hỗ trợ cho hoạt động Công ty.

Trong đối ngoại, chú trọng quảng bá tên tuổi hình ảnh Thành Công để thu hút các đối tác, nhà đầu tư, khách hàng ... vào đầu tư và phát triển kinh doanh với Công ty.







## **BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN**

Tổng kết hoạt động Ủy ban Kiểm toán trong năm

Kiến nghị và phương hướng hoạt động của Ủy ban Kiểm toán đối với 2020



# TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN

## Hoạt động của Ủy ban Kiểm toán trong năm 2019

- Ban hành Quy chế, chương trình hoạt động Ủy ban Kiểm toán và Quy chế Kiểm toán nội bộ phù hợp với thực tiễn của Công ty.
- Tổ chức các cuộc họp với sự tham gia đầy đủ của các thành viên, tuân thủ Quy chế Ủy ban Kiểm toán, mỗi Quý 1 lần. Ngoài ra, còn có nhiều cuộc họp và phối hợp công việc khác, với sự tham gia của các đối tượng có liên quan.
- Báo cáo đầy đủ hoạt động của Ủy ban Kiểm toán lên HĐQT.

### 🔍 Giám sát báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính quý, bán niên và năm được lập và công bố phù hợp với chuẩn mực kế toán và quy định pháp luật hiện hành.
- Trong năm không có thay đổi nào của chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán, chính sách thuế có tác động trọng yếu tới tình hình tài chính và báo cáo tài chính đã công bố.
- Không phát hiện sai sót trọng yếu hoặc bất hợp lý liên quan đến các ước tính kế toán.
- Không ghi nhận bất kì bất thường nào liên quan đến giao dịch với các bên liên kết.

### 🔍 Giám sát hệ thống Quản lý rủi ro và Kiểm soát nội bộ

- Công ty hiện đang duy trì một khuôn khổ kiểm soát nội bộ hiệu quả.
- Danh mục rủi ro trọng yếu được kiểm soát và không có nhiều biến động.
- Hoạt động đánh giá rủi ro được thực hiện định kỳ, được theo dõi và giám sát liên tục nhằm kịp thời ứng phó với các rủi ro mới phát sinh.
- Các biện pháp quản lý rủi ro được áp dụng kịp thời, phù hợp và nhất quán với quan điểm quản trị của Công ty.
- Các quy trình nghiệp vụ được ban hành, cập nhật, hướng dẫn thực hiện và quản lý bởi đơn vị chuyên trách. Việc tuân thủ các quy trình được thực hiện tốt và có xu hướng tích cực qua thời gian.

### 🔍 Giám sát dịch vụ Kiểm toán độc lập

- Kế hoạch và thực hiện kiểm toán 2019 của công ty kiểm toán độc lập là phù hợp với yêu cầu của Công ty, đáp ứng yêu cầu đảm bảo chất lượng, tính độc lập, không xung đột lợi ích của kiểm toán độc lập.
- Công ty kiểm toán đã hoàn thành nhiệm vụ, đáp ứng kỳ vọng của Ủy ban Kiểm toán, đảm bảo độ tin cậy và trung thực của báo cáo tài chính mà Công ty đã cung cấp





# TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN (tt)

## Hoạt động của Ủy ban Kiểm toán trong năm 2019 (tt)

### 🔍 Giám sát hoạt động Kiểm toán nội bộ

- Kiểm toán nội bộ hoạt động dựa trên các phương pháp thực hành tốt nhất và chuẩn mực của quốc tế, đồng thời phù hợp với các hướng dẫn do Bộ tài chính ban hành.
- Sự phối hợp giữa TGD và Ủy ban Kiểm toán trong quản lý đã giúp Kiểm toán nội bộ phát huy tốt vai trò của mình.
- Kiểm toán nội bộ chủ động thực hiện các hoạt động phối hợp, tư vấn trong hoạt động quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ thay vì chỉ thực hiện các cuộc kiểm toán, đánh giá thuần túy.
- Kế hoạch kiểm toán nội bộ 2019 được hoàn thành tốt trong phạm vi nguồn lực.
- Các khuyến nghị của Kiểm toán nội bộ được các đơn vị đồng thuận, tiếp thu và thực hiện nghiêm túc thông qua các kế hoạch khắc phục và được Kiểm toán nội bộ theo dõi sát sao.
- Kiểm toán nội bộ đã hoàn thành nhiệm vụ và kế hoạch kiểm toán được giao, góp phần cải tiến quy trình quản lý, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và cải thiện hiệu quả hoạt động.



### 🔍 Giám sát Tuân thủ và Phòng chống gian lận

- Các chương trình đánh giá tuân thủ và điều tra gian lận được lồng ghép trong kế hoạch kiểm toán của Kiểm toán nội bộ.
- Công ty đã tiến hành nghiên cứu các kênh thông tin, ứng dụng phù hợp cho phép người lao động tố giác các hành vi bất hợp pháp, gian lận một cách ẩn danh. Ứng dụng giao tiếp WOVO được triển khai trong năm 2020 sẽ thúc đẩy sự gắn kết giữa người lao động với Công ty, đồng thời thúc đẩy việc giám sát tuân thủ và phòng chống gian lận.
- Công ty đã xây dựng nhiều nội dung chương trình nhằm tuyên truyền và phổ biến Quy tắc đạo đức kinh doanh, quy định pháp luật đến người lao động nhằm nâng cao nhận thức cá nhân trong việc phòng ngừa gian lận và răn đe vi phạm.

## Kiến nghị và phương hướng hoạt động của Ủy ban Kiểm toán đối với 2020

- Tiếp tục duy trì và hoàn thiện chức năng giám sát hoạt động quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ theo các khuôn khổ thực hành tốt của quốc tế để hỗ trợ và thúc đẩy Công ty hoàn thành mục tiêu.
- Tiếp tục duy trì sự phối hợp giữa Ủy ban Kiểm toán và Ban điều hành nhằm thúc đẩy phát huy tốt vai trò của Kiểm toán nội bộ trong Công ty.
- Lựa chọn các công ty kiểm toán độc lập có uy tín như Big 4 để thực hiện kiểm toán nhằm đảm bảo sự tin cậy và trung thực của báo cáo tài chính.
- Tiếp tục duy trì và gia tăng các hoạt động giám sát hoạt động của Kiểm toán nội bộ nhằm nâng cao nhận thức người lao động trong công tác phòng chống gian lận và thực hiện tuân thủ trong Công ty.





## **BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY**

Tình hình tiêu thụ năng lượng trực tiếp

Trách nhiệm đối với người lao động

Trách nhiệm với môi trường

Trách nhiệm với cộng đồng xã hội



# TÌNH HÌNH TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG TRỰC TIẾP

## Tình hình tiêu thụ năng lượng

STT	Tổng năng lượng sử dụng phân loại theo từng nguồn	2019
1	Dầu DO (đơn vị Lít)+B28	189.429
	Tổng năng lượng tiêu thụ (Kjun)	6.977.958.187
2	Xăng (đơn vị Lít)	87.669
	Tổng năng lượng tiêu thụ (Kjun)	3.045.954.202
3	Than đá (đơn vị Kg)	20.584.690
	Tổng năng lượng tiêu thụ (Kjun)	387.753.805.530
4	Gaz (đơn vị Kg)	2.879
	Tổng năng lượng tiêu thụ (Kjun)	131.361.285
5	Điện (kw)	35.863.703
	Tổng năng lượng tiêu thụ (Kjun)	230.292.456.803



## Tình hình tiêu thụ nước

### Tiêu thụ nước

STT	Các nguồn nước	Tổng lượng nước thu về/ đạt được (ĐVT: lít)
1	Nước giếng	1.012.776
2	Nước thủy cục	114.172
<b>Tổng cộng</b>		<b>1.126.948</b>

### Lượng nước sử dụng

STT	Loại hoạt động	Tổng lượng nước sử dụng (ĐVT: lít)
1	Sản xuất	985.921
2	Sinh hoạt	141.027
<b>Tổng cộng</b>		<b>1.126.948</b>

### Lượng nước được tái chế sử dụng

STT	Các nguồn nước	Tổng lượng nước được tái sử dụng/ tái chế
1	Nước thải cho vệ sinh máy	58.101
2	Nước thải tái chế cho sản xuất Nhuộm	239.588
<b>Tổng cộng</b>		<b>297.689</b>





# TÌNH HÌNH TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG TRỰC TIẾP (tt)

## Báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng

STT	Sáng kiến giúp tiết kiệm năng lượng	Nội dung chi tiết	Năng lượng tiết kiệm (ĐVT: Kjun)	Địa điểm hoạt động
1	Lắp đặt Inverter máy nén khí Số 2 Kobelco và Fusheng Xưởng Nhuộm	Lắp đặt thêm biến tần để điều khiển tốc độ motor máy nén theo áp suất thấp nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu sử dụng gió nén cho sản xuất nhuộm	4.521.298.600	Ngành Nhuộm

## Năng lượng tiêu thụ gián tiếp

STT	Loại hoạt động	Tổng năng lượng tiêu thụ (ĐVT: Kjun)	Phương pháp cắt giảm (nếu có)	Ước tính lượng cắt giảm (nếu có)
1	Vận chuyển	390.799.759.732	Không	Không
2	Văn phòng	12.192.482.591	Không	Không

## Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế để sử dụng

STT	Loại Nguyên vật liệu	Tổng khối lượng sử dụng (ĐVT: Tấn)	Khối lượng sử dụng được tái chế (ĐVT: Tấn)	Tỷ lệ Khối lượng được tái chế/ Tổng khối lượng sử dụng (%)
1	Bông, xơ	10.100	42	0,4%
	Tổng cộng	10.100	42	0,4%



## Tổng trọng lượng, khối lượng vật liệu thô được sử dụng

STT	Sản phẩm/ Dịch vụ	Vật liệu thô dùng trong Sản phẩm/ Dịch vụ	Tổng khối lượng/ trọng lượng (ĐVT: Tấn)	Nhà cung cấp		Khả năng tái chế	
				Bên ngoài	Nội bộ	Có thể	Không thể
1	Sợi	Bông, xơ	10.100	X	X	X	-
2	Vải mộc Đan	Sợi	7.700	X	X	-	X
3	Vải mộc Dệt	Sợi	3.000	X	X	-	X
4	Vải thành phẩm	Vải mộc	10.800	-	X	-	X
5	Áo	Vải thành phẩm	7.800	X	X	-	X





# TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Trong những năm qua, Công ty đã góp phần giải quyết công ăn việc làm cho hàng ngàn người lao động với chế độ đãi ngộ thỏa đáng. Cùng với những chính sách lương, thưởng, phúc lợi hợp lý, Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động nhằm hỗ trợ tốt nhất cho CBCNV, góp phần giúp họ ổn định cuộc sống, nâng cao tinh thần làm việc, hăng say lao động, từ đó tiếp tục gắn bó với Công ty.

## Hoạt động đào tạo người lao động

STT	Phân loại	Số lượng CBCNV tham gia đào tạo	Số giờ đào tạo trung bình (ĐVT: Giờ/ Người)
1	Theo giới tính:		
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nam</li> <li>Nữ</li> </ul>	168 502	1,25 0,67
2	Theo hợp đồng lao động:		
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Toàn thời gian</li> <li>Bán thời gian</li> </ul>	670 -	0,4 -
3	Theo trình độ:		
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đại học và trên Đại học</li> <li>Cao đẳng</li> <li>Phổ thông</li> </ul>	323 164 183	0,8 1,5 1,01

## Các chương trình đào tạo tiêu biểu trong năm 2019

- Chương trình đào tạo "Thanh Cong Next Generation" thay cho Chương trình "Thanh Cong Strategic Internship" định kỳ hàng năm: dành cho các bạn sinh viên mới ra trường, đào tạo đội ngũ nhân lực trẻ kế thừa;
- Chương trình đào tạo kiến thức sản xuất cho nhân viên Sales;
- Chương trình "Kỹ năng quản lý cấp trung": đào tạo kỹ năng thiết lập mục tiêu & lên kế hoạch để hoàn thành mục tiêu;
- Chương trình "Hiệu suất lãnh đạo – Leadership coaching": hướng dẫn cách xác định điểm mạnh & điểm yếu, phương pháp cải thiện điểm yếu nhằm xác định phong cách lãnh đạo và nâng cao hiệu suất lãnh đạo dành cho cán bộ cấp trung - cao;
- Các chương trình đào tạo kỹ năng: giao tiếp, talkshow...
- Chương trình OJM (Off Job Meeting) cho CBQL và đội ngũ kế thừa: chia sẻ định hướng phát triển và kỳ vọng của Công ty, tạo điều kiện cho mọi người gắn kết và giao lưu với nhau, từ đó hỗ trợ và phối hợp tốt hơn trong công việc;
- Chương trình đào tạo thường niên: Lớp huấn luyện sau Thăng cấp, đào tạo kiến thức luật lao động, tiếng Hàn, tiếng Nhật, tiếng Anh.





## TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG

Công ty luôn ý thức được tầm quan trọng của môi trường đối với sự sống và tương lai của nhân loại. Các hoạt động, sản phẩm hoặc dịch vụ của Công ty không chỉ bảo đảm chất lượng tốt mà còn đảm bảo vệ sinh môi trường. Hướng tới hình ảnh của một Công ty thân thiện với môi trường, Công ty luôn tôn trọng, thực hiện và cam kết kiểm soát nghiêm ngặt quy trình sản xuất để không vi phạm các tiêu chuẩn, cụ thể:

- Công ty hiện đang vận hành hệ thống kiểm soát môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015, đảm bảo việc kiểm soát các vấn đề môi trường trong quá trình hoạt động sản xuất của Công ty.
- Chất lượng sản phẩm không ngừng được nâng cao, đảm bảo độ đồng đều và ổn định. Công ty đã được đáp ứng được yêu cầu và được công nhận thỏa mãn tiêu chuẩn OEKO-TEX 100 đối với các sản phẩm của mình. Bên cạnh đó, Công ty còn vận hành hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn SQP (Supplier Qualification Program) nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng xuất khẩu.
- Tất cả sản phẩm do Công ty sản xuất trong môi trường làm việc phù hợp với các yêu cầu về trách nhiệm xã hội và điều kiện lao động của pháp luật Việt Nam và các Công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Công ty đã được cấp chứng nhận WRAP, đáp ứng các tiêu chuẩn SMETA đối với thành viên thuộc SEDEX cũng như tham gia chương trình Better Work do Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) kết hợp Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFO) triển khai nhằm đảm bảo tính tuân thủ về mặt trách nhiệm xã hội, tạo ra môi trường làm việc công bằng, hợp pháp và lành mạnh.



Bên cạnh đó, Công ty không tham gia hay ủng hộ hành vi trái với các chuẩn mực về đạo đức kinh doanh, gây thiệt hại đối với môi trường. Cùng với quá trình phát triển sản xuất, Công ty thực hiện các biện pháp giảm thiểu tối đa những ảnh hưởng tác động xấu đến môi trường. Về lâu dài, Công ty có kế hoạch di dời một số nhà máy đến các khu công nghiệp được quy hoạch cho ngành công nghiệp nhuộm, không ảnh hưởng đến khu vực dân cư xung quanh. Trước mắt, Công ty liên tục đầu tư và ứng dụng các chương trình nâng cấp hệ thống xử lý nước thải và khói thải để đạt được sự ổn định và kết quả tốt hơn:

- Công ty tuân thủ các yêu cầu luật định và các yêu cầu khác liên quan đến các tác động môi trường.

- Công ty tiếp tục duy trì hoạt động hệ thống xử lý nước thải và áp dụng các kỹ thuật hiện đại nhằm kiểm soát chặt chẽ tiêu chuẩn xả thải theo qui định pháp luật cũng như không gây ô nhiễm môi trường xung quanh. Ngoài ra, tất cả các lò đốt phục vụ các công đoạn sản xuất dệt – nhuộm – may khép kín đều được trang bị hệ thống thiết bị xử lý khói, bụi.
- Công tác kiểm soát, quản lý các vấn đề liên quan đến môi trường được nhằm ngăn ngừa ô nhiễm, giảm thiểu tác động đáng kể đến môi trường bằng các biện pháp:
  - Quá trình sản xuất luôn đảm bảo tối ưu hóa việc sử dụng năng lượng và nước sinh hoạt, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên. Công ty còn triển khai các giải pháp kỹ thuật nhằm sử dụng lại nước thải đã qua xử lý để tiết kiệm chi phí nước cấp, kiểm soát năng lực xả thải và nâng cao hiệu quả vận hành.
  - Công ty tích cực triển khai các hoạt động nhằm nâng cao nhận thức cho toàn thể nhân viên thông qua đào tạo kiến thức về

công tác bảo vệ môi trường, phát huy tinh thần sử dụng các sản phẩm thân thiện môi trường, khuyến khích toàn thể nhân viên tái sử dụng trong quá trình sản xuất.

- Chính sách bảo vệ môi trường của Công ty được phổ biến rộng rãi đến toàn thể CBCNV Công ty để mọi người thấu hiểu và đều có trách nhiệm bảo vệ môi trường.
- Với những nỗ lực trong suốt thời gian qua, Công ty chưa vi phạm bất kỳ quy định nào liên quan đến vấn đề bảo vệ môi trường. Công ty cam kết sẽ đem lại lợi ích cho cộng đồng, các cổ đông và cán bộ công nhân viên của Công ty, đồng thời cũng cam kết cung cấp sản phẩm, dịch vụ thỏa mãn yêu cầu, mong đợi về chất lượng và tạo giá trị cuộc sống tốt đẹp hơn cho mọi người.





# TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI

Tại Thành Công, các chương trình trách nhiệm xã hội (CSR) là hoạt động cần thiết và tiên quyết đối với sự phát triển bền vững của Công ty, cũng như xu thế phát triển của các công ty toàn cầu. Trong năm 2019, những hoạt động thiết thực tiếp tục được triển khai và duy trì như:

**Bảo trợ Mái ấm Thiên Ân, Sơn Kỳ, Huỳnh Đệ Như Nghĩa trên địa bàn quận Tân Phú:** nhằm san sẻ khó khăn và hỗ trợ phần nào chất lượng cuộc sống cho các em, Công ty tiếp tục duy trì các hoạt động bảo trợ định kỳ hàng tháng cho ba mái ấm mồ côi, khiếm thị. Hoạt động này diễn ra từ 2009 đến nay với kinh phí tài trợ trung bình 60 triệu đồng/mái ấm/năm.



**Trao học bổng cho học sinh, sinh viên:** Với mục tiêu góp phần hỗ trợ học phí, khích lệ đồng viên tinh thần hiếu học, Quỹ học bổng Thành Công đã đến với nhiều trẻ em tại nhiều nơi, đặc biệt đối với trẻ em là con cán bộ nhân viên Công ty có hoàn cảnh khó khăn, trẻ em tại các địa phương nơi Công ty hoạt động, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trong nhiều năm qua. Riêng năm 2019, Công ty đã trao tặng 279 suất học bổng với tổng kinh phí là 448,345,000VNĐ góp phần giúp các em thực hiện tiếp ước mơ đến trường, hướng tới một tương lai tươi sáng hơn.



**Hoạt động chăm sóc sức khỏe, y tế:** đây là một trong những hoạt động có ý nghĩa thiết thực, mang tới cơ hội chăm sóc sức khỏe quý giá cho các trẻ em mồ côi, khiếm thị được Công ty tổ chức hàng năm. Công ty định kỳ thực hiện khám sức khỏe hoặc cung cấp thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng thường xuyên nhận bảo trợ từ Công ty.



**Hiến máu nhân đạo:** Với mong muốn duy trì và nhân rộng nghĩa cử hiến máu cao đẹp và mang nhiều ý nghĩa nhân văn trong cộng đồng, hàng năm, Công ty đều phát động phong trào hiến máu nhân đạo tại tất cả các đơn vị. Năm 2019, phong trào đón nhận sự tham gia của hơn 376 nhân viên, 450 đơn vị máu đã được hiến tặng.

**Hoạt động hỗ trợ cộng đồng:** Vào các dịp Lễ, Tết, Công ty đã có những hỗ trợ thiết thực như nhu yếu phẩm, sản phẩm may của Công ty để trao tặng các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn, người già neo đơn, nạn nhân chất độc da cam, trẻ mồ côi, các hộ nghèo tại khắp các địa phương nơi có hoạt động của các nhà máy sản xuất Vĩnh Long, Tây Ninh, Cần Giò, Hóc Môn ...





## QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trách nhiệm với môi trường

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát.

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

## Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
1	Phan Thị Huệ	Chủ tịch HĐQT	36.872	0,06%
2	Trần Như Tùng	Phó chủ tịch HĐQT -Phó Tổng giám đốc	31	0%
3	Lee Eun Hong	Ủy viên-Tổng giám đốc	25.680	0,04%
4	Kim Dong Ju	Ủy viên	7	0%
5	Nguyễn Minh Hào	Ủy viên - Kế toán trưởng	0	0%
6	Kim Soung Gyu	Ủy viên	0	0%
7	Uông Tiến Thịnh	Thành viên độc lập - Trưởng Ủy ban Kiểm toán	0	0%
8	Ngô Thị Hồng Thu	Thành viên độc lập - Thành viên Ủy ban Kiểm toán	0	0%

## Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

- Ngày 29/5/2019, HĐQT đã thông qua Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐQT về việc thành lập Ủy ban Kiểm toán (UBKT) trực thuộc HĐQT. UBKT bao gồm 2 thành viên độc lập là Uông Tiến Thịnh – Trưởng UBKT, bà Ngô Thị Hồng Thu và 1 thành viên không điều hành là bà Phan Thị Huệ.
- Ngày 26/06/2019, HĐQT đã thông qua Chương trình hoạt động của UBKT đến tháng 4/2020. Căn cứ Chương trình này, UBKT tiến hành các hoạt động định kỳ và báo cáo kết quả hoạt động hàng quý cho HĐQT. Bắt đầu từ tháng 6/2019, UBKT tập trung tìm hiểu qui trình hoạt động và hệ thống quản lý, điều hành Công ty để bắt đầu hoạt động giám sát từ đầu quý 3/2019.
- UBKT cũng đã hoàn thành dự thảo Quy chế hoạt động của UBKT và trình HĐQT thông qua trong tháng 7/2019.
- Tháng 9/2019 UBKT đã thông qua Quy chế KTNB sửa đổi phù hợp với Nghị định 05/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ và Điều lệ UBKT. UBKT đã xây dựng và hoàn thiện phương pháp làm việc giữa UBKT và Phòng KTNB và các đơn vị nghiệp vụ trong Công ty, do trước đây hoạt động theo cơ chế Ban Kiểm soát và Phòng KTNB.



Trong năm 2019, các chỉ đạo của HĐQT tập trung chủ yếu trong lĩnh vực giám sát việc Ban điều hành triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh căn cứ các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT đồng thời xây dựng chiến lược, định hướng phát triển Công ty và giữ vai trò đảm bảo hài hòa các mối quan hệ đối ngoại đặc biệt đối với các tổ chức, hiệp hội cùng ngành nghề và các cơ quan nhà nước hữu quan.

## Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị với Ban Tổng Giám đốc

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng giám đốc được thực hiện theo Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT, Quy chế quản trị Công ty, thông qua các hoạt động như sau:

- Hàng tháng, Tổng giám đốc thực hiện báo cáo tình hình hoạt động Công ty và kế hoạch sắp tới để HĐQT theo dõi và giám sát kết quả quản lý điều hành Công ty.
- Tổng giám đốc đồng thời là thành viên HĐQT, ngoài HĐQT còn có thêm 02 thành viên tham gia điều hành nên công tác giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc trong việc tuân thủ các nghị quyết, quyết định của ĐHCĐ và HĐQT được thực hiện chặt chẽ, đảm bảo Tổng giám đốc không lạm quyền, không vượt quá phạm vi thẩm quyền theo Điều lệ Công ty và qui định pháp luật.
- Ngày 12/04/2019, ĐHCĐ đã bầu bổ sung 02 (hai) thành viên độc lập HĐQT và thông qua việc thay đổi cơ cấu thành viên của UBKT. Theo đó, số lượng thành viên của UBKT sau khi thay đổi là 03 thành viên, bao gồm 02 thành viên độc lập HĐQT và 01 thành viên HĐQT không điều hành để phù hợp với quy định quản trị công ty cũng như tăng cường hiệu quả hoạt động của HĐQT và nâng cao chất lượng quản lý hoạt động điều hành của Ban Tổng giám đốc Công ty.

Trong năm 2019, HĐQT đã tổ chức 09 cuộc họp, cụ thể như sau:

STT	Họ và tên	Chức danh	Ngày bắt đầu là thành viên	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự buổi họp	Lý do không tham dự họp
1	Phan Thị Huệ	Chủ tịch	29/04/2011	9/9	100%	
2	Trần Như Tùng	Phó Chủ tịch	29/4/2011	9/9	100%	
3	Lee Eun Hong	Thành viên	25/04/2009	9/9	100%	
4	Kim Dong Ju	Thành viên	26/04/2013	6/9	66,67%	Bận công tác và đã ủy quyền cho người khác họp thay
5	Nguyễn Minh Hào	Thành viên	17/04/2010	9/9	100%	
6	Kim Soung Gyu	Thành viên	08/04/2016	6/9	66,67%	Bận công tác và đã ủy quyền cho người khác họp thay
7	Uông Tiến Thịnh	Thành viên độc lập	12/04/2019	7/7	100%	Số lượng cuộc họp tính từ ngày trúng cử
8	Ngô Thị Hồng Thu	Thành viên độc lập	12/04/2019	6/7	85,71%	Số lượng cuộc họp tính từ ngày trúng cử

## Các nghị quyết, quyết định của HĐQT trong năm 2019

STT	Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/2019/NQ-HĐQT	09/01/2019	Gia hạn mức tín dụng với các ngân hàng năm 2019
3	02/2019/NQ-HĐQT	24/01/2019	Thông qua ngày chốt danh sách cổ đông 27/02/2019 để tổ chức ĐHCĐ 2019 và thanh toán đợt 1 cổ tức 2018-5% bằng tiền mặt
4	2A/2019/QĐ-HĐQT	24/01/2019	Thông qua ngày chốt danh sách cổ đông 27/02/2019 để tổ chức ĐHCĐ 2019 và thanh toán đợt 1 cổ tức 2018-5% bằng tiền mặt
5	03/2019/NQ-HĐQT	20/03/2019	Thông qua chỉ tiêu kinh doanh năm 2019 trình ĐHCĐ thường niên 2019
6	04/2019/NQ-HĐQT	20/03/2019	Thông qua nội dung nghị sự ĐHCĐ thường niên 2019
7	05/2019/NQ-HĐQT	12/04/2019	Bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2019-2020
8	06/2019/NQ-HĐQT	24/04/2019	Thông qua việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu thưởng 2018
9	6A/2019/NQ-HĐQT	24/04/2019	Thông qua việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu thưởng 2018
10	6B/2019/QĐ-HĐQT	10/05/2019	Thông qua ngày chốt danh sách cổ đông 29/05/2019 để phát hành 7% cổ phiếu thưởng năm 2018
11	07/2019/NQ-HĐQT	29/05/2019	Thông qua việc thành lập Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT
12	08/2019/NQ-HĐQT	24/06/2019	Thông qua việc lựa chọn kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2019
13	09/2019/NQ-HĐQT	26/06/2019	Thông qua chương trình hoạt động đến tháng 4/2020 của UBKT
14	10/2019/NQ-HĐQT	24/07/2019	Thông qua Quy chế tổ chức hoạt động của UBKT
15	11/2019/NQ-HĐQT	5/11/2019	Bổ nhiệm 2 Phó Tổng giám đốc Công ty
16	11A/2019/QĐ-HĐQT	5/11/2019	Bổ nhiệm 2 Phó Tổng giám đốc Công ty
17	12/2019/NQ-HĐQT	5/11/2019	Quyết định mức thù lao đối với Thư ký HĐQT từ 2019



## Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Thành viên độc lập tham gia các chương trình hoạt động của Ủy ban kiểm toán như nội dung báo cáo của Ủy ban kiểm toán.

### Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

- Các thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia khóa đào tạo về quản trị công ty theo quy định về quản trị công ty và được UBCK NN cấp giấy chứng nhận: Phan Thị Huệ, Nguyễn Minh Hào, Huỳnh Thị Thu Sa
- Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Ban Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý và Thư ký Công ty đã tham gia khóa đào tạo về Công bố thông tin theo Thẻ điểm Quản trị Công ty ASEAN năm 2016 gồm: Phan Thị Huệ, Huỳnh Thị Thu Sa.
- Tham gia các khóa học về kiểm toán nội bộ do Viện thành viên HĐQT (VIOD) tổ chức bao gồm: Phan Thị Huệ, Ưông Tiến Thịnh, Ngô Thị Hồng Thu, Huỳnh Thị Thu Sa, Phạm Duy Bảo



## DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ

STT	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ tại công ty ( nếu có)	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Ghi chú
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Phan Thị Huệ	Chủ tịch HĐQT	36.872	0,06%	
2	Kim Dong Ju	Thành viên HĐQT	7	0,00%	
3	Lee Eun Hong	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	25.680	0,04%	
3.1	Công ty E-land Asia Holdings Pre.,Ltd		25.092.627	43,25%	Tổ chức liên quan của người nội bộ
4	Trần Như Tùng	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	31	0,00%	

## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BTGD, UBKT

STT	Họ và Tên	2019		
		Thù lao (VND/năm)	Lương (VND/năm)	Thưởng (VND/năm)
<b>I</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>			
1	Bà Phan Thị Huệ	228.411.690	583.055.435	-
2	Ông Trần Như Tùng	152.274.462	1.014.178.243	148.579.327
3	Ông Lee Eun Hong	152.274.462	4.723.576.538	-
4	Ông Kim Dong Ju	152.274.462	1.501.150.034	-
5	Bà Nguyễn Minh Hào	152.274.462	1.220.800.942	217.747.362
6	Ông Kim Soung Gyu	152.274.462	-	-
7	Uông Tiến Thịnh	225.000.000	-	-
8	Ngô Thị Hồng Thu	157.500.000	-	-
<b>II</b>	<b>Ban điều hành</b>			
1	Lee Eun Hong	152.274.462	4.723.576.538	-
2	Song Jae Ung(*)	-	4.604.690.838	506.573.462
3	Trần Như Tùng(*)	152.274.462	1.014.178.243	148.579.327
4	Nguyễn Minh Hào	152.274.462	1.220.800.942	217.747.362

(\*) Bổ nhiệm hai Phó Tổng giám đốc ngày 5/11/2019



## GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN ĐỐI VỚI CỔ PHIẾU CỦA CÔNG TY NIÊM YẾT

STT	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Ghi chú
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Phan Thị Huệ	Chủ tịch HĐQT	26.460	0,05%	34.460	0,06%	Mua
2	Lee Eun Hong	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	34.460	0,06%	36.872	0,06%	Nhận cổ phiếu thưởng 2018
2.1	Công ty E-land Asia Holdings Pre.,Ltd	-	23.451.054	43,24%	25.092.627	43,25%	Nhận cổ phiếu thưởng 2018
3	Trần Như Tùng	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	29	0,00%	31	0,00%	Nhận cổ phiếu thưởng 2018

## VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Công ty luôn duy trì công tác cập nhật các quy định do Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ban hành và nghiêm túc triển khai áp dụng vào công tác quản trị nội bộ công ty. Đồng thời HĐQT cũng rất quan tâm đến các chương trình tập huấn để nâng cao hiệu quả quản trị do Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức.

HĐQT đã bổ nhiệm nhân sự phụ trách quản trị Công ty để tập trung hỗ trợ HĐQT trong việc tuân thủ các quy định về quản trị cũng như tiếp cận các thông lệ, chuẩn mực quốc tế về quản trị để nâng cao hơn nữa hiệu quả quản trị nhằm tăng giá trị Công ty đối với cổ đông, nhà đầu tư.



## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ý kiến của kiểm toán

Báo cáo tài chính đã kiểm toán

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 39

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công (gọi tắt là "Công ty mẹ") và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, ỦY BAN KIỂM TOÁN VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Bà Phan Thị Huệ	Chủ tịch
Ông Trần Như Tùng	Phó Chủ tịch
Bà Nguyễn Minh Hào	Phó Chủ tịch
Ông Kim Dong Ju	Thành viên
Ông Lee Eun Hong	Thành viên
Ông Kim Soung Gyu	Thành viên
Ông Uông Tiến Thịnh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2019)
Bà Ngô Thị Hồng Thu	Thành viên (bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2019)

**Ủy ban Kiểm toán**

Ông Uông Tiến Thịnh	Trưởng Ủy ban (bổ nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2019)
Ông Kim Dong Ju	Trưởng Ủy ban (miễn nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2019)
Bà Ngô Thị Hồng Thu	Thành viên (bổ nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2019)
Bà Phan Thị Huệ	Thành viên

**Ban Giám Đốc**

Ông Lee Eun Hong	Tổng Giám đốc
Ông Trần Như Tùng	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 5 tháng 11 năm 2019) /Giám đốc Bất động sản - Đầu tư
Ông Song Jae Ung	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 5 tháng 11 năm 2019)
Bà Nguyễn Minh Hào	Giám đốc Tài chính Kế toán/Kế toán trưởng
Ông Nguyễn Hữu Tuấn	Giám đốc Nhân sự

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám Đốc,



**Lee Eun Hong**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 18 tháng 3 năm 2020

# Deloitte

**Công ty TNHH Deloitte Việt Nam**  
Tầng 18, Tòa nhà Times Square,  
57-59F Đồng Khởi, Phường Bến Nghé,  
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Điện thoại: +84 28 7101 4555  
Fax : +84 28 3910 0750  
www.deloitte.com/vn

Số: 0420 /VN1A-HC-BC

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công (gọi tắt là "Công ty mẹ") và các công ty con (Công ty mẹ và công ty con sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 18 tháng 3 năm 2020, từ trang 4 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

#### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo hợp lý về việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

#### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



**Bùi Văn Trịnh**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1808-2018-001-1  
**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DELOITTE  
VIỆT NAM**  
Ngày 18 tháng 3 năm 2020  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Trần Thị Kim Khánh**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0395-2018-001-1

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (hay "Deloitte Toàn cầu") không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website [www.deloitte.com/about](http://www.deloitte.com/about) để biết thêm thông tin chi tiết.



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.624.461.031.246</b>	<b>1.893.146.267.570</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>225.134.215.210</b>	<b>216.257.327.777</b>
1. Tiền	111		49.134.215.210	53.557.327.777
2. Các khoản tương đương tiền	112		176.000.000.000	162.700.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>225.390.000.000</b>	<b>202.565.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	225.390.000.000	202.565.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>258.791.081.138</b>	<b>279.886.766.584</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	339.857.300.028	331.902.354.506
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.278.666.444	18.375.503.732
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	1.850.301.999	1.850.301.999
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	5.960.718.563	6.015.999.866
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(91.155.905.896)	(85.220.429.559)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	6.963.036.040
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>892.708.172.024</b>	<b>1.138.024.436.123</b>
1. Hàng tồn kho	141		916.413.972.626	1.158.631.259.768
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(23.705.800.602)	(20.606.823.645)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>22.437.562.874</b>	<b>56.412.737.086</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.534.709.346	4.006.003.756
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		16.902.853.528	52.406.733.330
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.298.343.694.169</b>	<b>1.354.179.751.084</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>5.000.000</b>	<b>5.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216		5.000.000	5.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.090.578.060.741</b>	<b>1.107.112.219.286</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	650.312.606.665	686.696.578.240
- Nguyên giá	222		1.287.258.848.117	1.253.493.396.982
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(636.946.241.452)	(566.796.818.742)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	12	254.294.715.721	231.878.254.353
- Nguyên giá	225		354.960.494.449	293.496.808.807
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(100.665.778.728)	(61.618.554.454)
3. Tài sản cố định vô hình	227	13	185.970.738.355	188.537.386.693
- Nguyên giá	228		215.837.787.913	216.303.932.676
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(29.867.049.558)	(27.766.545.983)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>14</b>	<b>4.627.241.774</b>	<b>4.748.916.926</b>
- Nguyên giá	231		4.880.731.674	4.880.731.674
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(253.489.900)	(131.814.748)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>15.718.392.079</b>	<b>38.994.448.896</b>
1. Chi phí sản xuất dở dang dài hạn	241		9.787.981.585	9.787.981.585
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	5.930.410.494	29.206.467.311
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>70.059.004.992</b>	<b>66.677.385.040</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	16	64.619.812.348	61.938.835.040
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	17	5.827.050.000	5.827.050.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	17	(387.857.356)	(1.088.500.000)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>117.355.994.583</b>	<b>136.641.780.936</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	18	101.903.112.029	111.595.867.297
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	19	15.452.882.554	25.045.913.639
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>2.922.804.725.415</b>	<b>3.247.326.018.654</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Phân loại lại)
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.497.537.641.889</b>	<b>1.970.927.570.370</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.331.355.715.842</b>	<b>1.701.087.853.546</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	20	187.130.598.189	299.909.844.746
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	21	31.788.066.793	34.187.927.415
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	22	7.873.409.163	24.175.462.165
4. Phải trả người lao động	314		140.188.011.292	93.239.085.981
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		6.987.507.115	4.352.038.944
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	23	16.620.079.254	16.064.301.807
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	24	877.053.620.544	1.150.135.719.194
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		63.714.423.492	79.023.473.294
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>166.181.926.047</b>	<b>269.839.716.824</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	25	18.224.338.680	19.037.787.090
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	26	123.333.065.617	222.135.578.026
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342	27	24.624.521.750	28.666.351.708
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.425.267.083.526</b>	<b>1.276.398.448.284</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>1.425.267.083.526</b>	<b>1.276.398.448.284</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	28	580.169.180.000	542.300.550.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		580.169.180.000	542.300.550.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	28	22.720.075.000	22.720.075.000
3. Cổ phiếu quỹ	415	28	(5.939.990.000)	(5.939.990.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	28	338.889.982.733	259.454.164.692
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	28	55.921.214.723	42.848.776.237
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	28	425.325.102.081	406.489.441.710
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		209.598.771.664	147.357.327.563
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		215.726.330.417	259.132.114.147
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	29	8.181.518.989	8.525.430.645
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>2.922.804.725.415</b>	<b>3.247.326.018.654</b>

Phạm Thị Thanh Thủy  
 Người lập

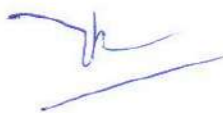
Nguyễn Minh Hào  
 Kế toán trưởng


Lee Eun Hong  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 18 tháng 3 năm 2020

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		<b>3.645.052.763.643</b>	<b>3.664.444.938.573</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		852.721.450	2.434.220.386
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>	<b>32</b>	<b>3.644.200.042.193</b>	<b>3.662.010.718.187</b>
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	33	3.065.482.106.713	2.983.239.599.733
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>578.717.935.480</b>	<b>678.771.118.454</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	35	34.621.835.590	31.910.214.044
7. Chi phí tài chính	22	36	62.099.259.065	89.470.564.130
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		49.405.369.438	51.903.106.747
8. Phần lãi trong công ty liên kết	24	16	4.036.714.308	1.101.784.438
9. Chi phí bán hàng	25	37	133.661.898.115	143.797.019.977
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	37	152.923.322.848	230.042.701.865
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))</b>	<b>30</b>		<b>268.692.005.350</b>	<b>248.472.830.964</b>
12. Thu nhập khác	31	38	6.653.874.581	75.594.581.588
13. Chi phí khác	32	39	1.312.927.681	638.018.765
<b>14. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>5.340.946.900</b>	<b>74.956.562.823</b>
<b>15. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>274.032.952.250</b>	<b>323.429.393.787</b>
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	40	47.592.471.844	78.055.995.578
17. Chi phí/(Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	40	9.593.031.085	(15.062.240.587)
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>216.847.449.321</b>	<b>260.435.638.796</b>
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	61		215.726.330.417	259.132.114.147
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	29	1.121.118.904	1.303.524.649
<b>21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>42</b>	<b>3.166</b>	<b>3.803</b>

  
 Phạm Thị Thanh Thủy  
 Người lập

  
 Nguyễn Minh Hào  
 Kế toán trưởng

  
 Lee Eun Hong  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 18 tháng 3 năm 2020

12004  
 NH  
 CÔNG  
 NHIE  
 LIET  
 TP.

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước (Phân loại lại)
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>274.032.952.250</b>	<b>323.429.393.787</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	115.051.905.472	78.237.565.951
Các khoản dự phòng	03	4.291.980.692	82.933.494.319
Lỗ/(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	3.057.992.385	(344.442.532)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(22.073.644.021)	(57.993.996.817)
Chi phí lãi vay	06	49.405.369.438	51.903.106.747
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi về vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>423.766.556.216</b>	<b>478.165.121.455</b>
Thay đổi các khoản phải thu	09	50.645.531.020	81.227.915.413
Thay đổi hàng tồn kho	10	242.217.287.142	(334.363.855.702)
Thay đổi các khoản phải trả	11	(29.854.543.599)	(31.804.485.497)
Thay đổi chi phí trả trước	12	9.150.747.978	851.245.113
Tiền lãi vay đã trả	14	(49.971.132.500)	(59.314.663.292)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(64.058.623.336)	(65.756.688.579)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	201.432.447	70.246.203
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(55.196.713.096)	(15.663.135.943)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>526.900.542.272</b>	<b>53.411.699.171</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(76.011.381.641)	(66.391.050.567)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	35.090.909	104.261.767.044
3. Tiền chi đầu tư các hợp đồng tiền gửi	23	(24.500.000.000)	(50.000.000.000)
4. Tiền thu hồi từ đầu tư các hợp đồng tiền gửi	24	1.600.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(24.417.907.960)
6. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	-	100.191.540.000
7. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	18.548.333.734	15.919.060.796
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(80.327.956.998)</b>	<b>79.563.409.313</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền trả lại vốn góp cho chủ sở hữu	32	(550.000.000)	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	2.537.994.357.287	2.982.593.961.278
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.899.970.231.307)	(2.960.163.983.111)
4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(47.713.275.580)	(43.336.196.498)
5. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(27.441.306.990)	(26.169.704.900)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(437.680.456.590)</b>	<b>(47.075.923.231)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>8.892.128.684</b>	<b>85.899.185.253</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>216.257.327.777</b>	<b>130.484.287.864</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(15.241.251)	(126.145.340)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>225.134.215.210</b>	<b>216.257.327.777</b>

  
 Phạm Thị Thanh Thủy  
 Người lập

  
 Nguyễn Minh Hào  
 Kế toán trưởng

  
 Lee Eun Hong  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 18 tháng 3 năm 2020

12004  
 NH  
 CÔNG  
 NHIE  
 LIET  
 TP.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công (gọi tắt là "Công ty mẹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004932 ngày 23 tháng 6 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, và giấy phép điều chỉnh. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 20 số 0301446221 ngày 17 tháng 7 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn góp của chủ sở hữu là 580.169.180.000 đồng. Cổ đông chính của Công ty mẹ là E-land Asia Holdings Pte Ltd, một Công ty thành lập tại Singapore.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 7.559 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 7.520 người).

Công ty mẹ có văn phòng chính tại Khu Công nghiệp Tân Bình, các nhà xưởng và chi nhánh tại huyện Hóc Môn, tỉnh Tây Ninh và tỉnh Vĩnh Long.

Cổ phiếu của Công ty mẹ được niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã chứng khoán là TCM.

**Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty mẹ là sản xuất và thương mại dệt may, chi tiết như sau:

- Sản xuất và mua bán các loại bông, xơ, sợi, vải, hàng may mặc, giày dép và máy móc, thiết bị, phụ tùng, nguyên phụ liệu, vật tư, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), thuốc nhuộm, bao bì ngành dệt may;
- Mua bán thiết bị lạnh, điều hòa không khí, máy thu thanh - thu hình, vật liệu xây dựng, phương tiện vận tải;
- Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa, đường bộ;
- Kinh doanh địa ốc, trung tâm thương mại;
- Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi, máy móc - thiết bị;
- Môi giới thương mại;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Đầu tư, xây dựng, kinh doanh, lắp đặt, sửa chữa, lập tổng dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng khu công nghiệp, khu du lịch;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu hoặc đi thuê; và
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Sự kiện quan trọng phát sinh trong năm**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 4 năm 2019, các cổ đông của Công ty đã phê duyệt mức chi trả cổ tức của năm 2018 là 64.933.432.500 đồng, bằng 12% vốn điều lệ. Trong đó, số tiền 27.064.802.500 đồng (tỷ lệ 5% vốn điều lệ) đã được thanh toán trong tháng 3 năm 2019, phần còn lại đã được thanh toán thông qua việc phát hành cổ phiếu tương ứng với số tiền là 37.868.630.000 đồng (tỷ lệ 7% vốn điều lệ). Ngày 24 tháng 4 năm 2019, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua quyết định triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức theo Nghị quyết số 6A/2019/NQ-HĐQT. Tỷ lệ phát hành là 100:7, mệnh giá cổ phiếu là 10.000 đồng/cổ phiếu, tổng số lượng cổ phiếu đã phát hành là 3.786.863 cổ phiếu. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, việc phát hành cổ phiếu đã hoàn tất. Các cổ phiếu thường đã được niêm yết và giao dịch từ ngày 16 tháng 7 năm 2019.



**Cấu trúc doanh nghiệp**

Thông tin chi tiết về các công ty con và công ty liên kết của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
<b>Các công ty con</b>				
Công ty Cổ phần Trung tâm Y khoa Thành Công	Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	70,94	70,94	Cung cấp dịch vụ y tế, mua bán dược phẩm và trang thiết bị y tế
Công ty TNHH TC Tower	Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	85,33	85,33	Hoạt động kinh doanh bất động sản
<b>Các công ty liên kết</b>				
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thành Phúc	Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	23,79	23,79	Xây dựng và quản lý dự án
Công ty Cổ phần Du lịch Golf Vũng Tàu	Bà Rịa, TP. Vũng Tàu	30,00	30,00	Cung cấp các dịch vụ du lịch và giải trí
Công ty Cổ phần Hợp tác Kinh tế Xuất nhập khẩu Savimex	Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	20,42	20,42	Sản xuất và kinh doanh chế biến gỗ, xuất nhập khẩu, xây dựng và trang trí nội thất

Tại ngày của báo cáo này, Công ty TNHH TC Tower, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thành Phúc và Công ty Cổ phần Du lịch Golf Vũng Tàu chưa đi vào hoạt động kinh doanh.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và đã được trình bày lại theo thuyết minh số 46 bên dưới.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



#### Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày tại Thuyết minh số 29) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

#### Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

#### Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

#### Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Khi bán công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

#### Bất lợi thương mại

Bất lợi thương mại là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Bất lợi thương mại được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm phát sinh.

#### Công cụ tài chính

##### Ghi nhận ban đầu

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, và các khoản đầu tư.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, và chi phí phải trả.

##### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

##### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

##### Các khoản đầu tư tài chính

##### Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

##### Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

##### Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

##### Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

125  
HI  
:ON  
NH  
:LI  
:E1  
:TF

002  
ANH  
TY  
HUUH  
TE  
AM  
iờ

#### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc và thiết bị	3,5 - 23
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 15
Tài sản khác	4 - 25

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, giấy phép bản quyền và phần mềm. Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Quyền sử dụng đất có thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng đất từ 15 đến 50 năm. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao. Giấy phép bản quyền và phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 3 đến 8 năm.

#### Thuế tài sản

Một khoản thuế được xem là thuế tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuế khác được xem là thuế hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuế tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Một khoản thuế được xem là thuế hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính là máy móc và thiết bị được khấu hao trong khoảng thời gian từ 7 đến 10 năm.

#### Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm tòa nhà cho thuê do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư. Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá.

Tòa nhà cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu dụng ước tính từ 34 đến 50 năm.

#### Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất tại Khu công nghiệp Nhì Xuân - Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, Khu công nghiệp Trảng Bàng - Tỉnh Tây Ninh và Khu công nghiệp Hòa Phú - Tỉnh Vĩnh Long, công cụ dụng cụ đã xuất dùng không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định và các khoản trả trước dài hạn khác. Tiền thuê đất trả trước được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê từ 45 đến 58 năm. Công cụ dụng cụ và các khoản trả trước dài hạn khác được phân bổ không quá 3 năm.

#### Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc. Mức trích cho mỗi năm làm việc bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Phân phối quỹ và phân chia cổ tức**

Phân chia cổ tức cho các cổ đông của Công ty mẹ và các công ty con được ghi nhận như là khoản công nợ trên báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con trong năm với số cổ tức được thông qua bởi các cổ đông của Công ty mẹ và các công ty con.

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho các cổ đông sau khi các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích các quỹ theo Điều lệ của Công ty mẹ và Điều lệ của các công ty con và các quy định pháp lý của Việt Nam.

**Cổ phiếu quỹ**

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty mẹ phát hành và được mua lại bởi chính Công ty mẹ, nhưng nó không bị huỷ bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Các cổ phiếu quỹ do Công ty mẹ nắm giữ không được nhận cổ tức, không có quyền bầu cử hay tham gia chia phần tài sản khi Công ty giải thể. Khi chia cổ tức cho các cổ phần, các cổ phiếu quỹ đang do công ty nắm giữ được coi là cổ phiếu chưa bán.

Giá trị cổ phiếu quỹ được phản ánh theo giá thực tế mua lại bao gồm giá mua lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua lại cổ phiếu, như chi phí giao dịch, thông tin.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	641.159.478	1.109.455.345
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	48.493.055.732	52.447.872.432
Các khoản tương đương tiền	176.000.000.000	162.700.000.000
	<b>225.134.215.210</b>	<b>216.257.327.777</b>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn không quá ba tháng.

**5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn sáu tháng.

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Phải thu các bên thứ ba		
Eddie Bauer LLC	86.159.798.429	79.567.606.504
Eddie Bauer GMBH	225.921.935	997.407.853
Eddie Bauer Japan.INC	424.421.239	-
Sears, Roebuck and Co	63.791.437.251	63.860.415.884
Kmart Corporation	37.043.879.892	37.083.935.994
Các khách hàng khác	102.501.803.598	65.284.193.629
	<b>290.147.262.344</b>	<b>246.793.559.864</b>
b. Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 44)	49.710.037.684	85.108.794.642
	<b>339.857.300.028</b>	<b>331.902.354.506</b>

**7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

Phải thu về cho vay ngắn hạn thể hiện khoản tiền cho bên thứ ba vay vào năm 2006. Khoản phải thu về cho vay ngắn hạn này được trích lập dự phòng toàn bộ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 theo chính sách kế toán của Công ty.

250  
NI  
NG  
HIỆ  
Đ  
T  
7P.

002  
NH  
TY  
THU  
TE  
M  
CHI

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ký cược, ký quỹ	93.200.000	249.462.500
Phải thu về cổ tức	2.810.565.000	2.810.565.000
Eland World LTD	-	241.114.426
Tạm ứng	130.110.000	-
Phải thu khác	2.926.843.563	2.714.857.940
	<b>5.960.718.563</b>	<b>6.015.999.866</b>

9. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Sears, Roebuck and Co	63.791.437.251	(53.610.411.483)	63.860.415.884	(46.719.096.728)
Kmart Corporation	37.043.879.892	(30.537.603.379)	37.083.935.994	(31.951.459.797)
Công ty Cổ Phần Thành Chí	2.810.565.000	(2.591.965.500)	2.810.565.000	(2.133.947.500)
Các khoản nợ xấu khác	4.415.925.534	(4.415.925.534)	4.415.925.534	(4.415.925.534)
	<b>108.061.807.677</b>	<b>(91.155.905.896)</b>	<b>108.170.842.412</b>	<b>(85.220.429.559)</b>

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	47.701.353.031	-	36.155.442.313	-
Nguyên liệu, vật liệu	152.524.004.450	-	234.650.843.452	-
Công cụ, dụng cụ	3.803.630.682	-	3.087.529.501	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	211.594.623.913	-	211.435.272.430	-
Thành phẩm	485.730.810.673	(23.705.800.602)	627.790.144.829	(20.606.823.645)
Hàng hóa	2.189.203.902	-	3.435.423.504	-
Hàng gửi bán	12.870.345.975	-	42.076.603.739	-
	<b>916.413.972.626</b>	<b>(23.705.800.602)</b>	<b>1.158.631.259.768</b>	<b>(20.606.823.645)</b>

Thay đổi trong khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tại ngày đầu năm	20.606.823.645	18.477.833.351
Trích lập trong năm	3.098.976.957	2.128.990.294
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>23.705.800.602</b>	<b>20.606.823.645</b>

Như trình bày tại Thuyết minh số 24, Công ty đã thế chấp một phần hàng tồn kho để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

MẪU SỐ B 09-DN/HN

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Khác VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư đầu năm	448.284.926.594	616.256.191.254	26.546.842.831	25.082.301.135	137.323.135.168	1.253.493.396.982
Tăng trong năm	231.674.696	3.005.847.657	568.595.000	586.782.273	-	4.392.899.626
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	15.137.220.477	6.418.205.807	186.947.693	939.638.750	8.472.134.395	31.154.147.122
Kết chuyển từ tài sản cố định thuế tài chính	-	800.879.385	-	-	-	800.879.385
Thanh lý	-	(2.202.739.998)	-	-	(379.735.000)	(2.582.474.998)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>463.653.821.767</b>	<b>624.278.384.105</b>	<b>27.302.385.524</b>	<b>26.608.722.158</b>	<b>145.415.534.563</b>	<b>1.287.258.848.117</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư đầu năm	130.687.819.974	325.699.916.020	14.587.545.299	12.902.727.170	82.918.810.279	566.796.818.742
Khấu hao trong năm	11.281.130.432	46.741.887.428	2.551.528.808	2.717.378.057	9.220.684.518	72.512.609.243
Kết chuyển từ tài sản cố định thuế tài chính	-	219.288.465	-	-	-	219.288.465
Thanh lý	-	(2.202.739.998)	-	-	(379.735.000)	(2.582.474.998)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>141.968.950.406</b>	<b>370.458.351.915</b>	<b>17.139.074.107</b>	<b>15.620.105.227</b>	<b>91.759.759.797</b>	<b>636.946.241.452</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày đầu năm	<b>317.597.106.620</b>	<b>290.556.275.234</b>	<b>11.959.297.532</b>	<b>12.179.573.965</b>	<b>54.404.324.889</b>	<b>686.696.578.240</b>
Tại ngày cuối năm	<b>321.684.871.361</b>	<b>253.820.032.190</b>	<b>10.163.311.417</b>	<b>10.988.616.931</b>	<b>53.655.774.766</b>	<b>650.312.606.665</b>

Như trình bày tại Thuyết minh số 24 và 26, Công ty đã thế chấp nhà cửa và máy móc thiết bị với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 266 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 276 tỷ đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 có giá trị là 242 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 228 tỷ đồng).

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc, thiết bị VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Số dư đầu năm	293.496.808.807
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	62.264.565.027
Kết chuyển qua tài sản cố định hữu hình	(800.879.385)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>354.960.494.449</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Số dư đầu năm	61.618.554.454
Khấu hao trong năm	39.266.512.739
Kết chuyển qua tài sản cố định hữu hình	(219.288.465)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>100.665.778.728</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
<b>Tại ngày đầu năm</b>	<b>231.878.254.353</b>
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>254.294.715.721</b>

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Bản quyền VND	Phần mềm VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư đầu năm	188.910.335.412	5.352.549.047	22.041.048.217	216.303.932.676
Tăng trong năm	-	-	39.240.000	39.240.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	545.220.000	545.220.000
Thanh lý	-	-	(1.050.604.763)	(1.050.604.763)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>188.910.335.412</b>	<b>5.352.549.047</b>	<b>21.574.903.454</b>	<b>215.837.787.913</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số dư đầu năm	11.474.855.344	5.191.734.541	11.099.956.098	27.766.545.983
Khấu hao trong năm	433.620.997	160.814.506	2.556.672.835	3.151.108.338
Thanh lý	-	-	(1.050.604.763)	(1.050.604.763)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>11.908.476.341</b>	<b>5.352.549.047</b>	<b>12.606.024.170</b>	<b>29.867.049.558</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
<b>Tại ngày đầu năm</b>	<b>177.435.480.068</b>	<b>160.814.506</b>	<b>10.941.092.119</b>	<b>188.537.386.693</b>
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>177.001.859.071</b>	<b>-</b>	<b>8.968.879.284</b>	<b>185.970.738.355</b>

Như trình bày tại Thuyết minh số 24 và 26, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 8,2 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 8,5 tỷ đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 có giá trị là 9,2 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 7,5 tỷ đồng).

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Tòa nhà cho thuê VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Số dư đầu năm và cuối năm	4.880.731.674
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Số dư đầu năm	131.814.748
Khấu hao trong năm	121.675.152
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>253.489.900</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
<b>Tại ngày đầu năm</b>	<b>4.748.916.926</b>
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>4.627.241.774</b>

Như trình bày tại Thuyết minh số 24 và 26, Công ty đã thế chấp bất động sản đầu tư với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 4,6 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 4,7 tỷ đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - "Bất động sản đầu tư", giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tại ngày đầu năm	29.206.467.311	2.077.562.684
Tăng trong năm	72.152.482.723	132.255.948.203
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(31.154.147.122)	(86.739.381.992)
Kết chuyển sang tài sản cố định thuê tài chính	(62.264.565.027)	(10.253.108.877)
Kết chuyển sang tài sản cố định vô hình	(545.220.000)	-
Kết chuyển sang chi phí trả trước	(986.698.300)	-
Kết chuyển khác	(477.909.091)	(8.134.552.707)
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>5.930.410.494</b>	<b>29.206.467.311</b>
Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các dự án chủ yếu như sau:		
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nhà cửa, vật kiến trúc	493.304.000	8.590.936.402
Mua sắm máy móc, thiết bị	4.960.393.247	19.661.914.894
Các dự án khác	476.713.247	953.616.015
	<b>5.930.410.494</b>	<b>29.206.467.311</b>

1250  
HI N  
CÓN  
4 NH  
ELI  
VIỆT  
- TI



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

**16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đầu tư vào các công ty liên kết	34.832.907.960	34.832.907.960
Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư trừ cổ tức được chia	29.786.904.388	27.105.927.080
<b>Phần tài sản thuần của Công ty đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>64.619.812.348</b>	<b>61.938.835.040</b>
Tổng tài sản	551.061.879.654	545.173.706.253
Tổng công nợ	244.905.279.788	252.935.565.863
Tài sản thuần	306.156.599.866	292.238.140.390
<b>Phần tài sản thuần của Công ty đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>64.619.812.348</b>	<b>61.938.835.040</b>
	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận thuần	19.271.681.695	4.587.792.179
<b>Lợi nhuận thuần của Công ty từ khoản đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>4.036.714.308</b>	<b>1.101.784.438</b>

**17. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Dệt Việt Thăng	125.000.000	125.000.000
Công ty Cổ phần Dệt may Thăng Lợi	1.576.000.000	1.576.000.000
Công ty Dệt may Huế	793.000.000	793.000.000
Công ty Cổ phần S.Y Vina	883.450.000	883.450.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	2.449.600.000	2.449.600.000
	<b>5.827.050.000</b>	<b>5.827.050.000</b>
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty Cổ phần Dệt may Thăng Lợi và Công ty Cổ phần S.Y Vina	(387.857.356)	(1.088.500.000)
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác thuần</b>	<b>5.439.192.644</b>	<b>4.738.550.000</b>

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

**18. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tại ngày đầu năm	111.595.867.297	115.795.933.126
Tăng trong năm	2.704.311.467	13.268.049.546
Phân bổ chi phí trong năm	(12.397.066.735)	(10.750.116.142)
Chi phí quyền thuê đất chuyển nhượng	-	(6.632.997.120)
Tăng khác	-	(85.002.113)
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>101.903.112.029</b>	<b>111.595.867.297</b>
Chi tiết chi phí trả trước dài hạn như sau:	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí thuê đất	95.201.486.459	97.878.794.258
Chi phí khác	6.701.625.570	13.717.073.039
	<b>101.903.112.029</b>	<b>111.595.867.297</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Như trình bày tại Thuyết minh số 24 và 26, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất ở xưởng may Vĩnh Long với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 62,3 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 63,7 tỷ) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

**19. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản dự phòng và chi phí phải trả	13.377.612.066	22.788.666.892
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến đánh giá lại quyền sử dụng đất đi góp vốn	2.548.816.238	2.548.816.238
- Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(473.545.750)	(291.569.491)
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>15.452.882.554</b>	<b>25.045.913.639</b>

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ khoản lãi dự thu	473.545.750	291.569.491
- Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(473.545.750)	(291.569.491)
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**20. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải trả các bên thứ ba		
Tianweini (Shanghai) Trade Co., Ltd.	-	10.215.493.592
Kyung-In Synthetic Corporation	740.137.500	21.236.209.125
Các nhà cung cấp khác	183.245.521.621	213.303.737.421
	<b>183.985.659.121</b>	<b>244.755.440.138</b>
b. Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 44)	3.144.939.068	55.154.404.608
	<b>187.130.598.189</b>	<b>299.909.844.746</b>

Các khoản nợ phải trả người bán ngắn hạn đều có thể được thanh toán khi đến hạn.

**21. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm (Phân loại lại) VND
a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
Kokuraya Co., Ltd	9.392.665.705	-
Ichimura Sangyo Co., Ltd	2.302.774.889	4.695.648.445
Lordman Co., Ltd	12.973.254	12.458.316.394
Shikibo Ltd	1.460.009.720	4.300.806.937
Các khách hàng khác	18.591.775.011	12.733.155.639
	<b>31.760.198.579</b>	<b>34.187.927.415</b>
b. Trả trước từ các bên liên quan - (Chi tiết tại Thuyết minh số 44)	<b>27.868.214</b>	<b>-</b>
	<b>31.788.066.793</b>	<b>34.187.927.415</b>

22. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22.806.566.569	47.592.471.844	64.058.623.336	6.340.415.077
Thuế thu nhập cá nhân	1.344.625.809	23.987.960.843	23.871.546.093	1.461.040.559
Thuế giá trị gia tăng	9.490.840	108.799.014	111.026.232	7.263.622
Thuế nhà thầu	14.778.947	325.674.262	340.453.209	-
Thuế khác	-	9.495.037.458	9.430.347.553	64.689.905
	<b>24.175.462.165</b>	<b>81.509.943.421</b>	<b>97.811.996.421</b>	<b>7.873.409.163</b>

23. PHẢI TRẢ NGÂN HẠN KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	2.720.513.792	2.528.499.380
Cổ tức phải trả	162.593.135	153.122.985
Ký cược, ký quỹ	9.092.064.850	10.037.876.750
Các khoản phải trả khác	4.644.907.477	3.344.802.692
	<b>16.620.079.254</b>	<b>16.064.301.807</b>

24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu năm (Phân loại lại)	Trong năm		Số cuối năm	
		Giá trị /Số có khả năng trả nợ			Giá trị /Số có khả năng trả nợ
		Tăng	Giảm		
VND	VND	VND	VND		
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>1.056.345.477.836</b>	<b>4.551.150.057.220</b>	<b>4.819.252.579.858</b>	<b>788.242.955.198</b>	
SinoPac	37.979.446.318	63.192.771.022	37.979.446.400	63.192.770.940	
Hồ Chí Minh					
Vietcombank Hồ Chí Minh	392.260.910.599	1.184.647.000.304	1.279.709.271.334	297.198.639.569	
BIDV Hóc Môn	278.316.266.363	580.410.483.308	790.494.965.431	68.231.784.240	
Vietinbank	100.557.995.553	691.981.862.796	581.264.156.160	211.275.702.189	
Hồ Chí Minh					
MB Bank Bắc Sài Gòn	104.802.911.323	21.568.395.634	122.217.109.637	4.154.197.320	
Các hợp đồng chiết khấu có truy đòi (*)	142.427.947.680	2.009.349.544.156	2.007.587.630.896	144.189.860.940	
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>93.790.241.358</b>	<b>135.462.815.309</b>	<b>140.442.391.321</b>	<b>88.810.665.346</b>	
Vay dài hạn đến hạn trả	49.807.067.792	82.433.327.582	92.506.362.702	39.734.032.672	
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	43.983.173.566	53.029.487.727	47.936.028.619	49.076.632.674	
	<b>1.150.135.719.194</b>	<b>4.686.612.872.529</b>	<b>4.959.694.971.179</b>	<b>877.053.620.544</b>	

(\*) Các hợp đồng chiết khấu có truy đòi thể hiện khoản chiết khấu phải thu tại các ngân hàng thương mại trong nước với lãi suất chiết khấu theo từng lần chiết khấu.

Công ty có các hợp đồng tín dụng ngắn hạn để tài trợ cho nhu cầu vốn lưu động, chi tiết như sau:

Bên cho vay	Hạn mức tín dụng	Thời hạn tín dụng	Tài sản thế chấp
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh ("Vietcombank Hồ Chí Minh")	600.000.000.000 đồng	1 năm	Tài sản cố định
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hóc Môn ("BIDV Hóc Môn")	600.000.000.000 đồng	1 năm	Hàng tồn kho và Tài sản cố định
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh ("Vietinbank Hồ Chí Minh")	400.000.000.000 đồng	1 năm	Hàng tồn kho
Ngân hàng SinoPac - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh ("Sinopac Hồ Chí Minh")	3.000.000 Đô-la Mỹ	1 năm	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Bắc Sài Gòn ("MB Bank Bắc Sài Gòn")	100.000.000.000 đồng	6 tháng	Tín chấp

Lãi suất của các khoản vay ngắn hạn được xác định theo từng lần nhận nợ.

25. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải trả do cổ phần hóa	17.876.000.000	17.876.000.000
Nhận ký quỹ của khách hàng	348.338.680	1.161.787.090
	<b>18.224.338.680</b>	<b>19.037.787.090</b>

Phải trả do cổ phần hóa thể hiện khoản phải nộp vào Kho bạc Nhà nước cho giá trị tăng thêm khi định giá lại các lô đất mà Công ty được giao hoặc thuê tại thời điểm cổ phần hóa năm 2004. Theo báo cáo định giá tài sản ngày 28 tháng 9 năm 2005, trong số các lô đất, có 5 lô đất với tổng diện tích 36.716 m<sup>2</sup> đã được định giá lại. Khoản tiền này sẽ được trả khi Công ty hoàn tất việc chuyển giao quyền sử dụng đất sang tên Công ty.

26. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số đầu năm	Trong năm		Số cuối năm	
		Giá trị /Số có khả năng trả nợ			Giá trị /Số có khả năng trả nợ
		Tăng	Giảm		
VND	VND	VND	VND		
<b>Vay dài hạn</b>	<b>143.163.241.392</b>	<b>113.930.146</b>	<b>82.486.617.388</b>	<b>60.790.554.150</b>	
Vietcombank Hồ Chí Minh	100.652.000.000	-	67.100.000.000	33.552.000.000	
BIDV Hóc Môn	42.511.241.392	113.930.146	15.386.617.388	27.238.554.150	
<b>Nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>78.972.336.634</b>	<b>36.646.123.983</b>	<b>53.075.949.150</b>	<b>62.542.511.467</b>	
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	78.972.336.634	36.646.123.983	53.075.949.150	62.542.511.467	
	<b>222.135.578.026</b>	<b>36.760.054.129</b>	<b>135.562.566.538</b>	<b>123.333.065.617</b>	

Các khoản vay dài hạn Công ty nhận được từ các ngân hàng trong nước cho mục đích đầu tư xây dựng và mua sắm tài sản cố định, chi tiết như sau:

Bên cho vay	Số hợp đồng	Hạn mức tín dụng	Thời hạn tín dụng
Vietcombank Hồ Chí Minh	0008/ĐTDA/15CD	140.202.000.000 đồng	6 năm
BIDV Học Môn	01/2016/93435/HĐTD 01/2017/93435/HĐTD	83.231.000.000 đồng 2.497.500 Đô la Mỹ	7 năm 5 năm
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	72.15.04/CTTC 72.16.01/CTTC 72.16.02/CTTC 72.16.03/CTTC 72.16.04/CTTC 72.16.05/CTTC 72.16.06/CTTC 72.16.08/CTTC 86.17.03/CTTC 72.16.10/CTTC 72.16.11/CTTC 72.16.12/CTTC 86.17.04/CTTC 86.17.07/CTTC 67.18.14/CTTC 86.18.02/CTTC 67.18.15/CTTC 67.19.03/CTTC 67.19.02/CTTC	275.200 Đô la Mỹ 382.400 Đô la Mỹ 239.760 Đô la Mỹ 49.880.000 Yên Nhật 510.400 Đô la Mỹ 348.000 Đô la Mỹ 112.480 Đô la Mỹ 72.000 Frãng Thụy Sĩ 60.000.000.000 đồng 313.968 Đô la Mỹ 1.138.564 Đô la Mỹ 523.200 Đô la Mỹ 413.800 Đô la Mỹ 240.000 Đô la Mỹ 332.000 Đô la Mỹ 64.898.400 Yên Nhật 101.032.000 Yên Nhật 126.800 Đô la Mỹ 336.400 Đô la Mỹ	5 năm 5 năm 5 năm 5 năm 5 năm 5 năm 5 năm 5 năm 4 năm 5 năm 5 năm 5 năm 5 năm 5 năm 2 năm 5 năm 5 năm 5 năm 5 năm

Các khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản cố định hình thành từ vốn vay. Lãi suất của các khoản vay dài hạn và nợ thuê tài chính được xác định theo lãi suất Libor 6 tháng hoặc lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng cộng với một biên lãi suất cố định được quy định theo từng hợp đồng vay.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	39.734.032.672	49.807.067.792
Trong năm thứ hai	48.800.096.052	82.357.067.792
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	11.990.458.098	60.806.173.600
	<b>100.524.586.822</b>	<b>192.970.309.184</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	39.734.032.672	49.807.067.792
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>60.790.554.150</b>	<b>143.163.241.392</b>

Nợ thuê tài chính dài hạn thể hiện các khoản thuê máy móc từ Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính – Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

Các khoản nợ dài hạn do thuê tài chính được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Các khoản tiền thuê tối thiểu		Giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản phải trả do thuê tài chính Trong vòng một năm	119.779.397.179	134.180.063.066	111.619.144.141	122.955.510.200
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	53.844.469.673	50.216.095.800	49.076.632.674	43.983.173.566
Trừ: Các khoản phí tài chính trong tương lai	65.934.927.506	83.963.967.266	62.542.511.467	78.972.336.634
Trừ: Các khoản	8.160.253.038	11.224.553.036	-	-
<b>Giá trị hiện tại của các khoản thuê tài chính phải trả</b>	<b>111.619.144.141</b>	<b>122.955.510.030</b>	<b>111.619.144.141</b>	<b>122.955.510.200</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)			49.076.632.674	43.983.173.566
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>			<b>62.542.511.467</b>	<b>78.972.336.634</b>

## 27. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện khoản dự phòng trợ cấp thôi việc được trích lập theo quy định hiện hành.

## 28. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Danh sách các cổ đông chính của Công ty mẹ nắm giữ 5% số lượng cổ phần trở lên và các cổ đông khác được chốt bởi Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") tại ngày 27 tháng 02 năm 2020 và 27 tháng 02 năm 2019 như sau:

	Tại ngày 27/02/2020			Tại ngày 27/02/2019		
	Cổ phần	%	VND	Cổ phần	%	VND
E-Land Asia Holdings Pte Ltd	25.092.627	43,25	250.926.270.000	23.451.054	43,24	234.510.540.000
Khác	32.823.841	56,58	328.238.410.000	30.678.551	56,57	306.785.510.000
Cổ phiếu quỹ	100.450	0,17	1.004.500.000	100.450	0,19	1.004.500.000
	<b>58.016.918</b>	<b>100</b>	<b>580.169.180.000</b>	<b>54.230.055</b>	<b>100</b>	<b>542.300.550.000</b>

## Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phần đã phát hành	58.016.918	54.230.055
Số lượng cổ phiếu quỹ	100.450	100.450
Số lượng cổ phần đang lưu hành	<b>57.916.468</b>	<b>54.129.605</b>

Công ty mẹ chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần không được hưởng lợi tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty mẹ. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty mẹ.

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quý đầu tư phát triển VND	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư đầu năm trước	516.538.290.000	22.720.075.000	(5.939.990.000)	198.272.573.290	33.152.526.267	299.078.734.166	1.063.822.208.723
Tăng vốn	25.762.260.000	-	-	-	-	-	25.762.260.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	259.132.114.147	259.132.114.147
Phân phối quỹ	-	-	-	61.181.591.402	9.696.249.970	(100.182.457.103)	(29.304.615.731)
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	(51.538.949.500)	(51.538.949.500)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>542.300.550.000</b>	<b>22.720.075.000</b>	<b>(5.939.990.000)</b>	<b>259.454.164.692</b>	<b>42.848.776.237</b>	<b>406.489.441.710</b>	<b>1.267.873.017.638</b>
Tăng vốn (i)	37.868.630.000	-	-	-	-	-	37.868.630.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	215.726.330.417	215.726.330.417
Phân phối quỹ (i)	-	-	-	79.435.818.041	13.072.438.486	(131.957.237.546)	(39.448.981.019)
Cổ tức công bố (ii)	-	-	-	-	-	(64.933.432.500)	(64.933.432.500)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>580.169.180.000</b>	<b>22.720.075.000</b>	<b>(5.939.990.000)</b>	<b>338.889.982.733</b>	<b>55.921.214.723</b>	<b>425.325.102.081</b>	<b>1.417.085.564.537</b>

(i) Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông Thường niên năm 2019 số 01/2019/NQ-ĐHCĐ ngày 12 tháng 4 năm 2019, các cổ đông Công ty đã phê duyệt kế hoạch trích lập cho quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu với tỷ lệ lần lượt là 45%, 15% và 5% từ lợi nhuận sau thuế năm 2018.

(ii) Theo Nghị quyết Đại hội Đồng Cổ đông Cổ phiếu ngày 12 tháng 4 năm 2019, các cổ đông Công ty đã phê duyệt việc trả cổ tức năm 2018 với số tiền là 64.933.432.500 đồng tương đương 12% mệnh giá cổ phiếu, trong đó 5% mệnh giá cổ phiếu bằng tiền và 7% mệnh giá cổ phiếu bằng cổ phiếu thưởng. Sau khi phát hành thêm cổ phiếu, số lượng cổ phiếu và vốn điều lệ của Công ty tăng lên tương ứng 3.786.863 cổ phiếu và 37.868.630.000 đồng và được cập nhật theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 20 ngày 17 tháng 7 năm 2019. Việc thay đổi trên đã được Công ty thông báo và được chấp thuận bởi Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 242/QĐ-SGDHCM ngày 04 tháng 7 năm 2019.

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 2A/2020/NQ-HDQT-CTY ngày 17 tháng 01 năm 2020, Hội đồng Quản trị đã thông qua việc thực hiện tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt đợt 1 năm 2019 với tỷ lệ thanh toán 5%/cổ phiếu. Việc thanh toán này dự kiến sẽ được thực hiện vào ngày 25 tháng 03 năm 2020.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**29. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT**

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát được tính như sau:

	Công ty Cổ phần Trung tâm Y khoa Thành Công VND	Công ty Cổ phần Thành Quang VND	Công ty TNHH TC Tower VND
<b>Vốn điều lệ của công ty con</b>	<b>21.700.000.000</b>	<b>38.195.950.000</b>	<b>127.320.000.000</b>
Trong đó:			
Vốn góp từ Công ty mẹ	15.395.000.000	37.645.950.000	127.320.000.000
Vốn góp từ cổ đông không kiểm soát	6.305.000.000	550.000.000	-
<b>Tỷ suất lợi ích cổ đông không kiểm soát</b>	<b>29,06%</b>	<b>1,44%</b>	<b>14,67%</b>

Lợi ích cổ đông không kiểm soát dựa vào tài sản thuần tại ngày 31 tháng 12 năm 2019:

	Công ty Cổ phần Trung tâm Y khoa Thành Công VND	Công ty TNHH TC Tower VND	Tổng VND
Tổng tài sản	34.095.122.916	137.109.746.312	171.204.869.228
Tổng công nợ	5.834.417.742	9.995.472.520	15.829.890.262
<b>Tài sản thuần</b>	<b>28.260.705.174</b>	<b>127.114.273.792</b>	<b>155.374.978.966</b>
Trong đó:			
Vốn góp chủ sở hữu	21.700.000.000	127.320.000.000	149.020.000.000
Quý đầu tư phát triển	2.233.403.389	-	2.233.403.389
Quý khác	315.429.507	-	315.429.507
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗ) lũy kế	4.011.872.278	(205.726.208)	3.806.146.070
<b>Lợi ích cổ đông không kiểm soát</b>	<b>8.211.699.024</b>	<b>(30.180.035)</b>	<b>8.181.518.989</b>
Trong đó:			
Vốn góp chủ sở hữu	6.305.000.000	-	6.305.000.000
Quý đầu tư phát triển	649.027.025	-	649.027.025
Quý khác	91.663.815	-	91.663.815
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗ) lũy kế	1.166.008.184	(30.180.035)	1.135.828.149



Lợi ích cổ đông không kiểm soát dựa vào kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019:

	Công ty Cổ phần Trung tâm Y Khoa Thành Công VND	Công ty Cổ phần Thành Quang VND	Công ty TNHH TC Tower VND	Tổng VND
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế của công ty con	3.992.277.194	(2.497.333.294)	(20.647.273)	1.474.296.627
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế của cổ đông không kiểm soát	1.160.155.753	(36.007.894)	(3.078.955)	1.121.118.904

Thay đổi lợi ích cổ đông không kiểm soát trong năm như sau:

	Vốn góp chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quý đầu tư phát triển VND	Quý khác VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số đầu năm	6.855.000.000	-	364.327.230	44.213.849	1.261.889.566	8.525.430.645
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	1.121.118.904	1.121.118.904
Phân phối quý	-	-	284.699.795	47.449.966	(569.399.589)	(237.249.828)
Cổ tức	-	-	-	-	(677.780.732)	(677.780.732)
Hoàn trả vốn góp cho cổ đông không kiểm soát	(550.000.000)	-	-	-	-	(550.000.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>6.305.000.000</b>	<b>-</b>	<b>649.027.025</b>	<b>91.663.815</b>	<b>1.135.828.149</b>	<b>8.181.518.989</b>

T.H.H.N.

M.S.C.A.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

30. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tài sản thuê ngoài:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:		
- Trong vòng một năm	7.447.785.085	7.672.354.627
- Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	12.509.218.226	12.158.604.604
- Sau năm năm	38.893.919.155	48.943.265.805
	<b>58.850.922.466</b>	<b>68.774.225.036</b>

Ngoại tệ các loại:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ (USD)	1.282.044	1.523.874
Yên Nhật (JPY)	93.531	94.983
Euro (EUR)	178	188

31. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lợi nhuận khác và thuế thu nhập doanh nghiệp. Kết quả kinh doanh bộ phận trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>May mặc và dệt may</b>		
Doanh thu	3.594.668.986.173	3.615.495.879.502
Giá vốn	3.034.849.272.737	2.954.064.792.635
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>559.819.713.436</b>	<b>661.431.086.867</b>
<b>Dịch vụ chăm sóc sức khỏe</b>		
Doanh thu	45.419.510.125	42.609.281.176
Giá vốn	29.631.131.677	28.192.754.406
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>15.788.378.448</b>	<b>14.416.516.770</b>
<b>Khác</b>		
Doanh thu	4.111.545.895	3.905.557.509
Giá vốn	1.001.702.299	982.042.692
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>3.109.843.596</b>	<b>2.923.514.817</b>

Báo cáo tài chính hợp nhất không trình bày báo cáo bộ phận theo tài sản do Ban Giám đốc không có thông tin về bộ phận này.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Doanh thu bộ phận dựa vào vị trí địa lý của các khách hàng tại Việt Nam ("Trong nước") hay ở các nước khác ngoài Việt Nam ("Xuất khẩu"). Công ty không tiến hành lập báo cáo bộ phận cho các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất do không đủ cơ sở để tiến hành chia tách.

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Trong nước</b>		
Doanh thu	447.839.186.382	397.629.116.886
Giá vốn	369.000.661.996	317.951.794.360
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>78.838.524.386</b>	<b>79.677.322.526</b>
<b>Xuất khẩu</b>		
Doanh thu	3.196.360.855.811	3.264.381.601.301
Giá vốn	2.696.481.444.717	2.665.287.805.373
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>499.879.411.094</b>	<b>599.093.795.928</b>

32. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Sản phẩm vải và may mặc	3.419.579.997.472	3.541.172.345.358
Phí gia công	175.941.710.151	76.757.754.530
Khác	49.531.056.020	46.514.838.685
	<b>3.645.052.763.643</b>	<b>3.664.444.938.573</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu với các bên liên quan (Thuyết minh 44)	1.018.554.648.522	994.849.553.054
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Hàng bán bị trả lại/giảm giá	(852.721.450)	(2.434.220.386)
	<b>3.644.200.042.193</b>	<b>3.662.010.718.187</b>

33. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên vật liệu	1.840.570.627.567	1.926.210.625.800
Chi phí nhân công	743.389.095.330	650.661.998.047
Chi phí khấu hao	53.969.326.817	46.000.913.072
Chi phí sản xuất chung	426.551.354.700	359.384.020.122
Chi phí khác	1.001.702.299	982.042.692
	<b>3.065.482.106.713</b>	<b>2.983.239.599.733</b>

34. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên vật liệu	1.455.688.676.995	1.800.046.115.944
Chi phí nhân công	953.313.771.730	839.473.254.391
Chi phí khấu hao tài sản cố định	115.051.905.472	105.183.839.959
Chi phí dịch vụ bên ngoài	704.070.559.425	650.155.314.764
Chi phí khác	63.632.356.278	239.114.539.476
	<b>3.291.757.269.900</b>	<b>3.633.973.064.534</b>

35. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	17.672.370.609	15.660.488.635
Cổ tức được chia	348.750.000	359.173.200
Lãi chênh lệch tỷ giá	16.600.714.981	15.890.552.209
	<b>34.621.835.590</b>	<b>31.910.214.044</b>

36. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	49.405.369.438	51.903.106.747
Hoàn nhập các khoản dự phòng đầu tư tài chính	(700.642.644)	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	13.394.532.271	30.306.458.460
Lỗ từ thanh lý đầu tư vào Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công	-	7.028.393.798
Khác	-	232.605.125
	<b>62.099.259.065</b>	<b>89.470.564.130</b>

37. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí vật liệu	322.409.023	641.605.861
Chi phí nhân viên	70.549.166.177	54.233.137.803
Chi phí khấu hao	643.604.791	442.356.559
Chi phí mua ngoài	31.293.187.216	46.993.218.371
Chi phí khác	30.853.530.908	41.486.701.383
	<b>133.661.898.115</b>	<b>143.797.019.977</b>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Đồ dùng văn phòng	3.682.858.601	4.065.060.623
Chi phí nhân viên	79.213.573.166	73.049.443.287
Chi phí khấu hao	6.753.084.777	7.063.552.252
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	5.935.476.337	79.336.764.525
Chi phí mua ngoài	14.676.020.428	13.986.926.715
Chi phí khác	42.662.309.539	52.540.954.463
	<b>152.923.322.848</b>	<b>230.042.701.865</b>

38. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	35.090.909	30.740.862.387
Thu thanh lý, nhượng bán vật tư	30.278.182	271.360.102
Thu nhập từ bồi thường bảo hiểm	1.576.548.960	-
Lãi từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất	-	17.160.081.955
Lãi từ giao dịch mua rẻ công ty liên kết tại ngày mua	-	26.945.274.008
Thu nhập khác	5.011.956.530	476.003.136
	<b>6.653.874.581</b>	<b>75.594.581.588</b>

39. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	24.222.449	-
Chi từ thanh lý, nhượng bán vật tư	-	196.465.765
Chi phí khác	1.288.705.232	441.553.000
	<b>1.312.927.681</b>	<b>638.018.765</b>

40. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành	45.994.114.790	81.893.877.683
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	1.598.357.054	(3.837.882.105)
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>47.592.471.844</b>	<b>78.055.995.578</b>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	274.032.952.250	323.429.393.787
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế:	(44.062.378.300)	86.039.994.630
- Tăng thu nhập chịu thuế	16.416.197.594	115.743.792.805
- Giảm thu nhập chịu thuế	(60.478.575.894)	(29.703.798.175)
Thu nhập tính thuế	229.970.573.950	409.469.388.417
Thuế suất áp dụng	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	45.994.114.790	81.893.877.683
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành</b>	<b>45.994.114.790</b>	<b>81.893.877.683</b>
	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí/(Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
- Các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	9.593.031.085	(15.062.240.587)
<b>Tổng chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>	<b>9.593.031.085</b>	<b>(15.062.240.587)</b>

#### 41. CÁC KHOẢN CAM KẾT

##### Cam kết thuê hoạt động

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9.349.732.477	9.574.302.019

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê phải trả cho việc thuê đất tại Quận Tân Phú – Thành phố Hồ Chí Minh và phí quản lý tại Khu công nghiệp Tân Bình – Thành phố Hồ Chí Minh, Khu công nghiệp Hòa Phú – Tỉnh Vĩnh Long và Khu công nghiệp Trảng Bàng – Tỉnh Tây Ninh. Các điều khoản hợp đồng và phí thuê được quy định cụ thể tại mỗi hợp đồng.

##### Cam kết vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có các khoản cam kết đầu tư vốn trong tương lai như sau:

	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND
Nhà xưởng, vật kiến trúc	211.416.000	5.168.154.133
Mua sắm máy móc thiết bị	565.994.100	29.325.837.202
Khác	414.293.076	414.293.076
<b>Tổng</b>	<b>1.191.703.176</b>	<b>34.908.284.411</b>

#### 42. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu như bên dưới:

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty	215.726.330.417	259.132.114.147
Trừ: trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	32.358.949.563	38.869.817.122
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	183.367.380.854	220.262.297.025
Số bình quân gia quyền của cổ phần phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	57.916.468	57.916.468
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>3.166</b>	<b>3.803</b>

Để đảm bảo tính so sánh, quỹ khen thưởng, phúc lợi năm nay dùng để loại trừ khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu được ước tính bằng 15% lợi nhuận sau thuế theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông Thường niên năm 2019 số 01/2019/NQ-DHCD ngày 12 tháng 4 năm 2019.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 01/2019/NQ-DHCD ngày 12 tháng 4 năm 2019, các cổ đông của Công ty mẹ đã phê duyệt mức chi trả cổ tức bằng cổ phiếu với số tiền 37.890.720.000 đồng (tỷ lệ 7%) từ nguồn quỹ đầu tư phát triển. Theo Quyết định số 242/QĐ-SGDHCM ngày 04 tháng 7 năm 2019, Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận việc phát hành 3.786.863 cổ phần tăng thêm. Số lượng cổ phần tăng thêm có hiệu lực niêm yết kể từ ngày 08 tháng 7 năm 2019. Theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 (VAS 30) "Lãi trên cổ phiếu", sự kiện này dẫn đến việc điều chỉnh hồi tố số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 từ 54.129.605 cổ phiếu lên 57.916.468 cổ phiếu và lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được trình bày lại như sau:

	Số đã trình bày	Thay đổi	Số trình bày lại
Lợi nhuận trong kỳ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty mẹ	259.132.114.147	-	259.132.114.147
Trừ: trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	38.869.817.122	-	38.869.817.122
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	220.262.297.025	-	220.262.297.025
Số bình quân gia quyền của cổ phần phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	54.129.605	3.786.863	57.916.468
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>4.069</b>	<b>(266)</b>	<b>3.803</b>

#### 43. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

##### Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 24 và 26 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, cổ phiếu quỹ, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản vay	1.000.386.686.161	1.372.271.297.220
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(225.134.215.210)	(216.257.327.777)
Nợ thuần	775.252.470.951	1.156.013.969.443
Vốn chủ sở hữu	1.425.267.083.526	1.276.398.448.284
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>0,54</b>	<b>0,91</b>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	225.134.215.210	216.257.327.777
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	225.390.000.000	202.565.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	256.387.304.694	261.404.828.852
Các khoản đầu tư	5.439.192.644	4.738.550.000
	<b>712.350.712.548</b>	<b>684.965.706.629</b>

Công nợ tài chính

Các khoản nợ thuê tài chính	111.619.144.141	122.955.510.200
Các khoản vay	888.767.542.020	1.249.315.787.020
Phải trả người bán và phải trả khác	201.378.502.331	314.607.434.263
Chi phí phải trả	6.987.507.115	4.352.038.944
	<b>1.208.752.695.607</b>	<b>1.691.230.770.427</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Nợ phải trả	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đô la Mỹ (USD)	423.079.521.446	419.574.674.083	821.328.258.039	1.141.148.795.300
Euro (EUR)	4.572.108	4.965.658	-	362.820.800
Yên Nhật (JPY)	19.644.316	19.723.220	-	-
	<b>423.103.737.870</b>	<b>419.599.362.961</b>	<b>821.328.258.039</b>	<b>1.141.511.616.100</b>

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 1% so với Đô la Mỹ. Tỷ lệ thay đổi 1% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 1% thay đổi của tỷ giá.

Nếu tỷ giá Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 1% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng các khoản tương ứng như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Đô la Mỹ (USD)	<b>3.982.487.366</b>	<b>7.215.741.212</b>

Áp dụng phân tích tương tự đối với Euro và Yên Nhật, mức tăng/giảm của Euro và Yên Nhật không ảnh hưởng trọng yếu đến lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất. Với giả định là các biến số khác không thay đổi nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 sẽ giảm/tăng 17.775.350.840 đồng (năm trước: tăng 24.986.315.740 đồng).

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phần do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phần đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phần bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phần như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phần là không đáng kể.

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty khác. Ban Giám đốc của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty khác như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các công ty khác được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.



**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Rủi ro tín dụng chủ yếu phát sinh từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn tại các ngân hàng. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Đối với các khoản phải thu khách hàng, Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác ngoại trừ các khách hàng đã trích lập dự phòng như đã nêu tại Thuyết minh số 10. Đối với tiền, Công ty quản lý rủi ro tín dụng này bằng cách chỉ giao dịch với các ngân hàng có hệ số tín dụng cao hoặc có danh tiếng.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Số cuối năm	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	225.134.215.210	-	225.134.215.210
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	225.390.000.000	-	225.390.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	256.382.304.694	5.000.000	256.387.304.694
Các khoản đầu tư	-	5.439.192.644	5.439.192.644
	<b>706.906.519.904</b>	<b>5.444.192.644</b>	<b>712.350.712.548</b>
Các khoản nợ thuê tài chính	49.076.632.674	62.542.511.467	111.619.144.141
Các khoản vay	827.976.987.870	60.790.554.150	888.767.542.020
Phải trả người bán và phải trả khác	201.030.163.651	348.338.680	201.378.502.331
Chi phí phải trả	6.987.507.115	-	6.987.507.115
	<b>1.085.071.291.310</b>	<b>123.681.404.297</b>	<b>1.208.752.695.607</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(378.164.771.406)</b>	<b>(118.237.211.653)</b>	<b>(496.401.983.059)</b>
Số đầu năm	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	216.257.327.777	-	216.257.327.777
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	202.565.000.000	-	202.565.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	261.399.828.852	5.000.000	261.404.828.852
Các khoản đầu tư	-	4.738.550.000	4.738.550.000
	<b>680.222.156.629</b>	<b>4.743.550.000</b>	<b>684.965.706.629</b>
Các khoản nợ thuê tài chính	43.983.173.566	78.972.336.634	122.955.510.200
Các khoản vay	1.106.152.545.628	143.163.241.392	1.249.315.787.020
Phải trả người bán và phải trả khác	313.445.647.173	1.161.787.090	314.607.434.263
Chi phí phải trả	4.352.038.944	-	4.352.038.944
	<b>1.467.933.405.311</b>	<b>223.297.365.116</b>	<b>1.691.230.770.427</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(787.711.248.682)</b>	<b>(218.553.815.116)</b>	<b>(1.006.265.063.798)</b>

Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn dựa trên nguồn tiền tạo ra từ hoạt động kinh doanh và bằng việc duy trì tối thiểu một số các khoản tín dụng sẵn sàng sử dụng. Hạn mức tín dụng còn lại của các khoản vay có thể sử dụng được trình bày tại Thuyết minh số 24 và số 25.

**44. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
E-land Asia Holdings Pte Ltd	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex	Công ty liên kết
Eland World Limited	Công ty trong cùng Tập đoàn Eland
Eland International Fashion (Shanghai) Co., Ltd	Công ty trong cùng Tập đoàn Eland
Eland Fashion (Shanghai) Co., Ltd	Công ty trong cùng Tập đoàn Eland
Eland Asia Holding Pte.Ltd - Hong Kong Branch	Công ty trong cùng Tập đoàn Eland
Eland Retail Limited	Công ty trong cùng Tập đoàn Eland
Công ty TNHH Eland Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn Eland
Công ty Cổ phần S.Y VINA	Công ty trong cùng Tập đoàn Eland
Wish Trading (Shanghai) Co., Ltd	Công ty trong cùng Tập đoàn Eland
Wish Fashion (Shanghai) Co., Ltd	Công ty trong cùng Tập đoàn Eland
Eland Fashion India Pvt. Ltd	Công ty trong cùng Tập đoàn Eland
Eland Human Resource Development center	Công ty trong cùng Tập đoàn Eland

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Bán hàng</b>		
Eland World Limited	744.343.475.166	660.667.132.495
Eland International Fashion (Shanghai) Co., Ltd	17.733.802.987	512.883.000
Eland Fashion (Shanghai) Co., Ltd	-	78.105.287
Eland Asia Holding Pte.Ltd - Hong Kong Branch	82.593.342.466	189.038.906.013
Công ty Cổ Phần S.Y VINA	694.005.620	168.599.000
Eland Fashion India PVT.Ltd	499.409.394	-
Eland Retail Limited	171.110.482.323	141.640.174.410
Công ty TNHH Eland Việt Nam	780.113.376	1.985.193.817
Công ty Cổ phần Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex	800.017.190	758.559.032
	<b>1.018.554.648.522</b>	<b>994.849.553.054</b>
<b>Mua hàng</b>		
Eland World Limited	-	505.224.750
Eland International Fashion (Shanghai) Co., Ltd	11.320.250.118	23.856.601.517
Công ty TNHH Eland Việt Nam	654.407.548	18.087.858.335
Công ty Cổ Phần S.Y VINA	11.916.378.177	7.728.496.319
Công ty CP Hợp tác Kinh tế và XNK Savimex	2.690.004.684	6.082.790.923
Wish Trading (Shanghai) Co., Ltd	11.793.342.192	5.110.849.118
Eland Fashion India Pvt. Ltd	5.575.956.538	2.695.712.649
Eland Human Resource Development center	53.503.327	-
	<b>44.003.842.584</b>	<b>64.067.533.611</b>
<b>Mua tài sản cố định</b>		
Công ty TNHH Eland Việt Nam	-	64.069.107.628
<b>Cổ tức công bố cho</b>		
E-land Asia Holdings Pte Ltd	28.141.257.000	22.334.329.000

Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương và các khoản phúc lợi khác	10.829.407.778	13.097.740.404

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
Eland World Limited	37.926.749.691	48.014.387.219
Eland Asia Holding Pte.Ltd - Hong Kong Branch	2.264.909.184	35.735.070.619
Eland International Fashion Shanghai Co.LTD	2.410.256.532	-
Eland Fashion India PVT.LTD	498.762.211	-
Eland Retail Limited	6.448.177.479	623.686.001
Công ty TNHH Eland Việt Nam	1.837.587	137.971.403
Công ty Cổ phần S.Y VINA	159.345.000	164.649.000
Công ty Cổ phần Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex	-	433.030.400
	<b>49.710.037.684</b>	<b>85.108.794.642</b>

<b>Các khoản phải thu khác</b>		
Eland World Limited	-	241.114.426

<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>		
Eland International Fashion (Shanghai) Co., Ltd	716.860.379	5.940.745.248
Công ty TNHH Eland Việt Nam	194.313.367	46.860.798.065
Wish Trading (Shanghai) Co.Ltd	1.694.975.943	114.779.507
Công ty Cổ phần S.Y VINA	150.700.730	1.759.535.099
Công ty Cổ phần Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex	388.088.649	478.546.689
	<b>3.144.939.068</b>	<b>55.154.404.608</b>

<b>Trả trước người bán</b>		
Eland Fashion India Pvt. Ltd	-	1.739.694.500

<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>		
Công ty Cổ phần S.Y VINA	27.868.214	-

**45. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền thu từ lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm không bao gồm 2.697.492.722 đồng là số tiền lãi dự thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2019. Tuy nhiên, tiền thu từ lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm đã bao gồm 1.888.250.652 đồng là số tiền lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia của năm trước thu được trong năm này. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên thay đổi các khoản phải thu.

Tiền lãi vay đã trả trong năm không bao gồm 1.059.443.397 đồng, là số tiền lãi trích trước tại ngày 31 tháng 12 năm 2019. Tuy nhiên tiền lãi vay đã trả trong năm đã bao gồm 1.625.206.459 đồng là số tiền lãi của năm trước đã trả trong năm này. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền chi xây dựng và mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác không bao gồm 357.861.380 đồng (năm 2018: 44.848.375.191 đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Tuy nhiên, tiền chi xây dựng và mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác trong năm bao gồm 36.625.757.691 đồng là số tiền chi thanh toán cho khoản công nợ liên quan đến việc mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác chưa được thanh toán trong năm trước. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.



Tiền chi xây dựng và mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác không bao gồm 36.363.227.928 đồng (năm 2018: 21.193.285.010 đồng), là tài sản mua thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính.

Tiền chi trả cổ tức trong năm không bao gồm khoản tiền 162.593.135 đồng là số tiền cổ tức đã công bố mà chưa thanh toán (năm 2018: 153.122.985 đồng) và khoản tiền 37.868.630.000 đồng là khoản cổ tức được trả bằng cổ phiếu. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả. Đồng thời, vốn góp trong năm không thể hiện khoản phi tiền tệ này.

**46. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Một số số liệu của năm trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh số liệu năm nay, cụ thể như sau:

	Mã số	Số đã báo cáo VND	Phân loại lại VND	Số sau phân loại lại VND
<b>Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018</b>				
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	176.615.875.095	(142.427.947.680)	34.187.927.415
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	1.007.707.771.514	142.427.947.680	1.150.135.719.194
<b>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018</b>				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	86.117.376.686	(32.705.677.515)	53.411.699.171
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(79.781.600.746)	32.705.677.515	(47.075.923.231)

*[Signature]*

Phạm Thị Thanh Thủy  
Người lập

*[Signature]*

Nguyễn Minh Hào  
Kế toán trưởng



Lee Eun Hong  
Tổng Giám đốc  
Ngày 18 tháng 3 năm 2020



XÁC NHẬN CỦA  
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, NGÀY 10 THÁNG 04 NĂM 2020

TỔNG GIÁM ĐỐC



LEE EUN HONG

The image shows a red circular official stamp of the company. The text inside the stamp reads: 'CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THANH CÔNG' and 'HỒ CHÍ MINH - TP. HỒ CHÍ MINH'. A blue ink signature is written over the stamp. Below the stamp, the name 'LEE EUN HONG' is printed.



36 Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh



[www.thanhcong.com.vn](http://www.thanhcong.com.vn)



Mobile: (028) 38 153962  
Fax: (028) 38 152757